BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO

Trường : Bế Văn Đàn
Lớp : 9E
Môn học : Tiếng Việt
Họ Tên : Tuấn Việt
Năm học : 2002 / 2003

Việt

9

thuongmaitruongxua.vn

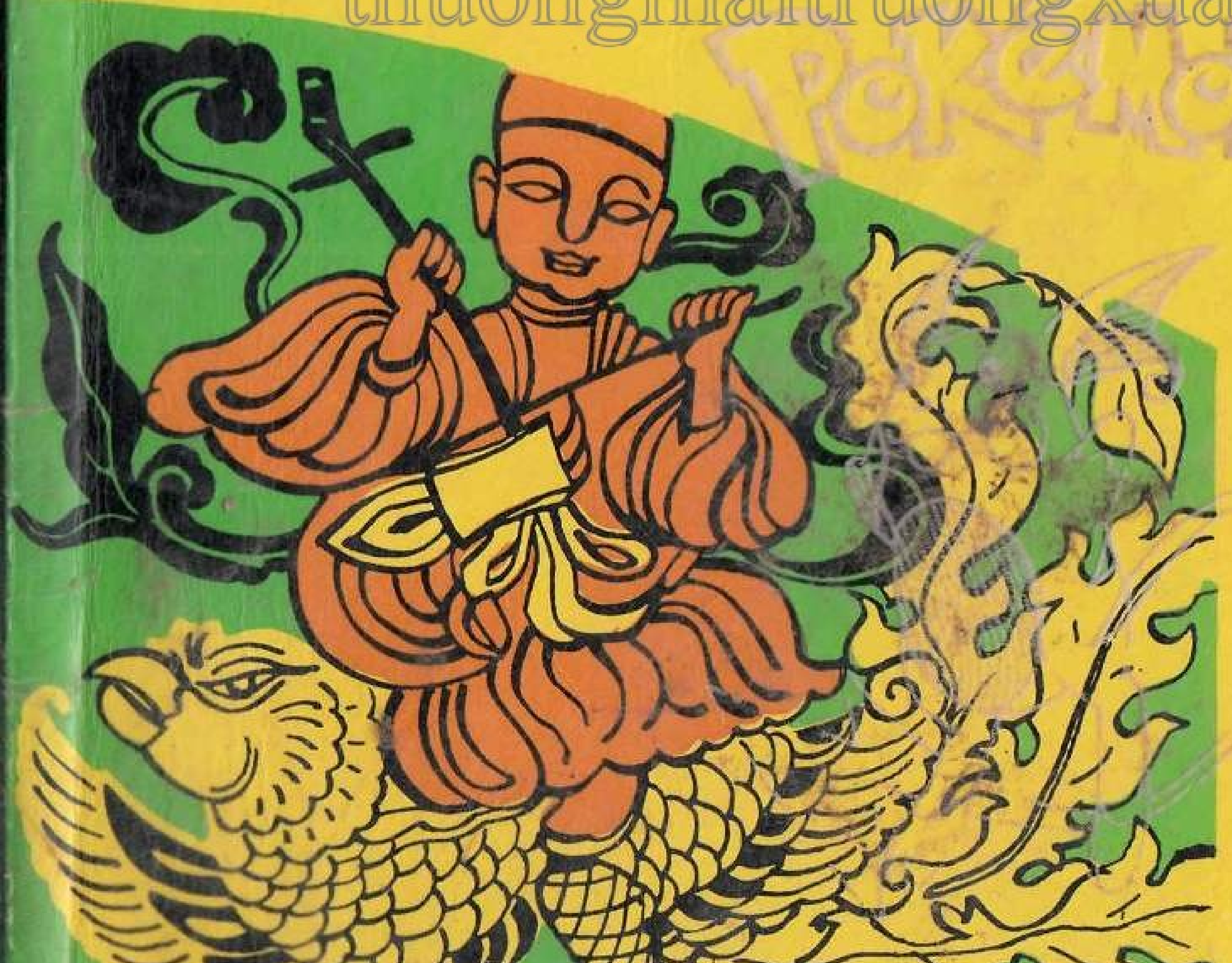

thuongmaitr

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Biên soạn :
LÊ CẬN - NGUYỄN QUANG NINH
Chỉnh lí :
DIỆP QUANG BAN - HỒNG DÂN

Tiếng Việt

9

ruongxua.vn

(Tái bản lần thứ mười hai)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI

Tổng biên tập VŨ DƯƠNG THUY

Biên tập :

NGUYỄN QUỐC SIÊU

Biên tập tái bản :

PHẠM KIM CHUNG

Biên tập kĩ thuật :

TRẦN THU NGA

Trình bày bìa :

TÀO THANH HUYỀN

Sửa bản in :

DIỆU PHƯƠNG

Sắp chữ :

PHÒNG CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC)

4(V)(075) / GD - 02 1302/271 - 01 Mã số : 2H926T2

thuongmaitr

Tiết 1

NGHĨA MIÊU TẢ TRONG CÂU

I – TÌM HIỂU BÀI

1. Trong những câu sau đây, câu nào nói về sự vật, sự việc, hiện tượng, câu nào nêu lên cảm xúc, câu nào vừa nói về sự vật vừa nêu lên cảm xúc ?

(a) *Mưa.*

(b) *Trời đang mưa.*

(c) *Ôi trời mưa to quá, mát thật !*

(d) *Chao ôi !*

(đ) *Trời cao đất dày ơi !*

2. Hiện tượng nêu trong 2 câu sau đây về cơ bản có giống nhau không ?

(a) *Lọ hoa bày trên bàn.*

(b) *Trên bàn bày lọ hoa.*

II – BÀI HỌC

Câu có những thành phần ý nghĩa khác nhau. Trước hết cần nhận biết nghĩa miêu tả trong câu.

1. Nghĩa miêu tả trong câu

Nghĩa miêu tả trong câu là nghĩa về vật, việc, hiện tượng được phản ánh trong câu.

Ví dụ :

(a) *Con mèo nằm ngoài sân.*

truongxua.vn

(b) *Tất cả chuẩn bị.*

(Nguyễn Đình Thi)

(c) *Cốp, cốp, cốp, cốp, bộ đội chạy trên đường goòng (...)*

(Nguyễn Đình Thi)

2. Nghĩa miêu tả trong câu và thành phần câu

Nghĩa miêu tả trong câu chủ yếu được phản ánh bằng các thành phần như :

- chủ ngữ,
- động từ, tính từ làm thành tố chính ở vị ngữ,
- các loại bổ ngữ của động từ, tính từ làm thành tố chính ở vị ngữ,
- trạng ngữ câu,
- đề ngữ.

Trong câu, những bộ phận nêu sau đây không thuộc vào nghĩa miêu tả sự vật, việc, hiện tượng phản ánh trong câu đó :

- phần phụ tình thái,
- phần chuyển tiếp,
- phần phụ cảm thán.

Chẳng hạn, trong những câu sau đây, những thành phần được in đậm làm thành nghĩa miêu tả trong câu ; các bộ phận còn lại không thuộc vào số đó :

Ví dụ :

(a) *Thế là,* **ngay lúc ấy, chúng tôi đáp xe đi luôn** *đấy ạ.*

(b) **Đời !** ... *Ôi chao* **đời !**

(Nam Cao)

Các tổ hợp từ *thế là* (phần chuyển tiếp), *đấy ạ* (phần phụ tình thái), *ôi chao* (phần phụ cảm thán) không thuộc về nghĩa miêu tả của câu này.

Chú thích : Các định ngữ đi với danh từ không cần phải tách riêng ra khỏi danh từ, khi phân tích quan hệ trong cấu trúc nghĩa khái quát của câu.

thuongmaitr

Trong mỗi câu có những thành phần ý nghĩa khác nhau. Trước hết, cần nhận biết thành phần nghĩa miêu tả trong câu.

Nghĩa miêu tả trong câu là nghĩa về vật, việc, hiện tượng, được phản ánh trong câu.

Trong mối quan hệ với thành phần câu (chức vụ cú pháp), nghĩa miêu tả được diễn đạt bởi chủ ngữ, động từ hoặc tính từ làm thành tố chính ở vị ngữ, các loại bổ ngữ của động từ hoặc tính từ đó, thành phần phụ trạng ngữ của câu, đề ngữ.

Các phần phụ tình thái, phần chuyển tiếp, phần phụ cảm thán không tham gia vào việc tạo nghĩa miêu tả trong câu đó.

III – BÀI TẬP

1. Đọc truyện cười sau đây, tìm trong mỗi câu những từ ngữ không diễn đạt nghĩa miêu tả trong câu ấy và gạch dưới những từ ngữ ấy.

uongxua.vn

ĐỂ CHÚNG KHỎI LẠC ĐÀN

Hai người ngồi ăn cơm. Trong đĩa có năm con tôm, một người ăn hết bốn con, rồi mới mời người kia.

– Ô kìa ! Sao anh không xơi đi ?

Người kia nói :

– Thôi mời anh xơi nốt, để chúng khỏi lạc đàn !

(Trương Chính – Phong Châu.
Tiếng cười dân gian Việt Nam)

2. Đặt 2 câu trong đó chỉ chứa từ ngữ diễn đạt nghĩa miêu tả của câu.

3. Đặt 2 câu, trong mỗi câu có chứa từ ngữ không diễn đạt nghĩa miêu tả trong câu ấy. Cho biết những từ ngữ này là phần gì trong câu đó.

4. Cho bài thơ sau đây :

ĐỀ ĐỀN SẦM NGHI ĐỐNG

Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo
Kìa đền thái thú đứng cheo leo
Ví đây đổi phận làm trai được
Thì sự anh hùng há bấy nhiêu ?

(Hồ Xuân Hương)

Câu cuối của bài thơ này có dạng một câu nghi vấn. Hãy nêu phần nghĩa miêu tả (nhìn nhận sự việc, không phải hỏi) trong câu này dưới một dạng khác (bằng văn xuôi).

Tiết 2

TÌNH THÁI TRONG CÂU

I – TÌM HIỂU BÀI

1. Trong những câu sau đây, phần nào diễn đạt nghĩa miêu tả của câu ?

(a) *Trời mưa.*

(b) *Có lẽ trời mưa.*

(c) *Chắc là trời mưa ạ.*

2. Những tiếng : *có lẽ, chắc là* nói gì về hiện tượng "trời mưa" ?

3. Nói với ai thì thường dùng kèm từ *ạ* ?

II – BÀI HỌC

Trong câu, ngoài thành phần ý nghĩa miêu tả đã nói đến ở tiết trước, còn có phần tình thái. Tình thái là sắc thái ý nghĩa đi kèm với nghĩa miêu tả để nêu những nhận xét, đánh giá, thái độ của người nói đối với sự việc được miêu tả trong câu, hoặc đối với người nghe. Tình thái được diễn đạt bằng những phương tiện ngôn ngữ nhất định. Ở đây không bàn đến tất cả các kiểu tình thái có

thể có mà chỉ chú trọng đến những tình thái được diễn đạt bằng từ ngữ riêng trong câu, và thuộc 2 phạm vi sau đây :

- cách đánh giá kèm theo, thái độ kèm theo của người nói đối với sự việc nói trong câu,

- thái độ, cách đối xử kèm theo của người nói đối với người nghe.

Ví dụ : (phần diễn đạt tình thái được in đậm)

(a) **Nghe nói**, *bảo có lệnh đuổi hết những người làng chợ Dầu khỏi vùng này không cho ở nữa.*

(Kim Lân)

(b) *Đàn em tưởng như chị nó mang luôn cả má xuống theo. Nhưng khi con chị đã tuột xuống tới đất mà không thấy má, lũ em lại dòm ngược lên.* **Dường như** *má cùng với trận chiến đấu hồi nãy đã biến mất vào trong những trái dừa xanh biếc đó.*

(Nguyễn Thi)

(c) *Sáng hôm nay lúc bà Hai sắp sửa quang gánh ra hàng thì mụ chủ nhà không biết đi đâu về, mụ đứng dạng háng ở ngoài sân nói chõ vào :*

- *Bà lão chưa đi hàng* **cơ à** *? Muộn* **mấy** *?...*

- *Chưa bà* **ạ**. *Mời bà vào chơi trong này.*

- *Vâng bà để mặc em. A bà Hai* **này** *!...*

(Kim Lân)

Nghe nói chỉ tình thái trách nhiệm, cho biết trách nhiệm về nội dung câu nói là thuộc về người khác.

Dường như chỉ tình thái đánh giá, độ tin cậy thấp, đối với nội dung câu nói (phần nghĩa miêu tả).

Cơ à, mấy, ạ, này trong cách dùng ở đây cho thấy thái độ của người nói đối với người nghe.

> Tình thái là sắc thái ý nghĩa trong câu (thường đi kèm nghĩa miêu tả). Tình thái đa dạng và phức tạp. Ở đây chỉ bàn đến tình thái thuộc 2 phạm vi :

– cách đánh giá kèm theo, thái độ kèm theo của người nói đối với sự việc nói trong câu,

– thái độ, cách đối xử kèm theo của người nói đối với người nghe.

III – BÀI TẬP

1. Gạch dưới những từ, tổ hợp từ diễn đạt tình thái (hiểu như ở bài học) trong phần trích sau đây :

[...] *Chúm chúm hai bàn tay, nó giúi vào bụng mỗi đứa một cái nói :*

– Cho mỗi đứa một cái bánh nè... (b)

Rồi bẽn lẽn, vành môi trên hơi cong lên, nó nói tiếp – Tao cũng giống má, heng ! (a,b)

Con Thanh gật đầu. Thằng Hiển dòm lom lom vào tay chị để tìm xem còn có cái gì nữa không. Con Anh lắc đầu :

– Chị Hai không giống má mù... (b)

– Sao không giống ?

– Không phải bánh, mù... (b)

Con Bé ngoắt người đi :

– Mầy nói tao không giống, lát má về tao không chia bánh cho mầy nữa. Rồi, ai biểu mầy nói tao không giống má ...

Con Anh khóc :

– Không... giống thiệt mà... (b)

– Để một mình mày giống hết, nghen ! (b)

Lập tức con nhỏ nín ngay.

Lớp học rộn lên vì người mẹ rồi lại tiếp tục. Bóng dừa đã hơi ngả sang một bên. Sông Hậu mênh mông thỉnh thoảng lại thổi vào Tam Ngãi những cơn gió biển. Trong gió nghe như có tiếng hát.

(b) (Nguyễn Thi)

2. Những từ ngữ diễn đạt tình thái trong phần trích ở bài tập 1 thuộc vào kiểu tình thái nào trong số 2 kiểu tình thái đã học ?

thuongmaitr

3. Trong chuỗi câu sau đây có từ diễn đạt kiểu ý nghĩa tình thái nào không ? (trong những kiểu học ở tiết này)

Nó không thấy quan nói gì nên cũng hơi tỉnh tâm. Nó bèn cúi ngồi xuống để nhặt tiền. Một đồng, hai đồng. Đồng thứ ba nghiêng ở mé tường. Nó tìm đồng thứ tư. Mãi nó mới thấy ở tận gần chân bàn giấy của quan. Nó tìm đồng thứ năm. Quái, nó tìm mãi, mà không thấy đâu cả.

(Nguyễn Công Hoan)

4. Đặt một đoạn đối thoại giữa những người bạn cùng tuổi với nhau trong đó có dùng từ, tổ hợp từ tình thái chỉ thái độ của người nói với người nghe.

Tiết 3

LUYỆN TẬP VỀ NGHĨA CỦA CÂU

truongxua.vn

1. Đọc phần trích sau đây, chép ra những câu có chứa từ, tổ hợp từ diễn đạt tình thái (thuộc những kiểu đã học) và phân biệt nghĩa miêu tả với tình thái trong những câu đó

(1) *Ông Hai chưa thấy người đàn bà nào lại tham lam tinh quái như mụ ta.*

(2) *Người thì gầy dét như thanh củi khô.* (3) *Cái miệng mỏng lèo lèo, nói cứ liến đi, mà chúa thần là gian.* (4) *Không vào nhà thì thôi, động vào là nhòm.* (5) *Mụ nhòm xó này một tí, nhòm xó kia một tí, rồi lục.* (6) *Mụ giơ lọ tương lên ngắm rồi đặt xuống, mụ mở thạp gạo ra xem, lại đậy vào, mụ lục bồ moi cái áo ướm thử vào người, rồi ném trả.* (7) *Hình như trong ý mụ, mụ nghĩ : chúng mày ở nhà tao, thì những thứ của chúng mày cũng như của tao.* (8) *Đồ ăn thức dụng của mụ, mụ cất kĩ đi.* (9) *Con dao, cái chậu, bó củi của người ta mụ dùng tự nhiên, hễ cất đi mụ lại lôi ra.* (10) *Không tìm thấy thì mụ nói móc, nói máy như chính mụ bị người ta hà hiếp.* (11) *Đến cả cái ăn, cái uống mụ cũng dây phần vào.* (12) *Có cái nồi nước giải mua để tăng gia một tí, mụ cũng lấy hết.*

(13) *Trong nhà động có thức gì mụ đã biết rồi.* (14) *Không một hôm nào bà Hai ở quán về mụ không sấn đến vạch thúng ra xem.*

– (15) *Ái chà !* (16) *Nhà này có mó cá ngon gớm, chiều tớ phải xin một bát mấy được.*

(17) *Thế là chiều mụ sai con bưng bát đến xin.* (18) *Mụ đẩy lưng thằng bé :*

– (19) *Con cứ xuống mà xin, tôi gì.*

(20) *Có cái gì ăn, giấu mà mụ biết thì mụ đánh hơi.* (21) *Mụ đứng giữa nhà, hếch cái mũi lên hít hít :*

– (22) *Có cái gì mà thơm gớm, y như mùi bánh rán ấy anh em a.* (23) *Mẹ kiếp nhà này nó giấu.*

(Kim Lân)

2. Xét xem tổ hợp từ *mới được (mấy được)* trong những câu sau đây diễn đạt sắc thái ý nghĩa khái quát nào (nói lên cái gì) ?

(a) *Nhà này có mó cá ngon gớm, chiều tớ phải xin một bát* **mấy được**.

(b) *Anh phải giúp bạn ấy một tay* **mới được**.

(c) *Tìm tổng của những số này trước* **mới được**.

3. Có thể thay từ *hình như* đầu câu (7) của bài tập 1 bằng những từ, tổ hợp từ nào ?

4. Đặt một đoạn đối thoại giữa những người không cùng lứa tuổi hoặc không cùng địa vị xã hội, trong đó có sử dụng những từ, tổ hợp từ tình thái chỉ thái độ của người nói với người nghe (hai chiều).

Tiết 4

MỤC ĐÍCH NÓI

I – TÌM HIỂU BÀI

Đọc phần trích sau đây và suy nghĩ theo những câu hỏi cho ở dưới :

[...] (1) *Dưới chân đồi, những thửa ruộng lúa xanh mượt, uốn quanh co dưới trời nắng, lấp loáng như một khúc sông.* (2) *Có mấy bóng cò trắng bay dật dờ...*

– (3) *Các ông các bà ở đâu ta lên đấy ạ ?*

– (4) *Ông Hai đặt bát nước xuống chõng hỏi.* (5) *Một người đàn bà mau miệng trả lời :*

– (6) *Thưa ông, chúng cháu ở Gia Lâm lên đấy ạ.* (7) *Đi bốn năm hôm mới lên đến đây, vất vả quá !*

– (8) *Ở Gia Lâm lên ạ ?* (9) *Lúa má dưới ta thế nào, liệu có cấy được không bác ?*

– (10) *Chả cấy thì lấy gì mà ăn.* (11) *Cấy tất ông ạ.* (12) *Chân ruộng dưới chúng cháu còn tốt hơn trên này nhiều.*

(13) *Thì vườn !* (14) *Lúa dưới ta tốt nhiều chứ.*

(Kim Lân)

a) Theo sự phân loại câu theo mục đích nói, trong số những câu trên, câu nào thuộc kiểu câu nghi vấn ?

b) Trong số những câu nghi vấn đó, câu nào thực sự dùng để hỏi, câu nào không nhằm mục đích dùng để hỏi ?

ruongxua.vn

II – BÀI HỌC

1. Mục đích nói

Nói ra câu thường là phản ánh sự việc. Tuy nhiên, ngoài sự phản ánh đó, bao giờ cũng còn có những hành động với những mục đích khác nhau. Hành động có mục đích này được thực hiện khi ta nói ra câu nhưng không trùng với việc phản ánh sự việc.

Dễ nhận ra điều vừa nói ở câu nói không phản ánh sự việc như : *Ôi chao !* Câu nói này không trực tiếp phản ánh một sự việc nào cả, nhưng khi nói nó người ta vẫn đồng thời thực hiện một (hay những) hành động có mục đích nào đó, chẳng hạn hành động bộc lộ tâm trạng (than thở, kinh ngạc v.v...).

Vậy là, nói ra câu có thể là :

– Hoặc thực hiện *hành động (với mục đích) miêu tả sự việc, hay xác nhận sự việc, hay khẳng định sự việc, hay phủ định sự việc* v.v...

– Hoặc thực hiện *hành động (với mục đích) hỏi*,

– Hoặc thực hiện *hành động (với mục đích) sai khiến, yêu cầu* ai đó làm việc gì đó,

– Hoặc thực hiện *hành động (với mục đích) bộc lộ* tình cảm, cảm xúc nào đó,

– v.v...

Mục đích của những hành động như miêu tả, khẳng định, phủ định, hỏi, sai khiến, yêu cầu, bộc lộ v.v... kể trên chính là *mục đích nói*. Vậy :

Mục đích nói là mục đích cụ thể của cái hành động được thực hiện khi phát ra câu nói.

Mục đích nói giúp nhận ra những hành động tương ứng với chúng khi phát ra câu nói.

Phân tích ví dụ :

Lấy phần trích ở mục *Tìm hiểu bài* làm ví dụ :

a) Câu (1, 2) là những câu nói ra để (nhằm mục đích) miêu tả, câu (4, 5) để thuật lại, kể lại.

b) Câu (3) là câu được nói ra để hỏi.

c) Câu (6, 7) là câu nói ra để trả lời, đồng thời để xác nhận (hai) sự việc.

d) Câu (8) tuy có dạng câu nghi vấn nhưng không nhằm mục đích hỏi, mà thực ra là để xác nhận lại sự việc.

đ) Câu (9) được nói ra là để hỏi.

e) Câu (10, 11, 12) là những câu nói ra để trả lời, đồng thời cũng xác nhận những sự việc cụ thể.

g) Câu (13) nói ra để tỏ sự đồng tình. Câu (14) nói ra để khẳng định sự việc.

Tóm lại, nói ra bất cứ câu nào đồng thời cũng đều là thực hiện một (hay những) hành động có mục đích nhất định.

2. Mục đích nói với kiểu câu phân loại theo mục đích nói

Xét về cách cấu tạo, bất kì câu nào được nói ra cũng đều thuộc về một trong bốn kiểu câu phân loại theo mục đích nói :

- câu trần thuật,
- câu nghi vấn,
- câu cầu khiến,
- câu cảm thán.

Mục đích nói phong phú hơn về số lượng và cụ thể hơn về nội dung so với "mục đích nói" trong bốn kiểu câu phân loại theo mục đích nói. Vì vậy, cần phải lựa chọn cách diễn đạt.

Việc lựa chọn kiểu câu nào trong số bốn kiểu câu kể trên để diễn đạt mục đích nói cụ thể tùy thuộc vào hoàn cảnh sử dụng ngôn ngữ. Làm sao để thực hiện cho được ý định giao tiếp của người nói.

– Chẳng hạn, có thể dùng câu nghi vấn để :

+ Hỏi. Ví dụ :

Mấy giờ anh có thể ghé lại chỗ tôi ?

+ Xác nhận một việc. Như ví dụ trong phần trích trên :

Ở Gia Lâm lên ạ ?

+ Sai khiến. Ví dụ :

Mai rỗi giúp mình một buổi hở ?

+ Mời mọc, rủ rê. Ví dụ :

Tối nay đi xem phim với bọn tớ được không ?

– Có thể dùng câu trần thuật để :

+ Kể. Ví dụ :

Quyển sách này của bạn Giáp cho mình đấy.

+ Sai khiến. Ví dụ :

Bài này khó quá, mình muốn bạn chỉ cho mình với.

Nói không chỉ là phản ánh sự việc, mà còn là hành động nhằm mục đích cụ thể nhất định, đó là mục đích nói. Vậy *mục đích nói là mục đích cụ thể của cái hành động được thực hiện khi phát ra câu nói*. Mục đích nói giúp nhận ra những hành động tương ứng với chúng.

ruongxua.vn

Mục đích nói *phong phú* về số lượng, *cụ thể* về nội dung, *đa dạng* về cách diễn đạt. Việc dùng bốn kiểu câu : trần thuật, nghi vấn, cầu khiến, cảm thán để diễn đạt mục đích nói cần phải linh hoạt, tùy thuộc vào hoàn cảnh sử dụng ngôn ngữ. Như vậy mới đạt được ý định giao tiếp cụ thể.

III – BÀI TẬP

1. Những câu nghi vấn (xét theo 4 kiểu câu phân loại theo mục đích) in đậm sau đây dùng với những mục đích nói nào ? (lựa chọn trong số những mục đích hỏi, ngờ vực, mời mọc, rủ rê, đề nghị, ra lệnh).

Ví dụ 1 :

Ất đến nhà Giáp chơi. Giáp vắng nhà, Ất hỏi người nhà Giáp :

– Giáp không có ở nhà hở bác ?

– Cháu hỏi nó làm gì ? *Nó đi vắng rồi.*

– Cháu đến chơi thôi ạ.

thuongmaitr

Ví dụ 2 :

Giáp có mấy cái vé đi xem ca nhạc. Gặp Ất, Giáp hỏi :

– Nè, có đi xem ca nhạc với mình không ?

– Vé đâu mà đi ?

– Mình có đây rồi, yên tâm.

Ví dụ 3 :

Hai bạn cùng đi một chiếc xe, ta nghe những câu đối thoại sau đây :

– Mình mệt lắm, cậu lai mình được không ?

– Được, để mình lai.

2. Trước cảnh một đứa bé không chịu ăn cơm, ta có thể nghe những câu sau đây, xét xem mỗi câu có mục đích nói nào ? (Gợi ý : nài nỉ, khích lệ, yêu cầu, ra lệnh, thúc giục, xúc phạm (mắng mỏ, đe dọa).)

– Con mẹ ngoan, ăn đi nào !
– Ồ, con của mẹ giỏi lắm, con ăn hết ngay phải không nào ?
– Ăn đi con, cơm vữa hết rồi !
– Ăn đi chứ, ngồi mãi đó à !
– Có ăn không thì bảo ?

3. Những mục đích nói nào của các câu ở bài tập 2 có thể gộp chung lại dưới cái tên khái quát là mục đích cầu khiến ?

4. Đặt một chuỗi câu (có thể là đoạn đối thoại), trong đó có kiểu câu nghi vấn không dùng với mục đích hỏi.

Tiết 5

LUYỆN TẬP VỀ MỤC ĐÍCH NÓI VÀ CÂU PHÂN LOẠI THEO MỤC ĐÍCH NÓI

truongxua.vn

1. Đọc phần trích sau đây, xếp các câu (theo con số ghi ở đầu câu) theo kiểu câu phân loại theo mục đích nói vào các cột trong bảng dưới bài đọc :

[...] (1) *Nồi cơm hơi to, nhầm không thể nhấc xuống để chắt nước được, đến lúc đó nó mới nhìn lên anh Sáu (tức ba của đứa bé).* (2) *Tôi nghĩ thầm, con bé đang bị dồn vào thế bí, chắc nó phải gọi ba nó thôi.* (3) *Nó nhìn dáo dác một lúc rồi kêu lên :*

– (4) *Cơm sôi rồi, chắt nước giùm cái !* – (5) *Nó cũng lại nói trổng.*

(6) *Tôi lên tiếng mở đường cho nó :*

– (7) *Cháu phải gọi "ba chắt nước giùm con", phải nói như vậy.*

(8) *Nó như không nghe đến câu nói của tôi, nó lại kêu lên :*

– (9) *Cơm sôi rồi, nhão bây giờ !*

(10) *Anh Sáu vẫn cứ ngồi im.* (11) *Tôi dọa nó :*

– (12) *Cơm mà nhão, má cháu về thế nào cháu cũng bị đòn.* (13) *Sao cháu không gọi ba cháu.* (14) *Cháu nói một tiếng "ba" không được sao ?*

(15) *Lúc đó nồi cơm sôi lên sùng sục.* (16) *Nó hơi sợ, nó nhìn xuống vẻ nghi ngại.* (17) *Nhưng nó vẫn không chịu thua.*

(Nguyễn Quang Sáng)

Câu trần thuật	Câu nghi vấn	Câu cầu khiến

2. Trong phần trích trên, những câu nào được dùng với mục đích cầu khiến ?

3. Những câu có mục đích cầu khiến tìm được ở bài tập 2 nếu xét theo kiểu câu phân loại theo mục đích nói thì chúng thuộc những kiểu nào ?

4. Câu nào trong phần trích trên có mục đích (nói) đe dọa ?

5. Đặt một đoạn đối thoại và cho biết mục đích nói trong mỗi lời thoại.

Tiết 6

VĂN BẢN VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BẢN

I – TÌM HIỂU BÀI

1. Người Việt Nam có câu tục ngữ : *Ăn nên đọi, nói nên lời.* Theo em hiểu, *lời* ở đây có nghĩa là gì ?

2. Hãy đọc kĩ các ví dụ sau đây :

Ví dụ 1 :

Lá lành đùm lá rách.

(Tục ngữ)

thuongmaitr

Ví dụ 2 :

Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

(Ca dao)

Ví dụ 3 :

Sông kia rày đã nên đồng
Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai.
Vẳng nghe tiếng ếch bên tai,
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò.

(Trần Tế Xương)

Ví dụ 4 :

Dê đen và dê trắng cùng qua một chiếc cầu hẹp. Dê đen đi đằng này lại. Dê trắng đi đằng kia sang. Con nào cũng muốn tranh sang trước, không con nào chịu nhường con nào. Chúng húc nhau, cả hai đều rơi tòm xuống suối.

tuongxua.vn

(*Tiếng Việt 1*. Tập hai. 2001)

Mỗi ví dụ trên được gọi là một *văn bản*. Em thử suy nghĩ xem tại sao người ta gọi như vậy ?

II – BÀI HỌC

1. Khái quát về văn bản

Nói thì phải nói thành *lời*.

Viết thì phải viết thành *bài*.

Lời nói, bài viết đó chính là *văn bản**. Vậy, văn bản là sản phẩm của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.

Văn bản có thể ngắn. Văn bản ngắn nhất chỉ có một câu (như ví dụ 1, ví dụ 2 trong mục *Tìm hiểu bài*). Nhưng thông thường thì văn bản do nhiều câu tổ chức thành (như ví dụ 3, ví dụ 4 trong mục *Tìm hiểu bài*). Một bài làm văn, một đơn xin việc, một giấy xin phép nghỉ học... đều là những văn bản. Một bài thơ,

* Hiểu theo nghĩa rộng (tương đương với *ngôn bản*).

một truyện ngắn, một bộ tiểu thuyết nhiều tập... cũng đều là những văn bản. Như vậy, văn bản có thể dài, thậm chí rất dài.

Nhưng dù ngắn hay dài, văn bản cũng phải "có đầu có đuôi", phải là *một thể thống nhất hoàn chỉnh*.

2. Đặc điểm của văn bản

a) Văn bản là một thể thống nhất có *tính chất trọn vẹn về nội dung*. Văn bản, dù là dài hay ngắn, cũng luôn luôn trình bày một sự việc đầy đủ, trọn vẹn. Ý nghĩa của các câu trong văn bản bao giờ cũng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, có mạch lạc rõ ràng. Chẳng hạn, ví dụ 4 trong mục *Tìm hiểu bài* là một văn bản có tính chất trọn vẹn về nội dung : nói về hai con dê bướng bỉnh không biết nhường nhịn nhau, nên đều cùng lâm nạn ; văn bản đó gồm 5 câu được sắp đặt theo trình tự trước sau rất hợp lí (nếu thay đổi trình tự ấy thì tính mạch lạc về ý nghĩa giữa các câu bị phá vỡ).

Tính chất trọn vẹn về nội dung (hoàn chỉnh về nội dung) được thể hiện rõ ở chỗ có thể đặt *đầu đề* (hay *tiêu đề*, hay *nhan đề*) cho văn bản.

thuongmaitr

Đầu đề có giá trị xác định giới hạn nội dung của văn bản. Qua đầu đề, người tiếp nhận văn bản sơ bộ hiểu được nội dung khái quát của văn bản ; và chính nội dung được trình bày trong văn bản lại làm sáng rõ cho đầu đề, thuyết minh cho đầu đề. Ví dụ 3 trong mục *Tìm hiểu bài* là một văn bản – một bài thơ – có đầu đề là *SÔNG LẤP* ; ví dụ 4 cũng là một văn bản và có thể đặt cho nó một đầu đề kiểu như *HAI CON DÊ TRÊN MỘT CÁI CẦU*.

b) Văn bản là một thể thống nhất có *tính chất hoàn chỉnh về hình thức*. Mỗi văn bản đều có tính chất hoàn chỉnh về hình thức. Đặc điểm này được thể hiện ở chỗ không cần và không nên thêm bất cứ câu nào vào trước câu đầu và sau câu cuối của một văn bản nếu không quá cần thiết. Ở những văn bản tương đối dài, thì thường đặc điểm trên còn được thể hiện ở kết cấu ba phần của văn bản : phần mở, phần thân, phần kết của văn bản.

Cần lưu ý thêm là tính chất hoàn chỉnh về hình thức của văn bản đòi hỏi các câu trong một văn bản phải được liên kết chặt chẽ với nhau bằng các phương tiện liên kết (xem *Tiếng Việt 8*).

Văn bản là sản phẩm của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, nó là một thể thống nhất có tính chất trọn vẹn về nội dung, hoàn chỉnh về hình thức.

III – BÀI TẬP

1. Thử đặt đầu đề cho các văn bản sau đây :

a)

Cứ mỗi độ thu sang,
Hoa cúc lại nở vàng,
Ngoài vườn hương thơm ngát,
Ong, bướm bay rộn ràng.

Em cắp sách tới trường,
Nắng tươi trải trên đường,
Trời cao xanh gió mát,
Đẹp thay lúc thu sang.

Phong cảnh mùa thu.

(*Tập đọc 1*)

truongxua.vn

b) *Thứ bảy tuần trước, tôi rủ Hùng và Thắng đi xem chiếu bóng. Rạp thì xa, ba người chỉ có một chiếc xe đạp. Tôi quyết định "din ba cầu", nghĩa là ba người đi một xe. Hùng tỏ vẻ lo ngại, nhưng tôi cả quyết là không việc gì, tôi tin ở tay lái của tôi.*

Tôi "din ba cầu" ngay từ trước cửa nhà. Thắng ngồi trên khung xe đằng trước. Hùng ngồi cái đèo hàng đằng sau. Ra đến đầu ngõ, tôi phóng liền. Chợt một chiếc xe hon đa lao tới. Hoảng quá, tôi luống cuống, đâm bổ ngay vào cột điện. Thắng bị bươu đầu, tôi bị sứt trán, Hùng bị rách môi ; cũng may chân tay còn nguyên vẹn cả. Người qua đường chê trách chúng tôi đủ điều : choai choai tí tuổi đã nghênh ngang, phóng xe từ trong ngõ phóng ra, ba người chất lên một cái xe, không còn biết luật lệ giao thông là gì nữa.

Thật hú vía, nhớ đời tài "din ba cầu" của tôi.

(*Tập làm văn 7. 1994*)

2. VÔ ĐỀ

Đã lâu không làm bài thơ nào
Nay lại thử làm xem ra sao

Lục khắp giấy tờ vần chưa thấy
Bỗng nghe vần "thắng" vút lên cao.

(Hồ Chí Minh)

Bài thơ trên có đầu đề là *Vô đề*. Em thử giải thích mối quan hệ giữa đầu đề với nội dung của bài thơ.

3. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du vốn có tên gọi khác là *Đoạn trường tân thanh*. Em thử giải thích mối quan hệ giữa mỗi đầu đề đó với nội dung của tác phẩm.

4. Hãy viết một văn bản, rồi đặt đầu đề cho văn bản ấy.

5. Hãy đặt một đầu đề, rồi viết một văn bản theo đầu đề ấy.

6. Em có nhận xét gì, nếu văn bản được dẫn ở ví dụ 4 trong mục *Tìm hiểu bài* được viết như sau :

Dê đen đi đằng này lại. Dê trắng đi đằng kia sang. Dê đen và dê trắng cùng qua một chiếc cầu hẹp. Chúng húc nhau, cả hai đều rơi tõm xuống suối. Con nào cũng muốn tranh sang trước, không con nào chịu nhường con nào.

thuongmaitr

Tiết 7

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ VĂN BẢN

I – TÌM HIỂU BÀI

1. Ca dao Việt Nam có câu :

Lời nói chẳng mất tiền mua
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.

Theo em, thế nào là *lựa lời*, thế nào là *vừa lòng nhau* ?

2. Thử nhận xét về sự khác nhau giữa 2 đoạn văn sau đây :

a) Rừng tre, nứa ở nước ta có nhiều loài, nhưng thông dụng nhất có khoảng 30 loài như : tre trinh, tre hoa, tre vầu, luồng, giang, lồ ô, nứa, trúc... Các loại tre, nứa này phân bố ở Tây Bắc, Việt Bắc, đông Nam Bộ.

(Dẫn theo *Việt Nam đất nước giàu đẹp*)

b) Nước Việt Nam xanh muôn ngàn cây lá khác nhau. Cây nào cũng đẹp, cây nào cũng quý, nhưng thân thuộc nhất vẫn là tre nứa. Tre Đồng Nai, nứa Việt Bắc, tre ngút ngàn Điện Biên Phủ, lũy tre thân mật làng tôi... đâu đâu ta cũng có nứa tre làm bạn.

(Thép Mới)

II - BÀI HỌC

1. Nói thì phải biết *lựa lời*, tức là lựa chọn những phương tiện ngôn ngữ thích hợp để cấu tạo thành *lời nói*, làm cho lời nói có khả năng được người nghe tiếp nhận một cách thuận lợi ("vừa lòng nhau").

Viết cũng vậy, cũng phải biết lựa chọn những phương tiện ngôn ngữ thích hợp để cấu tạo thành bài viết nhằm làm cho sự diễn đạt, thông báo có được hiệu quả cao nhất.

Sự lựa chọn đó trong việc tạo ra văn bản chịu sự chi phối của ba nhân tố :

a) Tương quan giữa người nói, người viết với người nghe, người đọc về tuổi tác, về tư cách, về cương vị xã hội ... có ảnh hưởng quyết định đối với sự lựa chọn trong cấu tạo văn bản.

Có 3 kiểu tương quan chủ yếu :

- Người nói, người viết *ngang hàng* người nghe, người đọc (như học sinh - học sinh, người già - người già).

- Người nói, người viết *dưới hàng* người nghe, người đọc (như học sinh - thầy giáo, con - cha mẹ).

- Người nói, người viết *trên hàng* người nghe, người đọc (như thầy giáo - học sinh, ông - cháu).

b) Tình huống của sự giao tiếp có tác động lớn tới sự lựa chọn trong cấu tạo văn bản.

Có 2 loại tình huống điển hình :

- Tình huống giao tiếp có *tính chất nghi thức* thường gặp ở những sinh hoạt công cộng có lễ nghi hợp thức ; đòi hỏi sự giao tiếp bằng ngôn ngữ phải nghiêm túc, trang trọng, đúng mực.

- Tình huống giao tiếp *không có tính chất nghi thức* thường trong quan hệ bạn bè ; biểu hiện sự tùy tiện, thoải mái giữa các

cá nhân và sự giao tiếp bằng ngôn ngữ không quá bị gò bó trong một khuôn khổ nghiêm túc.

c) *Mục đích cần đạt tới của sự giao tiếp* cũng góp phần quy định sự lựa chọn trong cấu tạo văn bản. Cùng một đề tài, một nội dung, nhưng có thể được thông báo theo những mục đích khác nhau. Cần xác lập những kiểu văn bản thích ứng với những mục đích khác nhau ấy. Ví dụ, cùng viết về cây tre ở Việt Nam, nhưng một văn bản khoa học có khác với một văn bản nghệ thuật (xem 2 đoạn văn a, b ở mục *Tìm hiểu bài*).

2. Sự lựa chọn trong cấu tạo văn bản, xét một cách cụ thể, chính là sự lựa chọn các cách thức diễn đạt ; bao gồm :

a) cách thức sử dụng ngữ âm và chữ viết,

b) cách thức sử dụng từ ngữ,

c) cách thức sử dụng câu,

d) cách thức sử dụng biện pháp tu từ,

đ) cách thức bố cục, trình bày.

Sự khác nhau trong việc vận dụng những cách thức diễn đạt ấy tạo thành đặc điểm phân biệt các kiểu văn bản, tức các phong cách ngôn ngữ.

3. Như vậy, có thể nói phong cách ngôn ngữ của văn bản là những kiểu hình thức tương đối ổn định của mỗi loại văn bản, được hình thành qua thói quen lựa chọn các cách thức và phương tiện diễn đạt thích ứng với những điều kiện cụ thể trong từng tình huống hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.

Trong sự phân loại văn bản về mặt phong cách, người ta thường tách ra một bên là các loại : *văn bản khoa học, văn bản hành chính, văn bản chính luận* với một bên là *văn bản nghệ thuật*. Văn bản nghệ thuật có thể sử dụng tất cả các phong cách thuộc văn bản hành chính, khoa học, chính luận.

> Có những phong cách ngôn ngữ văn bản khác nhau, tức là có những kiểu văn bản khác nhau. Đó là kết quả của thói quen lựa chọn các cách thức diễn đạt thích hợp, trong sự chi phối của những nhân tố : tương quan giữa người lập văn bản và người nhận văn bản, tình huống giao tiếp, mục đích giao tiếp.

thuongmaitr

III - BÀI TẬP

1. *Chị Dậu xám mặt, vội vàng đặt con bé con xuống đất, chạy đến đỡ lấy tay hắn :*

– Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho !

– Tha này ! Tha này !

Vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến trói anh Dậu.

Hình như tức quá không chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại :

– Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ !

Cai lệ tát vào mặt chị một cái đánh bốp, rồi hắn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu.

Chị Dậu nghiến hai hàm răng :

– Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem [...]

(Ngô Tất Tố)

tuongxua.vn

Trong đoạn văn trên, có 3 lần chị Dậu (người nói) nói với cai lệ (người nghe), và mỗi lần ứng với một kiểu tương quan nhất định.

a) Hãy chỉ ra từng kiểu tương quan giữa người nói với người nghe trong mỗi lần chị Dậu nói với cai lệ.

b) Hãy tìm xem, ứng với từng kiểu tương quan, có sự khác nhau thế nào về sự sử dụng phương tiện ngôn ngữ trong mỗi lời nói của chị Dậu.

2. a) Tại sân trường, trong giờ ra chơi, X – lớp trưởng – nói với A và B :

– Tuần trước hai đứa chúng mày nghỉ học không xin phép. Cô chủ nhiệm rầy tao và bắt lớp xạc chúng mày một trận.

b) Tại lớp học, trong giờ sinh hoạt cuối tuần, X – lớp trưởng – nói :

– Tuần trước, hai bạn A và B nghỉ học không xin phép. Cô chủ nhiệm đã trách tôi và đề nghị lớp phê bình hai bạn ấy.

Hãy chỉ ra :

a) Có sự khác nhau thế nào về sự sử dụng phương tiện ngôn ngữ trong mỗi lời nói của lớp trưởng.

b) Tại sao cùng một nội dung mà lời nói của lớp trưởng trong mỗi lần nói lại không hoàn toàn giống nhau ?

3. *a) Sen : Cây mọc ở nước, lá to tròn, hoa màu hồng hay trắng, nhị vàng, hương thơm nhẹ, hạt dùng để ăn.*

(Từ điển tiếng Việt. 1992)

b) *Trong đầm gì đẹp bằng sen*
Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng
Nhị vàng bông trắng lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

(Ca dao)

Hãy chỉ ra :

– Sự khác nhau về sự sử dụng phương tiện ngôn ngữ trong 2 văn bản trên.

– Tại sao cùng nói về cây sen mà 2 văn bản trên lại không hoàn toàn giống nhau.

Tiết 8

VĂN BẢN KHOA HỌC

I – TÌM HIỂU BÀI

Hãy đọc kĩ và tìm hiểu xem cách diễn đạt trong 2 đoạn văn sau có gì khác nhau ?

– Sông Đà dài 910km, từ Vân Nam vào nước ta theo hướng tây bắc – đông nam, gần như song song với sông Hồng. Đoạn chảy ở địa phận nước ta dài trên 500km. Qua Lai Châu, dòng sông chảy trong một thung lũng sâu giữa khối cao nguyên đá vôi vùng Tây Bắc nên lắm thác ghềnh và đi qua những hẻm hùng vĩ.

thuongmaitr

Đến Hòa Bình, gặp núi Ba Vì, sông quật lên phía bắc rồi đổ vào sông Hồng ở Trung Hà.

– Sông Đà khai sinh ở huyện Cảnh Đông tỉnh Vân Nam, lấy tên là Li·Tiên mà đi qua một vùng núi ác, rồi đến gần nửa đường thì xin nhập quốc tịch Việt Nam, trưởng thành mãi lên và đến ngã ba Trung Hà thì chan hòa vào sông Hồng. Từ biên giới Trung – Việt tới ngã ba Trung Hà là 500 cây số lượn rồng rắn, và tính toàn thân sông Đà thì chiều dài là 883 nghìn thước mét.*

(Nguyễn Tuân)

II – BÀI HỌC

1. Các loại văn bản khoa học

Văn bản khoa học trình bày các vấn đề khoa học (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, và kĩ thuật).

Văn bản khoa học có ba loại chủ yếu :

a) Văn bản khoa học chuyên sâu. Bao gồm các công trình nghiên cứu khoa học, các chuyên luận, luận án, luận văn... của từng ngành khoa học, dùng trong các nhà chuyên môn.

b) Văn bản khoa học giáo khoa. Bao gồm các sách giáo khoa và các tài liệu về từng ngành khoa học, dùng trong nhà trường các cấp.

c) Văn bản khoa học phổ cập. Bao gồm các quyển sách, các bài báo... có mục đích truyền thụ một cách dễ hiểu, hấp dẫn những kiến thức khoa học phổ thông rộng rãi trong toàn dân.

2. Đặc điểm chung của văn bản khoa học

Văn bản khoa học có những đặc điểm chung, cơ bản dưới đây :

a) Tính trí tuệ. Văn bản khoa học phản ánh hoạt động và thành quả tư duy trừu tượng của con người, phục vụ cho việc

---

* Sông Đà phát nguyên từ huyện Cảnh Đông tỉnh Vân Nam Trung Quốc, với hai chi lưu là Bả Biên Giang và A Mặc Giang, chảy qua huyện Mặc Giang và Phổ Nhĩ rồi hợp lưu tại huyện Giang Thành với tên Lí Tiên Giang, sau đó chảy vào Việt Nam.

truyền bá những tri thức khoa học trong xã hội. Vì vậy, ngôn ngữ trong văn bản khoa học là ngôn ngữ của tư duy trừu tượng ; nó giải thích, chứng minh các kết luận khoa học một cách khách quan. Trong văn bản khoa học, nhất là loại văn bản khoa học chuyên sâu, rất ít có những yếu tố cảm xúc.

b) Tính lôgic. Văn bản khoa học phải có tính lôgic nghiêm ngặt, độ chính xác cao. Các nội dung khoa học đòi hỏi phải được trình bày bằng một hệ thống các luận cứ, luận điểm, luận chứng đúng đắn, vững chắc, có mạch lạc, với những khái niệm xác định ; giữa nội dung diễn đạt và hình thức diễn đạt phải có sự tương xứng chặt chẽ, theo kiểu quan hệ một đối một.

c) Tính khái quát. Nói tới khoa học là nói tới khái quát hóa, trừu tượng hóa, nó không dừng lại ở những cái cá biệt, cái riêng lẻ, cái có tính chất bộ phận. Vì vậy, ngôn ngữ trong văn bản khoa học cũng mang tính khái quát, tính trừu tượng.

3. Đặc điểm về cách thức diễn đạt trong văn bản khoa học

a) Về cách thức sử dụng chữ viết. Chữ viết trong văn bản khoa học luôn luôn theo đúng chuẩn chính tả chung. Ngoài ra, trong văn bản khoa học có dùng những hệ thống kí hiệu riêng, những công thức, những sơ đồ, những mô hình, những bảng, biểu... tùy theo từng ngành khoa học cụ thể.

b) Về cách thức sử dụng từ ngữ. Ngoài vốn từ chung, toàn dân, văn bản khoa học thường dùng hệ thống thuật ngữ riêng, của từng ngành chuyên môn, như : *chữ cái, âm tiết, thanh điệu, tiếng, từ, ngữ, câu, chủ ngữ, vị ngữ*... (trong ngôn ngữ học).

c) Về cách thức sử dụng câu. Văn bản khoa học sử dụng rộng rãi các kiểu câu đơn, câu phức theo một hệ thống cú pháp chuẩn.

Tuy nhiên, văn bản khoa học thường có sự chú trọng đặc biệt tới các kiểu câu sau đây :

– Kiểu câu đẳng thức *(chủ ngữ + là + vị ngữ)* thường xuất hiện khi đánh giá, nhận xét, định nghĩa...

Ví dụ :

Danh từ **là** *từ chỉ sự vật.*

– Kiểu câu khuyết chủ ngữ hoặc chủ ngữ không xác định rõ là ai, cái gì, có tác dụng làm cho sự diễn đạt có tính khách quan, khái quát.

Ví dụ :

Người ta *chia một ngày đêm ra 24 giờ, mỗi giờ có 60 phút, mỗi phút có 60 giây.*

– Kiểu câu phức với các cặp quan hệ từ hô ứng chặt chẽ (như : *nếu ... thì..., vì... nên...*) thường dùng khi cần trình bày những biện luận, những suy lí khoa học.

Ví dụ :

Nếu *tất cả các số hạng của một đa thức đều chứa một thừa số chung* **thì** *có thể đặt thừa số chung đó ra ngoài dấu ngoặc.*

d) Về cách thức sử dụng biện pháp tu từ. Văn bản khoa học, nhất là loại văn bản khoa học chuyên sâu, thường không dùng các biện pháp tu từ. Tuy vậy, riêng trong loại văn bản khoa học phổ cập, ta hay gặp những biện pháp tu từ như ẩn dụ, nhân hóa, so sánh...

ruongxua.vn

đ) Về cách thức bố cục, trình bày. Văn bản khoa học đòi hỏi được bố cục chặt chẽ ; văn bản dài thì được chia ra từng phần, từng chương, từng tiết, từng mục..., văn bản ngắn thì được chia ra từng đoạn rất phân minh. Ngoài ra, trong văn bản khoa học còn có những chú thích, những cước chú với những chi tiết được quy định rõ ràng.

> Văn bản khoa học trình bày về các nội dung khoa học, bao gồm văn bản khoa học chuyên sâu, văn bản khoa học giáo khoa và văn bản khoa học phổ cập. Nó có những đặc điểm chung là tính trí tuệ, tính lôgic và tính khái quát. Về cách thức diễn đạt, văn bản khoa học cũng có những yêu cầu riêng trong sử dụng chữ viết, sử dụng từ ngữ, sử dụng câu, sử dụng biện pháp tu từ và trong bố cục, trình bày.

III – BÀI TẬP

1. Các đoạn văn sau đây có đặc điểm của văn bản khoa học không ? Vì sao ?

– Tính từ dùng trong câu thường được kết hợp với các từ ngữ khác làm thành ngữ tính từ. Ngữ tính từ chỉ tính chất cụ thể của sự vật nêu trong câu.

– Khi đổi chỗ các thừa số thì tích số không thay đổi. Ta nói : phép nhân có tính chất giao hoán.

2. Trong một bài làm về môn Sinh học, một học sinh đã viết như sau :

Ánh sáng cung cấp năng lượng cho cây xanh quang hợp. Các quá trình sinh trưởng khác của cây cũng cần những tia sáng ấm áp, trong lành. Không có ánh sáng, cây xanh sẽ chết ngay tức khắc.

Đoạn văn trên có được viết theo đúng đặc điểm của văn bản khoa học không ? Vì sao ?

3. Hãy thống kê các thuật ngữ ngôn ngữ học đã được dùng trong tiết 1 của sách giáo khoa *Tiếng Việt 9* này.

4. Hãy viết một đoạn văn ngắn theo kiểu văn bản khoa học.

thuongmaitr

Tiết 9

LUYỆN TẬP VỀ VĂN BẢN KHOA HỌC

1. Đoạn văn sau đây được coi là thuộc văn bản khoa học. Vì sao ?

Chúng ta đã biết phép trừ là phép tính ngược của phép cộng, phép chia là phép tính ngược của phép nhân. Sau khi biết phép tính về lũy thừa, việc đặt ra phép tính ngược của nó là điều hết sức tự nhiên. Nhiều học sinh sau khi học cách tính diện tích của hình vuông đã đặt vấn đề ngược lại : nếu biết diện tích của một hình vuông thì làm sao tính được cạnh của hình vuông đó ? Bài toán ngược này khá phức tạp. Nếu diện tích hình vuông là 16, 25, 36, 64, 100 (đơn vị diện tích) thì ta tính nhẩm ngay được. Lấy bình phương của các số nguyên 2, 3, 4, 5 v.v..., bình phương của số nguyên nào tương ứng với diện tích trên thì chính

số nguyên đó là cạnh của hình vuông cần tìm. Nhưng nếu diện tích nằm giữa bình phương của hai số nguyên, chẳng hạn là 54, thì việc tính toán sẽ phức tạp hơn nhiều. Ta có thể ước lượng : số cần tìm, bình phương lên bằng 54, tức số đó lớn hơn 7 và nhỏ hơn 8. Người ta đã tìm ra phép tính như vậy, đó là phép khai căn.

2. Đoạn văn sau đây có được viết theo kiểu văn bản khoa học không ? Vì sao ?

Dòng sông Mê Kông (dòng sông Mẹ) từ trên cao gần 20 mét ầm ầm đổ xuống thác Khôn sủi bọt trắng xóa, rồi cuồn cuộn chảy băng xuống phía nam. Dòng sông lượn một đường cong mềm mại ở Cra-chê, và ngập ngừng, quanh co trên đất Công Pông Chàm, Căng Đan. Dường như nuối tiếc cái ào ào, mãnh liệt đổ thác nơi rừng rậm núi cao, từ khi vào đất Cam-pu-chia ở Stung-treng, dòng sông Mẹ dài nhất châu Á này hằng năm lại dâng nước lên cao hung hãn, cuốn phù sa đỏ ngầu vào cái bể chứa thiên tạo mênh mông là Biển Hồ. Hết mùa mưa, nước Biển Hồ lại êm ả xuôi ra dòng sông Tông Lê Sáp, hợp với nước sông Mẹ trong vắt hiền hòa chia ra làm hai nhánh - Mê Kông ở phía đông , Bát-xắc ở phía tây - chảy ra Biển Đông với cái tên Tiền Giang và Hậu Giang thân thiết trong lòng người Việt.*

(Cao Xuân Phổ. Theo *Tiếng Việt* 9.1994)

Tiết 10

VĂN BẢN HÀNH CHÍNH

I - TÌM HIỂU BÀI

Hãy đọc văn bản sau :

---

* Sông Mê Kông dài 4350km (theo *Địa lí* 7. Tập 1), 4500km (theo *Sổ tay địa danh nước ngoài*), là sông dài nhất bán đảo Trung Ấn. Trường Giang dài 6300 km, là sông dài nhất châu Á và thứ 3 thế giới.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 1995

GIẤY XIN PHÉP

Kính gửi : Cô giáo Chủ nhiệm lớp 9A7

Trường phổ thông trung học cơ sở X.X.

Em tên là Nguyễn Văn A, học sinh lớp 9A7, kính xin cô giáo Chủ nhiệm cho phép em được nghỉ học buổi sáng thứ hai, ngày 16 tháng 10 năm 1995 để lo chăm sóc cho mẹ em đang cấp cứu tại bệnh viện.

Em hứa sẽ chép lại bài đầy đủ.

Em xin thành thực cảm ơn Cô.

Kính đơn
(chữ kí)
Nguyễn Văn A

Em thấy cách thức trình bày và nội dung của văn bản trên có gì khác với những văn bản mà em thường đọc ?

II – BÀI HỌC

1. Các loại văn bản hành chính thường gặp

Văn bản hành chính được hình thành trong quá trình điều hành và quản lí xã hội.

Văn bản hành chính có 3 loại chủ yếu :

a) Văn bản pháp luật. Bao gồm Hiến pháp, các văn bản luật, các văn bản dưới luật v.v...

b) Văn bản hội nghị. Bao gồm biên bản, báo cáo, đề án công tác, nghị quyết v.v...

c) Văn bản thủ tục hành chính. Bao gồm đơn từ, hợp đồng, văn bằng v.v...

thuongmaitr

2. Đặc điểm chung của văn bản hành chính

Văn bản hành chính có những đặc điểm chung, cơ bản như sau :

a) Tính công vụ. Văn bản hành chính có mục đích thực hiện các quan hệ hành chính – công vụ (việc công), có hiệu lực cao trong đời sống xã hội. Do vậy, văn bản hành chính đòi hỏi cao về tính nghiêm túc, tính trang trọng trong cách diễn đạt ; không chấp nhận cách nói thân mật, suồng sã theo kiểu quan hệ gia đình. Trong văn bản hành chính thường ghi rõ ngày lập văn bản, thời hạn có hiệu lực, phạm vi và đối tượng thi hành.

b) Tính minh xác. Văn bản hành chính đòi hỏi phải được mọi người hiểu và thi hành thống nhất. Vì thế, văn bản hành chính phải được viết một cách chính xác, rõ ràng ; mọi ý tứ phải được trình bày bằng hiển ngôn, không mơ hồ, không được có hàm ý.

c) Tính khuôn mẫu. Văn bản hành chính cũng là một tượng trưng cho thể chế, kỉ cương của xã hội. Bởi vậy, các văn bản hành chính đều được viết theo khuôn mẫu xác định. Tùy theo tính chất của mỗi loại văn bản mà sự quy định khuôn mẫu có thể chỉ trên những nét lớn (như : báo cáo, biên bản...), có thể rất chi tiết (như : hợp đồng, quyết định...), thậm chí có những loại văn bản đã có mẫu in sẵn, người viết chỉ điền những nội dung thích hợp vào chỗ để trống (như : đơn xin việc, giấy giới thiệu, văn bằng...).

3. Đặc điểm về cách thức diễn đạt trong văn bản hành chính

a) Về cách thức sử dụng chữ viết. Chữ viết trong văn bản hành chính phải tuân thủ nghiêm ngặt chuẩn chính tả thống nhất. Ngoài ra trong văn bản hành chính còn có những quy định riêng về cách viết các chữ số, cách sắp xếp các hạng mục, danh mục theo thứ tự nhất định, cách viết hoa, viết tắt. Chẳng hạn, viết các con số dưới 10, trong nhiều trường hợp phải ghi thêm số "0" ở trước (01, 02, 03,... 09).

b) Về cách thức sử dụng từ ngữ. Văn bản hành chính sử dụng vốn từ ngữ chung toàn dân với một sự lựa chọn thật chính xác.

Trong văn bản hành chính, từ Hán Việt chiếm một tỉ lệ khá cao, tên cơ quan, chức danh, chức vụ, tên riêng được viết đầy đủ. Từ xưng hô là những từ mang tính chính thức xã hội.

Cùng với vốn từ ngữ chung đó, văn bản hành chính còn thường sử dụng một lớp từ riêng, có thể gọi là *lớp từ ngữ hành chính* như : *công văn, công hàm, hiệp ước, hiệp định, chỉ thị, thông tư, nghị quyết, quyết định, khuyến nghị, căn cứ vào, theo đề nghị, chiếu quyết định thi hành, có hiệu lực từ ngày kí v.v...*

c) Về cách thức sử dụng câu. Văn bản hành chính thường sử dụng những câu có cấu trúc chặt chẽ. Quan hệ giữa các thành phần, các vế của câu được xác định rõ ràng, rành mạch.

Điều đáng chú ý là trong một số loại văn bản hành chính có cách trình bày câu theo lối *câu văn hành chính*, tức là tách câu ra từng thành phần, từng vế và xuống dòng. Ví dụ dưới đây là một câu văn :

Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

– Căn cứ vào điều 103 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ;

– Căn cứ vào Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" ngày 29 tháng 8 năm 1994 ;

– Theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ ;

QUYẾT ĐỊNH :

Tặng và truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" cho 19.879 bà mẹ của 53 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đã có nhiều cống hiến, hi sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.

d) Về cách thức sử dụng biện pháp tu từ. Văn bản hành chính không sử dụng các biện pháp tu từ. Tuy nhiên, trong văn bản hành chính, về sắc thái biểu cảm, tính chất trang trọng là một đặc điểm rất đáng chú ý.

đ) Về cách thức bố cục, trình bày. Văn bản hành chính thường được trình bày theo một bố cục có tính khuôn mẫu, gồm 3 phần :

thuongmaitr

– Phần đầu : Góc bên trái là tên cơ quan ra văn bản, phía dưới là số hiệu văn bản ; phần bên phải là quốc hiệu, phía dưới ghi địa điểm và thời gian ra văn bản.

– Phần giữa : Nội dung chính của văn bản.

– Phần cuối : Phía bên trái là những ghi chú cần thiết (như : những nơi nhận văn bản) ; phía bên phải ghi chức vụ người kí văn bản, chữ kí và con dấu, họ tên người giữ chức vụ.

Ví dụ :

Bộ Giáo dục và Đào tạo	*Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*
Số : . . .	*Độc lập – Tự do – Hạnh phúc*

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

truongxua.vn

– *Căn cứ vào . . .*

– *Theo đề nghị . . .*

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1 : . . .

Điều 2 : . . .

Điều 3 : . . .

Nơi nhận	*KT. Bộ trưởng*
	Bộ Giáo dục và Đào tạo
– . . .	*Thứ trưởng*
– . . .	(chữ kí và con dấu)
	(Họ và tên)

Văn bản hành chính được hình thành trong quá trình điều hành và quản lí xã hội. Nó có những đặc điểm chung là tính công vụ, tính minh xác và tính khuôn mẫu. Về cách thức diễn đạt, văn bản hành chính cũng có những đòi hỏi riêng trong việc sử dụng chữ viết, sử dụng từ ngữ, sử dụng câu, sử dụng biện pháp tu từ và trong bố cục, trình bày.

III - BÀI TẬP

1. Hãy lấy một văn bản hành chính bất kì (sơ yếu lí lịch, đơn xin học nghề, giấy giới thiệu...) và phân tích những đặc điểm chung cùng những đặc điểm về cách diễn đạt thể hiện trong văn bản đó.

2. Hãy lấy một văn bản hành chính có mẫu in sẵn và thử điền vào chỗ để trống những nội dung thích hợp.

3. Căn cứ vào ví dụ dẫn ra trong mục *Tìm hiểu bài,* em thử soạn một mẫu sẵn cho *Giấy xin phép* (nghỉ học).

4. Có một giấy mời được viết như sau :

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 1990

GIẤY MỜI

Kính gửi : Cô Chủ nhiệm vô cùng kính mến,

Lớp 9A trân trọng kính mời Cô đúng 11 giờ ngày 30-9-1990 đến tại lớp học mà cô thường vẫn lên lớp dạy chúng em để dự buổi tổng kết đợt thi đua lập thành tích kỉ niệm 20 năm thành lập trường.

Mong Cô sắp xếp mọi công việc để đến dự với chúng em, Cô nhé.

Thay mặt lớp 9A
Lớp trưởng
Nguyễn Thị X

thuongmaitr

a) Em thấy giấy mời trên, với tư cách là một văn bản hành chính, có những thiếu sót gì về hình thức và nội dung ?

b) Em hãy viết lại giấy mời trên theo đúng những đặc điểm của một văn bản hành chính.

Tiết 11

VĂN BẢN CHÍNH LUẬN

I – TÌM HIỂU BÀI

Đọc kĩ đoạn văn sau :

Có những cán bộ, những đảng viên cũ, làm được việc, có kinh nghiệm. Cố nhiên, những anh em đó rất quý báu cho Đảng. Nhưng họ lại mắc phải cái bệnh khinh lí luận. Họ quên rằng : nếu họ đã có kinh nghiệm mà lại biết thêm lí luận thì công việc tốt hơn nhiều. Họ quên rằng : kinh nghiệm của họ tuy tốt, nhưng cũng chẳng qua là từng bộ phận mà thôi, chỉ thiên về một mặt mà thôi.

Có kinh nghiệm mà không có lí luận, cũng như một mắt sáng, một mắt mờ.

(Hồ Chí Minh)

Đây là đoạn văn được viết theo kiểu văn bản chính luận ; theo em, nó có những đặc điểm gì khác với kiểu văn bản khoa học ?

II – BÀI HỌC

1. Các loại văn bản chính luận

Văn bản chính luận là kiểu văn bản trình bày, bình luận, đánh giá theo một quan điểm xác định những sự kiện, vấn đề về chính trị, xã hội, văn hóa, tư tưởng...

Văn bản chính luận có 3 loại chủ yếu :

a) *Văn bản chính luận tổng quát.* Bao gồm cương lĩnh, tuyên ngôn, lời kêu gọi, hiệu triệu...

b) *Văn bản chính luận báo chí.* Bao gồm các bài xã luận, bình luận trên các phương tiện thông tin đại chúng.

c) *Văn bản chính luận hội nghị.* Bao gồm các báo cáo chính trị, các tham luận trong các đại hội, hội nghị chính trị.

2. Đặc điểm chung của văn bản chính luận

Văn bản chính luận có những đặc điểm chung, cơ bản dưới đây :

a) Tính trí tuệ. Cũng như văn bản khoa học, văn bản chính luận phải là sản phẩm của một trí tuệ sáng suốt, của lối tư duy mạch lạc với những lập luận chặt chẽ. Trong văn bản chính luận, sự lựa chọn, sắp xếp và liên kết các luận điểm, luận cứ, luận chứng có vai trò chi phối rất to lớn đối với việc hình thành văn bản.

b) Tính thuyết phục. Văn bản chính luận có mục đích làm cho người đọc hiểu, tin và hành động theo những điều mà người viết mong muốn. Để đạt tới mục đích đó, văn bản chính luận phải thuyết phục và hấp dẫn người đọc, nghe không những bằng trí tuệ sáng suốt mà bằng cả tình cảm mãnh liệt của chính cá nhân người viết ra văn bản.

c) Tính đại chúng. Đối tượng mà văn bản chính luận hướng tới là đông đảo người đọc, là quần chúng nhân dân. Vì vậy, văn bản chính luận – với nội dung liên quan tới hàng triệu con người – đòi hỏi phải có những cách thức diễn đạt dễ hiểu, gần gũi, không xa lạ đối với mọi người.

3. Đặc điểm về cách thức diễn đạt trong văn bản chính luận

a) Về cách thức sử dụng chữ viết. Chữ viết trong văn bản chính luận vừa phải theo đúng chuẩn chính tả chung, vừa có thể tận dụng các kiểu chữ, cỡ chữ, cách viết hoa... để tạo ra tác động trực quan vào người đọc.

b) Về cách thức sử dụng từ ngữ. Ngoài vốn từ chung, toàn dân, kể cả những từ có tính chất khẩu ngữ, văn bản chính luận

thường dùng một cách rộng rãi những từ ngữ chính trị – xã hội, như : *chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa xã hội, đấu tranh cách mạng, cải tổ, đổi mới, dưới sự lãnh đạo, tiến thêm một bước...*

c) Về cách thức sử dụng câu. Nói chung, văn bản chính luận sử dụng một cách khá đa dạng các kiểu, các loại câu (cả theo cấu tạo, cả theo mục đích phát ngôn).

Ví dụ :

Tại sao giặc Pháp lại dự định như trên ? Chúng nhìn nhận quyền lợi của nhân dân ta ? Chúng trả lại chế độ dân chủ ? Không. Chúng chỉ muốn thi hành một chính sách lừa phỉnh, xỏ lá, để chia rẽ mặt trận thống nhất chống Pháp, Nhật.

(Trường Chinh)

Cần lưu ý thêm là trong văn bản chính luận còn thường dùng những câu dài, gồm nhiều vế gắn bó với nhau (có người gọi là kiểu *câu trường cú*).

truongxua.vn

Ví dụ :

Cái tật "nói chữ" không chỉ có hại ở chỗ nó gây khó hiểu cho người nghe, người đọc, làm cho tiếng ta vốn là trong sáng, hóa ra đục và tối ; tật xấu đó còn đưa đến một thói quen khá nguy hiểm là dùng chữ sẵn, câu sẵn, điệu nói sẵn để lắp vào bất cứ trường hợp nào, nghĩa là dùng cái "sáo" thường khi chẳng có ý nghĩa gì, để thay thế sự suy nghĩ, những ý và tình chân thật, xuất phát từ đáy lòng và diễn tả bằng tiếng nói thông thường, mộc mạc, hồn nhiên và có ý vị.

(Phạm Văn Đồng)

d) *Về cách thức sử dụng biện pháp tu từ.* Văn bản chính luận sử dụng rộng rãi các biện pháp tu từ, các phương tiện diễn cảm.

Ví dụ :

Chúng ta hãy **phấn khởi như mùa xuân** *với* **nhiệt tình như ánh nắng**, *vui vẻ tiến lên quyết làm cho cuộc chỉnh huấn này đại thắng lợi.*

(Hồ Chí Minh)

đ) *Về cách thức bố cục, trình bày.* Văn bản chính luận thường có bố cục 3 phần khá rõ ràng : *đặt vấn đề – giải quyết vấn đề – kết thúc vấn đề*. Trong văn chính luận, đoạn văn thường trùng với đoạn ý, các luận điểm được trình bày tập trung ở những câu chốt.

> Văn bản chính luận trình bày, bình luận, đánh giá theo một quan điểm nhất định những sự kiện, vấn đề về chính trị, xã hội, văn hóa, tư tưởng. Nó có những đặc điểm chung là tính trí tuệ, tính thuyết phục và tính đại chúng. Về cách thức diễn đạt, văn bản chính luận cũng có những yêu cầu riêng trong việc sử dụng chữ viết, sử dụng từ ngữ, sử dụng câu, sử dụng biện pháp tu từ và trong bố cục, trình bày.

III – BÀI TẬP

1. Vì sao em biết đoạn văn sau đây thuộc kiểu văn bản chính luận ?

Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm, hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn !

(Hồ Chí Minh)

2. Đoạn văn sau đây thuộc kiểu văn bản nào – văn bản chính luận hay văn bản khoa học ? Vì sao ?

Nói và viết là hai dạng khác nhau của việc sử dụng ngôn ngữ ; vì vậy, lời nói có chỗ khác bài viết.

Lời nói thường dùng những từ ngữ gợi cảm, từ ngữ dưa dẩy, câu thường được lược bớt thành phần...

Bài viết dùng những từ ngữ chính xác phù hợp với phong cách văn bản và có thể dùng nhiều câu có kết cấu đầy đủ, câu dài để diễn đạt ý được trọn vẹn.

3. Em hãy viết một văn bản chính luận ngắn, bàn về sự cần thiết phải học môn Văn – Tiếng Việt.

Tiết 12

LUYỆN TẬP
VỀ VĂN BẢN CHÍNH LUẬN

Hãy đọc kĩ và diễn cảm đoạn văn sau đây :

Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước.

Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào về những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung v.v... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.

Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng tạm bị chiếm, từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc. Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc đặng tiêu diệt giặc, đến những công chức ở hậu phương nhịn ăn để ủng hộ bộ đội, từ những phụ nữ khuyên chồng con đi tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải, cho đến các bà mẹ chiến sĩ săn sóc yêu thương bộ đội như con đẻ của mình. Từ những nam nữ công nhân và nông dân thi đua tăng gia sản xuất, không quản khó nhọc để giúp một phần vào kháng chiến, cho đến những đồng bào điền chủ quyên đất ruộng cho Chính phủ... Những cử chỉ cao quý đó, tuy khác nhau nơi việc làm, nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước.

Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích,

tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.

(Hồ Chí Minh)

Đoạn văn trên thuộc kiểu văn bản chính luận. Em thử phân tích xem những đặc điểm chung (tính trí tuệ, tính thuyết phục, tính đại chúng) và những đặc điểm về cách thức diễn đạt của văn bản chính luận được thể hiện như thế nào trong đoạn văn này.

Tiết 13

VĂN BẢN NGHỆ THUẬT

I – TÌM HIỂU BÀI

Đọc kĩ đoạn văn sau :

Đêm cuối đông. Mọi tiếng động trong nông trường đã im bặt từ lâu. Những quả đồi trọc nằm gối đầu vào nhau ngủ im lìm, chỉ có gió và bóng tối vẫn thì thào đi lại. Hơi lạnh tràn khắp mọi nẻo căm căm. Gần sáng, Nhẫn bỗng tỉnh dậy... Anh chợt nghe thấy, nói cho đúng hơn, cảm thấy trong đêm đang có tiếng rì rầm nhè nhẹ. Một âm điệu gì rất nhỏ, êm êm, mềm mại như tiếng của những lớp bột mịn đang đều đều lọt qua một chiếc rây rơi xuống.

(Hồ Phương)

Đây là một đoạn văn thuộc kiểu văn bản nghệ thuật. Em có nhận xét gì về cách viết (dùng từ, đặt câu, dùng các biện pháp tu từ ...) trong đoạn văn này (so với một văn bản hành chính chẳng hạn).

II – BÀI HỌC

1. Các loại văn bản nghệ thuật

Văn bản nghệ thuật là kiểu văn bản hình thành trong quá trình sáng tác văn chương, có chức năng thông tin – thẩm mĩ.

Văn bản nghệ thuật có 3 loại chủ yếu :

a) Văn xuôi nghệ thuật. Bao gồm truyện (tiểu thuyết, truyện dài, truyện ngắn), tùy bút, kí v.v...

b) Thơ. Bao gồm thơ trữ tình, thơ tự sự v.v...

c) Kịch. Bao gồm bi kịch, hài kịch v.v...

2. Đặc điểm chung của văn bản nghệ thuật

Văn bản nghệ thuật có những đặc điểm chung, cơ bản như sau :

a) Tính thẩm mĩ. Mỗi văn bản nghệ thuật là một cấu trúc mà các yếu tố tạo thành (về nội dung cũng như về hình thức ngôn ngữ) quy định lẫn nhau, chi phối lẫn nhau, gắn bó với nhau rất chặt chẽ. Các nhà văn, nhà thơ, khi sáng tác văn chương, luôn luôn quan tâm đặc biệt tới việc tổ chức ngôn từ, tức là tới cấu trúc của văn bản nghệ thuật ; bởi vì cấu trúc đó chẳng những bộc lộ chức năng thẩm mĩ của ngôn ngữ, mà chính bản thân nó cũng là một giá trị thẩm mĩ, cũng là cái đẹp.

b) Tính hình tượng. Tính hình tượng của văn bản nghệ thuật là đặc trưng ngôn ngữ chuyển tải được nội dung thẩm mĩ của tác phẩm văn chương. Nội dung ấy vốn là thành quả của tư duy hình tượng, được hình thành qua những cảm giác, tri giác, biểu tượng, thông qua khái quát hóa, cụ thể hóa, cá thể hóa. Hệ quả của tính hình tượng là giá trị biểu trưng. Đặc điểm này thể hiện ở chỗ ngôn ngữ trong tác phẩm văn chương thường có hai tầng nghĩa : nghĩa hiển ngôn và nghĩa hàm ngôn. Người ta thường nói văn chương là hàm ngôn, là ẩn ý chính là do đặc điểm này.

c) Tính riêng về phong cách cá nhân. Ngôn ngữ trong văn bản nghệ thuật mang đậm dấu ấn cá nhân của tác giả. Đó là tình cảm, là cảm xúc của người nghệ sĩ bộc lộ qua ngôn ngữ của tác phẩm. Đó là điều mà nhiều người gọi là giọng điệu riêng của mỗi nhà văn, nhà thơ. Và nó được biểu hiện trong tác phẩm qua cách dùng từ, cách đặt câu, cách sử dụng các biện pháp tu từ... Có thể nói chỉ có trong văn bản nghệ thuật phong cách cá nhân của người nghệ sĩ mới hiện ra một cách hết sức rõ ràng (so sánh với các kiểu văn bản khác).

3. Đặc điểm về cách thức diễn đạt trong văn bản nghệ thuật

a) Về cách thức sử dụng chữ viết. Ngoài việc phải tuân theo chuẩn chính tả thống nhất, chữ viết trong văn bản nghệ thuật còn phản ánh sự hài hòa ngữ âm mà văn bản nghệ thuật vốn có dụng ý khai thác triệt để. Chẳng những thế, văn bản nghệ thuật còn hết sức chú ý tận dụng các khả năng khác mà chữ viết có thể mang lại để gia tăng giá trị biểu hiện của văn bản, như cỡ chữ, kiểu chữ, cách viết hoa, cách xuống dòng, quãng ngừng nghỉ ...

b) Về cách thức sử dụng từ ngữ. Văn bản nghệ thuật sử dụng một cách rộng rãi và chọn lọc kĩ càng mọi lớp từ có thể có trong ngôn ngữ (từ khẩu ngữ, từ địa phương, tiếng lóng, từ cổ, từ mượn...) phục vụ cho việc biểu thị hình tượng văn chương. Cần lưu ý thêm rằng, cùng với vốn từ ngữ chung, văn bản nghệ thuật còn có lớp từ ngữ riêng mà người ta thường gọi là *lớp từ thi ca* (như : *chàng, nàng, lệ, nguyệt*...).

c) Về cách sử dụng câu. Câu trong văn bản nghệ thuật rất đa dạng : có đủ các loại câu chia theo mục đích phát ngôn, có đủ các kiểu câu chia theo cấu trúc.

d) Về cách thức sử dụng biện pháp tu từ. Trong văn bản nghệ thuật, mọi biện pháp tu từ (về từ vựng, về ngữ âm, về ngữ nghĩa, về cú pháp, về văn bản) đều được dùng một cách rộng rãi, đều phát huy tối đa tác dụng của nó.

đ) Về cách thức bố cục, trình bày. Văn bản nghệ thuật coi trọng tính cân đối, hài hòa trong cấu trúc tác phẩm văn chương. Ở đây, một dấu chấm lửng, một sự qua dòng, một chỗ tách đoạn ... đều được xử lí với dụng ý nghệ thuật.

> Văn bản nghệ thuật hình thành trong quá trình sáng tác văn chương, có chức năng thông tin – thẩm mĩ. Nó có những đặc điểm chung là tính thẩm mĩ, tính hình tượng, và tính riêng về phong cách cá nhân. Kiểu văn bản này sử dụng các phương tiện ngôn ngữ một cách hết sức đa dạng, giàu hình ảnh, cảm xúc, có sức hấp dẫn, lôi cuốn người đọc.

III - BÀI TẬP

1. Cho 2 đoạn văn sau đây :

a) *Làng xóm ta xưa kia lam lũ quanh năm mà vẫn quanh năm đói rách. Làng xóm ta ngày nay bốn mùa nhộn nhịp cảnh làm ăn tập thể. Đâu đâu cũng có trường học, nhà gửi trẻ, nhà hộ sinh, câu lạc bộ, sân và kho của hợp tác xã, nhà mới của xã viên. Đời sống vật chất ngày càng ấm no, đời sống tinh thần ngày càng tiến bộ.*

(Hồ Chí Minh)

b) *Nhìn xuống cánh đồng có đủ các màu : xanh pha vàng của ruộng mía, xanh rất mượt của lúa chiêm đương thời con gái, xanh đậm của những rặng tre, đây đó một vài cây phi lao xanh biếc và rất nhiều màu xanh khác nữa. Cả cánh đồng thu gọn trong tầm mắt, làng nối làng, ruộng tiếp ruộng. Cuộc sống ở đây có một cái gì mặn mà, ấm áp.*

(Hoài Thanh - Thanh Tịnh)

uongxua.vn

Đoạn văn thứ nhất thuộc kiểu văn bản chính luận, đoạn văn thứ hai thuộc kiểu văn bản nghệ thuật.

Thử so sánh hai đoạn văn trên về những đặc điểm chung, và đặc điểm trong cách thức diễn đạt của mỗi kiểu văn bản.

2. Phân tích đặc điểm chung và đặc điểm về cách thức diễn đạt của văn bản nghệ thuật qua hai ví dụ sau :

CẢNH KHUYA

a) *Tiếng suối trong như tiếng hát xa*
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa
Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

(Hồ Chí Minh)

b) *Ai cũng yên bụng. Không ai để ý đến nó nữa. Họ nghiêng xe đạp. Họ nhìn ô tô. Họ pha trò. Họ cười ha hả.*

Nó vẫn ăn. Ngon quá !
Năm phút ...
Mười phút...

(Nguyễn Công Hoan)

3. Em hãy viết một đoạn văn theo kiểu văn bản nghệ thuật nói về cỏ cây hoa lá trong sân trường em, rồi tự nhận xét về cách thức diễn đạt trong đoạn văn đó.

Tiết 14

CÁC BƯỚC XÂY DỰNG VĂN BẢN

I – TÌM HIỂU BÀI

Kinh nghiệm chung là khi muốn viết hay nói thành bài cần xác định :

– Nói, viết cái gì ?

– Nói, viết cho ai ?

– Nói, viết như thế nào ?

Nên hiểu như thế nào về những câu hỏi được đặt ra đó ?

II – BÀI HỌC

Trong việc xây dựng một văn bản (hiểu chung cả bài viết lẫn bài nói), thường phải trải qua các bước sau đây :

1. định hướng ; 2. lập đề cương ; 3. thực hiện văn bản ; 4. kiểm tra.

1. Định hướng

Trong việc xây dựng văn bản cần nhằm vào những hướng cụ thể sau đây :

– Nói, viết cái gì ? (định hướng nội dung) : Là xác định rõ cái được nói đến, thường gọi là đề tài. Việc này có tác dụng lớn đối với việc chọn ý.

thuongmaitr

– Nói, viết để làm gì ? (định hướng mục đích) : Là xác định rõ mục tiêu cần đạt đến, như để thông báo sự việc, để ra lệnh, để kêu gọi hay khuyến khích làm một việc gì v.v... Điều này tác động đến việc lựa chọn phong cách, cách diễn đạt các ý cụ thể.

– Nói, viết cho ai ? (định hướng đối tượng tiếp nhận) : Là xác định cụ thể ai là người sẽ nhận văn bản. Điều này cũng tác động đến việc lựa chọn phong cách, việc dùng câu, chữ cụ thể.

– Nói, viết như thế nào ? (định hướng phong cách) : Là tìm kiểu phong cách thích hợp để sử dụng vào văn bản. Điều này lệ thuộc vào các bước trên, nhất là việc định hướng đối tượng tiếp nhận và định hướng mục đích. Ngoài ra nó còn lệ thuộc vào phương tiện truyền đạt văn bản (nói miệng, thư tín, in ấn, phát thanh, truyền hình v.v...).

2. Lập đề cương (hay : làm dàn bài, lập bố cục chung)

Lập đề cương là phân phối và sắp xếp các ý lớn của văn bản thành cái khung chung, trong đó *trình tự* và *tính hợp lí* giữa các bộ phận là điều quan trọng.

Đề cương khái quát chỉ nêu những phần lớn với những ý lớn của văn bản. Đề cương chi tiết có nêu thêm những phần nhỏ với những ý nhỏ hơn, bên trong các phần lớn ban đầu. Và như vậy, mức độ chi tiết có thể khác nhau (còn khái quát hoặc là đủ chi tiết).

Đề cương được đánh giá theo tiêu chuẩn là *đúng / chưa đúng* (hợp lí hoặc chưa hợp lí so với nội dung, mục đích của văn bản).

3. Thực hiện văn bản

Thực hiện (hiện thực hóa) văn bản là dùng đoạn văn, câu, chữ cụ thể để diễn đạt các ý trong đề cương, vì vậy còn gọi là *lấp đầy* văn bản. Trong việc lấp đầy văn bản, cần chú ý đến việc tách ý thành đoạn văn, dùng câu, dùng từ ; đặc biệt cần chú ý đến tính mạch lạc của toàn văn bản (thông qua việc sử dụng các phương tiện liên kết, sắp xếp các ý cụ thể). Trong quá trình lấp đầy một văn bản cần tuân thủ chặt chẽ các định hướng (nói ở mục 1) đã nêu ra đối với văn bản cụ thể đó.

Cách lấp đầy văn bản được đánh giá theo tiêu chuẩn *hay / không hay*.

4. Kiểm tra văn bản

Bài viết, bài chuẩn bị để nói có điều kiện được kiểm tra trước khi dùng.

Kiểm tra là xem xét lại văn bản, có đối chiếu với :

– các định hướng đã đề ra cho văn bản đó,

– tính hợp lí giữa các bộ phận của đề cương (từ khái quát đến chi tiết),

– các phương tiện (đoạn văn, câu, từ) dùng lấp đầy văn bản (đã diễn đạt tốt nội dung của văn bản theo yêu cầu của phong cách văn bản chưa ?).

Tóm lại, là kiểm tra lại 3 bước đã thực hiện trong văn bản vừa được tạo ra.

Trong việc kiểm tra, có quyền thay đổi phong cách, sửa đổi bố cục, sửa đổi từ, câu, đoạn văn trong văn bản đã hình thành. Với văn bản viết, cần quan tâm đặc biệt đến việc dùng dấu câu, quy tắc chính tả.

thuongmaitr

> Thông thường văn bản được xây dựng qua các bước :
>
> – Định hướng (nội dung, mục đích, đối tượng tiếp nhận, phong cách).
>
> – Lập đề cương (dàn bài, bố cục chung). Đề cương được đánh giá theo tiêu chuẩn *đúng/không đúng*.
>
> – Thực hiện (lấp đầy) văn bản. Việc thực hiện văn bản được đánh giá theo tiêu chuẩn *hay/không hay*.
>
> – Kiểm tra lại (đối với văn bản viết, bài chuẩn bị nói) 3 bước trên trong văn bản đã hình thành.

III – BÀI TẬP

1. Đọc bài sau đây và thực hiện những nhiệm vụ cho bên dưới :

TÂM SỰ VỚI CÁC EM VỀ TIẾNG VIỆT

Chúng ta yêu tiếng Việt, chúng ta vô vàn yêu quý tiếng nói Việt Nam của chúng ta. Chúng ta yêu quốc ngữ, quốc văn. Tiếng

Việt do muôn đời tổ tiên chúng ta sáng tạo, xây dựng, giữ gìn ; và người lưu truyền phát huy mãi mãi tiếng Việt là tuổi trẻ, muôn thế hệ tuổi trẻ nối tiếp lồng lộng tương lai.

... Các em hiện nay tuổi mười bốn, mười lăm, trong cuộc chạy tiếp đuốc giữa các thế hệ, các em sẽ tiến lên cầm ngọn đuốc của dân tộc giơ cao lên sáng ngời ! Đối với tiếng Việt cũng vậy ; những người ngày mai rất gần đây giữ gìn và phát huy tiếng Việt là các em ! Tâm hồn nhạy bén, trong sáng dào dạt của các em sẽ đưa đến những kho tàng mới cho tiếng Việt. Ngay từ bây giờ, các em phải có ý thức ấy. Các em yêu mến hãy nghĩ xem ! Còn gì sung sướng hơn được làm lụng đổ mồ hôi trên đất nước của Tổ quốc liền một khối từ Lạng Sơn đến Cà Mau, đất nước mà hiện giờ ta đang phải lấy cả máu mình để bảo vệ, còn gì sung sướng hơn được nói, viết, học tiếng Việt, tâm hồn ta gắn làm một với tinh hoa tiếng nói Việt Nam yêu quý !

(Xuân Diệu.
Dẫn theo *Tiếng Việt 9* . 1992)

uongxua.vn

a) Cho biết các định hướng cụ thể của bài trên.

b) Bài văn được tạo thành từ 2 đoạn văn, cho biết ý chính của mỗi đoạn là gì ?

c) Qua chi tiết nào trong bài có thể đoán được bài này được viết vào thời kì nào của đất nước Việt Nam ta ?

d) Nếu cần làm cho bài trên mất đi dấu ấn của thời kì đó thì cần điều chỉnh chỗ nào ? Thử làm việc điều chỉnh đó.

2. Dựa vào nội dung bài trên, thử viết một bài phát biểu ý kiến về trách nhiệm của thế hệ mình đối với tiếng Việt (thực hiện đầy đủ các bước xây dựng văn bản).

3. Em đã viết thư báo cho một người bạn ở xa biết rằng vào dịp hè tới em đến thăm người bạn đó. Đồng thời, em cũng đã báo trước là có thể đi bằng tàu hỏa, hoặc ô tô khách, hoặc máy bay và sẽ điện trước để người bạn ấy đón bạn.

Vậy khi gửi điện tín cho người bạn ấy đón, em cần viết như thế nào để bức điện tín đủ rõ mà ngắn nhất (để tốn ít tiền cước).

Tiết 15

BỐ CỤC VĂN BẢN

I – TÌM HIỂU BÀI

Đọc văn bản sau đây và suy nghĩ theo hướng các câu hỏi cho bên dưới (ghi số ở đầu từng đoạn văn và câu văn để dễ làm việc) :

NGƯỜI THẦY ĐẠO CAO ĐỨC TRỌNG

[I] (1) *Ông Chu Văn An đời Trần nổi tiếng là một thầy giáo giỏi, tính tình cứng cỏi, không màng danh lợi.*

[II] (2) *Học trò theo ông rất đông.* (3) *Nhiều người đỗ cao và sau này giữ những trọng trách trong triều đình như các ông Phạm Sư Mạnh, Lê Bá Quát, vì thế mà vua Trần Minh Tông vời ông ra dạy thái tử học.* (4) *Đến đời Dụ Tông, vua thích vui chơi, không coi sóc tới việc triều đình, lại tin dùng bọn nịnh thần.* (5) *Ông nhiều lần can ngăn nhưng vua không nghe.* (6) *Cuối cùng ông trả lại mũ áo triều đình, từ quan về làng.*

[III] (7) *Học trò của ông, từ người làm quan to đến người bình thường khi có dịp tới thăm thầy cũ, ai cũng giữ lễ.* (8) *Nếu họ có điều gì không phải, ông trách mắng ngay, có khi không cho vào thăm.*

[IV] (9) *Khi ông mất đi, mọi người đều thương tiếc.*

(Theo Phan Huy Chú. Dẫn theo
150 bài tập rèn luyện kĩ năng dựng đoạn văn
của Nguyễn Quang Ninh)

1. Xét quan hệ ý nghĩa giữa 4 đoạn văn trong văn bản trên, đoạn văn nào là đoạn mở bài, đoạn văn nào là đoạn thân bài, đoạn văn nào là đoạn kết bài ?

2. Các đoạn văn thân bài có quan hệ với nhau như thế nào ? (xét theo quan hệ hoặc không gian, hoặc thời gian, hoặc tầm quan trọng...).

II – BÀI HỌC

1. Bố cục văn bản

Trừ những văn bản thuộc loại đặc biệt, các văn bản thông thường đều là những văn bản gồm nhiều câu, nhiều đoạn văn mà nội dung có khác nhau nhưng cùng hướng về đề tài chung của văn bản.

Bố cục văn bản là sự phân nhóm các ý (nếu có) và sắp xếp các ý, các nhóm ý trong văn bản theo một cách nào đó. Việc phân nhóm và sắp xếp các ý, các nhóm ý trong văn bản phải có những cơ sở hợp lí của nó, không thể là một việc làm tùy tiện.

2. Bố cục ba phần của văn bản

Tùy theo loại phong cách của văn bản cụ thể mà bố cục chung của loại văn bản có thể khác nhau.

Các văn bản khoa học, văn bản nghị luận, văn bản miêu tả (trong loại văn bản nghệ thuật) thường có bố cục gồm 3 phần lớn : mở bài, thân bài và kết bài.

uongxua.vn

Trong các phần này, mở bài và kết bài có thể vắng mặt. Mỗi phần có nhiệm vụ riêng của nó. Sau đây là những nhiệm vụ thường được đặt ra cho các phần vừa nêu.

a) Phần mở bài. Nêu đối tượng được nói đến, nhiệm vụ của đề tài. Đó cũng chính là cơ sở và phương hướng để triển khai đề tài và qua đó mà xác lập mục tiêu cần đạt đến của văn bản.

b) Phần thân bài. Trình bày, giải thích, biện luận v.v... nội dung của đề tài, theo hướng nhiệm vụ đã đề ra. Thân bài phải thực hiện vừa đủ (không thiếu không thừa) những nhiệm vụ đã đề ra ở phần mở bài, hướng vào mục đích cần đạt đến của văn bản.

c) Phần kết bài. Nhận xét chung về đề tài hoặc nhiệm vụ của đề tài (như giá trị, công dụng, ảnh hưởng, tầm quan trọng v.v...), đánh giá kết quả đạt được, gợi mở những hướng xem xét khác v.v...

Sau đây là phần phân tích văn bản nêu ở mục *Tìm hiểu bài :*

HỌA MI HÓT

Mùa xuân ! Mỗi khi Họa Mi tung ra những tiếng hót vang lừng, mọi vật như có sự đổi thay kì diệu !

Trời bỗng sáng thêm ra. Những luồng ánh sáng chiếu qua các chùm lộc mới hóa rực rỡ hơn. Những gợn sóng trên hồ hòa nhịp với tiếng Họa Mi hót, lấp lánh thêm. Da trời bỗng xanh cao. Những làn mây trắng hơn, xốp hơn, trôi nhẹ nhàng hơn. Các loài hoa nghe tiếng hót trong suốt của Họa Mi chợt bừng giấc, xòe những cánh hoa đẹp, bày đủ các màu sắc xanh tươi. Tiếng hót dìu dặt của Họa Mi giục các loài chim dạo lên những khúc nhạc tưng bừng, ca ngợi núi sông đang đổi mới.

Chim, Mây, Nước và Hoa đều cho rằng tiếng hót kì diệu của Họa Mi đã làm cho tất cả bừng giấc... Họa Mi thấy lòng vui sướng, cố hót hay hơn nữa.

(Võ Quảng

Dẫn theo *Tiếng Việt 3*. Tập hai. 1994)

2. Tìm ở mỗi câu trong phần thân bài của bài văn dẫn ở bài tập 1 trên đây những từ ngữ trực tiếp diễn đạt ý "sự đổi thay" nói ở phần mở bài.

3. Lấy một bài văn có bố cục 3 phần mà chính em làm gần đây nhất và tự mình phân tích xem mối quan hệ ý nghĩa giữa các phần đã thích hợp chưa ? Xét xem phần nào chứa những ý không cần thiết có thể bỏ đi được ? Nên sửa chữa như thế nào các chi tiết trong cách bố cục, nếu chúng chưa thích hợp ?

Tiết 16

LUYỆN TẬP
VỀ BỐ CỤC VĂN BẢN

1. Đọc văn bản sau đây và thực hiện những nhiệm vụ nêu ra bên dưới :

CÂY VÀ HOA BÊN LĂNG BÁC

[I] *Trên quảng trường Ba Đình lịch sử, lăng Bác uy nghi mà gần gũi. Cây và hoa khắp miền đất nước về đây tụ hội, đâm chồi, phô sắc và tỏa ngát hương thơm.*

[II] *Ngay thềm lăng, mười tám cây vạn tuế tượng trưng cho một hàng quân danh dự đứng trang nghiêm. Những cây chò nâu của đất Tổ từ Vĩnh Phú về sóng đôi suốt dọc đường Hùng Vương. Hướng chính lăng, cạnh hàng dầu nước thẳng tắp, những đóa hoa ban đã nở lứa đầu.*

[III] *Sau lăng, những cành đào Tô Hiệu của Sơn La khỏe khoắn vượt lên, reo vui với nhành sứ đỏ của đồng bằng Nam Bộ. Và mai tứ quý, mai vàng miền Nam, song mai Đông Mĩ của Thủ đô Hà Nội điểm xuyết những nụ tươi. Trên bậc tam cấp, hoa dạ hương chưa đơm bông nhưng hoa nhài trắng mịn, hoa mộc lan, hoa ngâu kết chùm đang tỏa hương ngào ngạt.*

[IV] *Cây và hoa của non sông gấm vóc đang dâng niềm tôn kính thiêng liêng theo đoàn người vào viếng Bác.*

uongxua.vn

(Dẫn theo *Tập đọc 3*. 1983)

a) Tìm hiểu quan hệ nghĩa giữa đoạn văn [I] và các đoạn văn [II, III] : Nhiệm vụ được đề ra ở đoạn văn [I] là gì ? Chúng được thực hiện cụ thể như thế nào ở đoạn văn [II, III] ?

b) Đoạn văn [II] và đoạn văn [III] có quan hệ với nhau trên cơ sở nào ? (Gợi ý : thời gian, không gian, tầm quan trọng...)

c) Đoạn văn [IV] có quan hệ trực tiếp với những đoạn văn nào ?

2. Phân tích tính hợp lí, tính chặt chẽ, tính cân đối trong mối quan hệ giữa các phần mở bài, thân bài, kết bài của văn bản *Cây và hoa bên lăng Bác* (ở bài tập 1).

3. Đọc văn bản sau đây và thực hiện những nhiệm vụ nêu ra bên dưới :

LÃO NHÀ GIÀU VÀ CON LỪA

(1) *Lão nhà giàu nọ ra chợ mua được một con lừa rất khỏe.* (2) *Lão liền chất lên lưng nó bao nhiêu hàng hóa và trở về làng.*

(3) *Dọc đường sẵn thấy củi, lão lại chặt luôn mấy vác buộc vào hai bên sườn nó.* (4) *Con lừa nặng quá, vẹo cả lưng, nhưng cũng gắng đi.* (5) *Đi được một quãng thấy mấy tảng đá vuông vắn nằm chắn ngang đường, lão liền nghĩ bụng : "Hãy thồ nốt mấy hòn đá này về, ít hôm nữa dựng nhà mà làm móng".* (6) *Lão lại xếp nốt mấy tảng đá lên lưng lừa.* (7) *Lừa mệt quá, ì ạch lê từng bước một.* (8) *Trời nắng to, lão nhà giàu thấy bức quá liền cởi nốt chiếc áo trên mình vất lên lưng lừa.* (9) *Nhưng lừa đã kiệt sức rồi, nên khi chiếc áo vất lên lưng thì lừa ngã quỵ xuống không đứng lên được.* (10) *Lão nhà giàu cáu kỉnh quát :*

– (11) *Thật là đồ ăn hại !* (12) *Có cái áo mà cũng không chở nổi.*

(Dẫn theo *Văn 6.* Tập hai. 1990)

a) Tìm phần mở bài trong văn bản trên. Cho biết cách nêu phần mở bài ở đây có gì đặc biệt ?

b) Cho biết văn bản này có phần kết bài không ?

c) Từ nội dung cụ thể của văn bản này, người đọc có thể tự kết luận như thế nào ?

thuongmaitr

Tiết 17

ÔN TẬP HỌC KÌ I

I – NỘI DUNG

1. Phân biệt nghĩa miêu tả với tình thái (trong phạm vi đã học) trong câu.

2. Phân biệt mục đích nói với câu phân loại theo mục đích nói (về mặt ngữ pháp câu).

3. Văn bản có những đặc điểm chung gì ?

4. Căn cứ vào những nhân tố nào để phân loại phong cách ngôn ngữ của văn bản ?

5. Cho biết đặc điểm chung của văn bản chính luận và văn bản nghệ thuật.

6. Các bước xây dựng văn bản thường là những gì ?

7. Trong những văn bản có bố cục 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) thì mỗi phần có nhiệm vụ gì ?

II – BÀI TẬP

Ôn lại cách giải các bài tập sau đây :

1. Tiết 2, bài tập 1.
2. Tiết 4, bài tập 2.
3. Tiết 7, bài tập 1.
4. Tiết 14, bài tập 1.
5. Tiết 16, bài tập 1.

Tiết 18

ĐOẠN VĂN

uongxua.vn

I – TÌM HIỂU BÀI

Đọc phần trích sau đây và suy nghĩ theo những câu hỏi bên dưới :

[I] *Hải âu là bạn bè của người đi biển. Chúng báo trước cho họ những cơn bão. Lúc trời sắp nổi bão, chúng càng bay nhiều, vờn sát ngọn sóng hơn và về tổ muộn hơn, chúng cần kiếm mồi sẵn cho lũ con ăn nhiều ngày, chờ khi biển lặng.*

[II] *Hải âu còn là dấu hiệu của điềm lành. Ai đã từng lênh đênh trên biển cả dài ngày, đã bị cái bồng bềnh của sóng gió làm say... mà thấy những cánh hải âu, lòng lại không bừng hi vọng. Bọn chúng báo hiệu sự bình an, báo trước bến cảng hồ hởi, báo trước sự sum họp gia đình sau những ngày cách biệt đằng đẳng.*

(Vũ Hùng)

1. Phần trích trên nói về chim hải âu, tại sao lại tách thành 2 phần nhỏ (đánh số La Mã ở đầu) ?

2. Mỗi phần nhỏ trên nói về điều gì ?

II – BÀI HỌC

1. Đoạn văn

Đoạn văn là phần văn bản được quy ước tính từ chỗ viết hoa lùi đầu dòng đến chỗ chấm xuống dòng (chấm qua hàng).

Trong ví dụ nêu ở mục *Tìm hiểu bài* có 2 đoạn văn.

2. Quan hệ giữa đoạn văn với đoạn văn

Giữa đoạn văn với đoạn văn có 2 kiểu quan hệ chính sau đây :

– quan hệ không phụ thuộc,

– quan hệ phụ thuộc.

a) Quan hệ không phụ thuộc giữa đoạn văn với đoạn văn. Quan hệ không phụ thuộc giữa đoạn văn với đoạn văn được dùng khi nội dung giữa các đoạn văn đó có những quan hệ cụ thể như :

– tính chất liệt kê những sự việc khác nhau (đồng thời hoặc cùng ở một địa điểm),

– nối tiếp trong thời gian (trước – sau, sau – trước ; trước – hiện nay, hiện nay – trước ; hiện nay – sau này, sau này – hiện nay v.v...),

– nối tiếp trong không gian (xa – gần, gần – xa ; đằng trước – đằng sau, đằng sau – đằng trước ; trên – dưới, dưới – trên ; trong – ngoài , ngoài – trong v.v...),

– giữa các mặt, các đặc điểm, các tác dụng v.v... khác nhau của một sự vật, sự việc.

Ví dụ 1 : (xem mục *Tìm hiểu bài*)

Phần trích ở mục *Tìm hiểu bài* gồm có 2 đoạn văn, mỗi đoạn, nêu một tác dụng của chim hải âu.

Ví dụ 2 :

[I] *Nắng như cầm lửa mà đổ xuống trên rừng núi Chư Lây. Dưới suối, nước đi trốn hết, dân làng phải dỡ từng hòn đá ra mới tìm được nước. Rẫy muốn cháy. Cây lúa cứ thấp lè tè, hột cũng ít, hột lép nhiều.*

[II] *Thêm cái đói muối. Hũ muối nhà nào cũng ăn tới hột cuối cùng rồi. Hết muối phải đổ nước ngâm cái hũ một đêm rồi dốc ra lấy nước mặn mặn đó ăn với cơm. Bây giờ cái hũ cũng hết mặn.*

(Nguyên Ngọc)

Ở ví dụ này, mỗi đoạn văn nêu một sự việc, chúng xảy ra đồng thời, cái sau bồi thêm vào cái trước.

Có thể ghi thành lược đồ mối quan hệ không phụ thuộc giữa các đoạn văn (xem trong 2 ví dụ trên) như sau :

[I] ———————— [II]

b) Quan hệ phụ thuộc giữa đoạn văn với đoạn văn.

Quan hệ phụ thuộc giữa đoạn văn với đoạn văn thường được dùng khi có một đoạn văn nêu ý chính, còn đoạn văn (hoặc các đoạn văn) còn lại diễn giải cho ý chính ở đoạn văn kia ; hoặc khi có đoạn văn mang ý tổng kết, nhận định chung (đoạn văn chính) rút ra từ các ý của các đoạn văn khác (đoạn văn phụ thuộc) ; hoặc giữa các đoạn văn có quan hệ nguyên nhân (phụ) – hệ quả (chính).

tuongxua.vn

Ví dụ :

NGƯỜI THẦY ĐẠO CAO ĐỨC TRỌNG
(xem ở mục *Tìm hiểu bài*, tiết 15)

Trong ví dụ này, đoạn văn [I] có tư cách phần mở bài. Các đoạn [II, III] có tư cách thân bài, chúng phụ thuộc vào đoạn [I] và làm rõ ý "thầy giáo giỏi", "tính tình cứng cỏi", "không màng danh lợi". Hai đoạn văn [II, III] có quan hệ không phụ thuộc vào nhau. Đoạn văn [IV] có tư cách phần kết bài, được rút ra (phụ thuộc) từ các đoạn văn [II, III].

Có thể ghi thành lược đồ như sau :

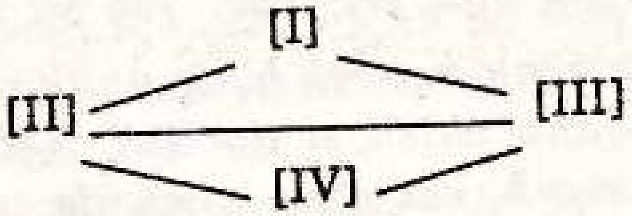

Đoạn văn là phần văn bản tính từ chỗ viết hoa lùi đầu dòng đến chỗ chấm xuống dòng (chấm qua hàng).

Giữa đoạn văn với đoạn văn có 2 kiểu quan hệ chính :

– quan hệ không phụ thuộc (liệt kê, không gian, thời gian, các mặt, các đặc điểm, các tác dụng v.v... của sự vật, sự việc, hiện tượng),

– quan hệ phụ thuộc (giữa ý chính, ý diễn giải ; giữa ý cụ thể với ý tổng kết, nhận định chung ; quan hệ nhân – quả).

III – BÀI TẬP

1. Đọc bài sau đây, đánh số La Mã (trong ngoặc vuông) vào đầu mỗi đoạn văn :

ANH CÔNG NHÂN DA ĐEN HÔ-XÊ

Đầu năm 1921, một cuộc bãi công lớn của công nhân nổ ra ở Bra-xin. Một chiếc tàu vừa cập bến Gia-nây-rô. Thủy thủ trên tàu chưa biết rằng các bạn mình ở đây đang đấu tranh chống bọn chủ.

Một người da đen tham gia bãi công tên là Hô-xê muốn lên tàu báo tin cho các thủy thủ biết. Trên bến Hô-xê gặp một tên cảnh sát ngăn anh lại. Hô-xê cố nài. Tên cảnh sát chẳng thèm trả lời nữa, rút súng lục ra bắn. Hô-xê tránh kịp và lẹ như chớp, anh túm lấy thằng đội, quẳng nó xuống nước. Có đến năm chục tên cảnh sát có vũ khí đổ xô đến đánh Hô-xê. Rồi sau chúng lôi anh ra tòa. Anh bị kết án ba mươi năm khổ sai.

Vừa được tin xử, anh em công nhân lập ngay một Ủy ban bảo vệ. Một mặt họ mướn nhiều trạng sư cãi cho bạn. Mặt khác họ tổ chức những cuộc biểu tình phản đối trong cả nước. Dư luận công phẫn đến mức nhà chức trách phải mang vụ án ra xét lại. Một vạn rưỡi công nhân dự phiên tòa kéo dài suốt đêm. Phiên tòa đến 4 giờ rưỡi sáng mới kết thúc. Tòa xử trắng án.

Bản tuyên án được hoan nghênh bằng những tiếng vỗ tay vang như sấm. Và Hô-xê, anh chiến sĩ da đen, ngả mình trong tay những người bảo vệ mình, các công nhân da trắng.

thuongmaitr

Vậy là, dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người : giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một tình hữu ái là thật mà thôi : tình hữu ái vô sản.

(Nguyễn Ái Quốc. Dẫn theo *Tiếng Việt* 5. Tập hai. 2001)

2. Tóm tắt nội dung chính của mỗi đoạn văn bằng một câu.

3. Tìm kiểu quan hệ (phụ thuộc, không phụ thuộc) giữa các đoạn văn trong bài *Anh công nhân da đen Hô-xê* (ở bài tập 1) và vẽ lược đồ quan hệ giữa chúng.

4. Lấy một bài văn do chính mình làm, nhận xét về cách phân chia ý trong các đoạn văn có quan hệ với nhau. Vẽ lược đồ quan hệ giữa các đoạn văn trong bài đó.

ruongxua.vn

Tiết 19

ĐỀ TÀI TRONG ĐOẠN VĂN

I – TÌM HIỂU BÀI

Đọc hai phần trích sau đây và trả lời các câu hỏi cho bên dưới :

(a) *Khúc gỗ được chặt ra từng đoạn ngắn rồi dựng lên. Ông lão đứng dạng chân, vung búa. Lưỡi búa loáng sáng vút xuống. Đoạn thông tách làm đôi. Thớ gỗ thẳng, đường búa phẳng như cưa.*

(Ma Văn Kháng)

(b) *Bầu trời Côn Đảo trong buổi bình minh rất đẹp. Con đường từ bến Đầm đến nhà lao uốn quanh bờ biển, men theo triền núi, bên trên cây cối um tùm, bên dưới là sóng trắng vỗ bờ đá dựng. Trên cành cây, chim kêu ríu rít. Chị Sáu như say sưa với cảnh thiên nhiên. Chị hát theo một con chim hót. Chị rướn đôi tay bị*

công chụp một con bướm bay qua. Chị chẳng để ý gì đến bọn lính với súng gươm tua tủa quanh mình.

(Dẫn theo *Tiếng Việt 9*. 1992)

1. Phần trích (a) nói về việc gì (khái quát) ?

2. Phần trích (b) nói về mấy đối tượng chính ?

II – BÀI HỌC

1. Đề tài trong đoạn văn

Đề tài trong đoạn văn, cũng như đề tài trong văn bản, là vật, việc, hiện tượng chính được đề cập đến trong đoạn văn.

Ví dụ (về đoạn văn và đề tài của đoạn văn) :

Sự nhất quán kì lạ ở con người Hồ Chí Minh : vừa dân tộc vừa quốc tế, vừa rất mực nhân từ, vừa triệt để cách mạng. Rất uyên bác và cực kì khiêm tốn. Vừa nhìn xa trông rộng vừa thiết thực cụ thể. Vừa vĩ đại vừa bình dị. Vừa là chiến sĩ vừa là nhà thơ : "Giữa dòng bàn bạc việc quân, Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền".

(Võ Nguyên Giáp)

Phần trích trên đây là một đoạn văn có đề tài là "Sự nhất quán kì lạ (về nhiều phương diện quan trọng) ở con người Hồ Chí Minh".

2. Quan hệ giữa đoạn văn với đề tài trong đoạn văn

Xét mối quan hệ giữa đoạn văn với đề tài chứa trong đoạn văn, thường gặp 3 trường hợp sau đây :

a) đoạn văn chứa một đề tài,

b) đoạn văn chứa nhiều đề tài (hơn một đề tài),

c) đoạn văn chỉ là một bộ phận của đề tài (một đề tài được thực hiện bằng hai, ba... đoạn văn).

Ví dụ về kiểu đoạn văn (a) :

[...]

(1) *Thế mà qua một đêm mưa rào, trời bỗng đổi ra gió bấc rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa*

đông rét mướt. (2) *Sơn tung chăn tỉnh dậy, nhưng không bước xuống giường ngay như mọi khi, còn ngồi thu tay vào trong bọc, bên cạnh đứa em bé vẫn nắm tay ngủ kĩ.* (3) *Chị Sơn và mẹ Sơn đã trở dậy, đang ngồi quạt hỏa lò để pha nước chè uống.* (4) *Sơn nhận thấy mọi người đã mặc áo rét cả rồi.*

[...]

(Thạch Lam)

Đoạn văn này gồm 4 câu, chúng cùng nhau phục vụ cho đề tài "Trời bất ngờ trở lạnh".

Ví dụ về kiểu đoạn văn (b) :

(1) *Bầu trời Côn Đảo trong buổi bình minh rất đẹp.* (2) *Con đường từ Bến Đầm đến nhà lao uốn quanh bờ biển, men theo triền núi, bên trên là cây cối um tùm, bên dưới là sóng trắng vỗ bờ đá dựng.* (3) *Trên cành cây, chim kêu ríu rít.* (4) *Chị Sáu như say sưa với cảnh tự nhiên.* (5) *Chị hát theo một con chim hót.* (6) *Chị rướn đôi tay bị còng chụp một con bướm bay qua.* (7) *Chị chẳng để ý gì đến bọn lính với súng gươm tua tủa quanh mình.*

truongxua.vn

(Dẫn theo *Tiếng Việt 9* . 1992)

Đoạn văn này có 7 câu, trong đó 3 câu đầu dùng vào đề tài "Cảnh Côn Đảo vào lúc bình minh", còn 4 câu sau nói về đề tài "Chị Sáu bình tĩnh, gan dạ ra pháp trường".

Ví dụ về kiểu đoạn văn (c) :

(1) *Trách nhiệm của cán bộ chính quyền và đoàn thể là phải xem trọng phê bình và những lời đề nghị của quần chúng.*

(2) *Nhưng vẫn có nhiều cán bộ không làm đúng như vậy.*

(Hồ Chí Minh. Dẫn theo *Tiếng Việt 9* . 1992)

Trên đây là 2 đoạn văn, mỗi đoạn chỉ chứa 1 câu. Cả 2 đoạn văn này cùng phục vụ một đề tài "Trách nhiệm của cán bộ đối với ý kiến của quần chúng và cách thực hiện trách nhiệm đó". Dễ thấy là một mình câu (2) không đủ rõ ý, nếu tách ra khỏi câu (1) ; phải căn cứ vào ý câu (1) mới hiểu được nó.

Đề tài trong đoạn văn là vật, sự việc, hiện tượng chính được nói tới trong đoạn văn.

Có 3 kiểu quan hệ thường gặp giữa đoạn văn với đề tài trong đoạn văn là :

- đoạn văn chứa một đề tài,
- đoạn văn chứa hơn một đề tài,
- đoạn văn chứa bộ phận của một đề tài (một đề tài được diễn đạt bằng hai, ba... đoạn văn).

III - BÀI TẬP

1. Các câu (1, 2, 3) trong đoạn văn sau đây nói về việc (đề tài) gì ? Câu (4) nói về việc (đề tài) gì ? Câu (5) nói về việc (đề tài) gì ?

[...]

(1) *Và lão* [tức lão Hạc] *kể.* (2) *Lão kể nhỏ nhẻ và dài dòng thật.* (3) *Nhưng đại khái có thể rút vào hai việc.* (4) *Việc thứ nhất : lão thì già, con đi vắng, vả lại nó cũng còn dại lắm, nếu không có người trông nom cho thì khó mà giữ được vườn đất để làm ăn ở làng này ; tôi là người nhiều chữ nghĩa, nhiều lí luận, người ta kiêng nể, vậy lão muốn nhờ tôi cho lão gửi ba sào vườn của thằng con lão ; lão viết văn tự nhượng cho tôi để không ai còn tơ tưởng dòm ngó đến ; khi nào con lão về thì nó sẽ nhận vườn làm, nhưng văn tự cứ để tên tôi cũng được, để thế để tôi trông coi cho nó...* (5) *Việc thứ hai : lão già yếu lắm rồi, không biết sống chết lúc nào ; con không có nhà lỡ chết không biết ai đứng ra lo cho được ; để phiền cho hàng xóm thì chết không nhắm mắt, lão còn được hăm lăm đồng bạc, với năm đồng vừa bán chó là ba mươi đồng bạc, muốn gửi tôi để lỡ có chết thì tôi đem ra, nói với hàng xóm giúp, gọi là của lão có tí chút, còn bao nhiêu đành nhờ hàng xóm cả...*

[...]

(Nam Cao)

2. Đoạn văn trên (bài tập 1) có mấy đề tài ? Riêng nội dung chuyện của lão Hạc kể có mấy đề tài (nội dung chính được nói đến) ?

3. Đọc phần trích sau đây. Cho biết đoạn văn gồm các câu (5 – 8) chứa mấy đề tài, nội dung khái quát của đề tài là gì ?

(1) *Bà nghị chỉ tay quát thằng nhỏ lấy nước.* (2) *Bà uống một hớp dấp giọng rồi bảo chị Dậu :*

– (3) *Thế nào, mày nghĩ tao nói có phải hay không ?*

(4) *Chị Dậu rơm rớm nước mắt :*

– (5) *Vâng, thưa hai cụ, con cũng biết rằng cháu được sang đó nương nhờ các cụ và cô Hai, thật là phúc cho nó lắm.* (6) *Nhưng vì nhà con thiếu hơn hai đồng tiền sưu, mới phải đến kêu cửa cụ.* (7) *Nếu cụ chỉ cho có một đồng, thì còn hơn một đồng nữa, chúng con không biết chạy vào đâu được.* (8) *Vậy xin hai cụ nhón tay làm phúc.*

(Ngô Tất Tố)

4. Lấy một bài văn do mình viết mà thấy tốt nhất, xem xét lại cách tách thành các đoạn văn và cách phân bố đề tài trong từng đoạn. Có chỗ nào cần điều chỉnh không ? Vì sao ?

truongxua.vn

5. Thử viết 2 đoạn văn nối tiếp nhau và cho biết số lượng đề tài trong từng đoạn.

Tiết 20

CÂU CHỐT TRONG ĐOẠN VĂN

I – TÌM HIỂU BÀI

Đọc phần trích sau đây và suy nghĩ về các câu hỏi gợi ý cho bên dưới :

[...]

(1) *Tính ông* [Nguyễn Trãi] *cương trực, nên bị bọn quyền thần ghen ghét.* (2) *Do đó ông xin thôi làm quan về nghỉ ở Côn Sơn (huyện Chí Linh, nay thuộc tỉnh Hải Dương).* (3) *Năm 1434, Thái Tông lại vời ông ra giúp nước.* (4) *Năm 1442, Thái Tông mất, triều đình đổ tội giết vua cho ông và kết án tru di tam tộc (giết sạch bà con thân thích ba họ cha, mẹ, vợ).* (5) *Mãi đầu năm 1464,*

Lê Thánh Tông mới giải oan cho ông. (6) *Ông còn để lại nhiều tác phẩm viết bằng chữ Hán và chữ Nôm rất có giá trị.*

[...]

(*Văn 9*. Tập một. 1992)

a) Phần trích trên có tư cách một đoạn văn không ?

b) Câu nào trong số 6 câu mang nội dung cô đúc nhất và bao quát nhất của toàn phần trích ? Vị trí câu này như thế nào trong mối quan hệ với những câu còn lại ?

II - BÀI HỌC

1. Câu chốt trong đoạn văn

Trong đoạn văn có thể có (mà cũng có thể không có) câu chốt. Câu chốt trong đoạn văn là câu nêu lên cái ý chung khái quát nhất và hàm súc nhất, có tư cách là đề tài của đoạn văn ; các ý khác trong đoạn văn là để diễn giải nó và phụ thuộc vào nó về quan hệ ý nghĩa ; câu chốt cũng có thể làm câu kết luận.

Chẳng hạn, ở đoạn văn trong mục *Tìm hiểu bài*, câu (1) là câu chốt của đoạn văn này, nó nêu lên tính khí chung của Nguyễn Trãi và cái hệ quả khái quát nhất, hàm súc nhất, là tính khí Nguyễn Trãi bị bọn quyền thần ghen ghét.

Câu (2) nêu lên cái hệ quả cụ thể thứ nhất, trực tiếp, và đồng thời cho thấy tính khí cương trực của ông.

Câu (3, 4, 5, 6) nêu lên cái hệ quả cụ thể về sau và trầm trọng đến mức chấm dứt cả cuộc đời và sự nghiệp của bậc vĩ nhân mà cái di sản không phải là vật sống vẫn "rất có giá trị".

2. Vị trí câu chốt trong đoạn văn

Trong đoạn văn có câu chốt thì câu chốt thường đứng :

- đầu đoạn văn (có tính chất nêu sự việc),
- cuối đoạn văn (có tính chất kết luận về sự việc).

a) Câu chốt đứng đầu đoạn văn. Xem ví dụ ở mục *Tìm hiểu bài*.

b) Câu chốt đứng ở cuối đoạn văn (câu in đậm) :

thuongmaitr

(1) *Chính quyền nhân dân ta vững chắc.* (2) *Quân đội nhân dân hùng mạnh.* (3) *Mặt trận nhân dân rộng rãi.* (4) *Công nhân, nông dân và trí thức dược rèn luyện thử thách và tiến bộ không ngừng.* (5) **Nói tóm lại : lực lượng của chúng ta to lớn và ngày càng to lớn.**

(Hồ Chí Minh)

Bốn câu trước liệt kê sự việc theo trình tự từ Nhà nước đến nhân dân (chính quyền –quân đội – mặt trận – giai cấp). Câu cuối cùng nêu đề tài chung với tư cách một kết luận – nó là câu chốt.

> Trong đoạn văn có thể có câu chốt. Câu chốt là câu nêu lên cái ý chung khái quát nhất và hàm súc nhất, có tư cách là đề tài của toàn đoạn văn ; các ý khác còn lại trong đoạn văn có tác dụng diễn giải nó và phụ thuộc vào nó về quan hệ ý nghĩa. Câu chốt thường đứng :
>
> – đầu đoạn văn (để nêu sự vật, sự việc),
>
> – cuối đoạn văn (có tính chất kết luận về sự vật, sự việc).

uongxua.vn

III – BÀI TẬP

1. Tìm câu chốt trong đoạn văn sau đây, nói rõ vị trí của nó và ý ở các câu khác phụ thuộc như thế nào vào nó :

[...]

(1) *Tác phẩm gồm 20 truyện ngắn viết theo lối văn xuôi cũ, có truyện xen lẫn một số bài thơ, 19 trong số 20 truyện còn kết thúc bằng lời bình.* (2) *Tuy viết bằng chữ Hán, có chịu ảnh hưởng của một số cốt truyện và nghệ thuật viết truyện truyền kì của Trung Quốc, nhưng tác phẩm vẫn mang tính Việt Nam rõ rệt, khai thác những truyện dân gian Việt Nam, có những người thật việc thật với không gian, lịch sử, vấn đề của Việt Nam.* (3) *Nhân vật chính diện trong các truyện chủ yếu là những người phụ nữ bình thường, có phẩm chất tốt đẹp, khao khát hạnh phúc, nhưng gặp nhiều bất hạnh, đau khổ, thứ nữa là những người trí thức phong kiến, tìm một cách sống vượt ra ngoài sự trói buộc của lí tưởng phong kiến, quay lưng lại không hợp tác với triều đình phong kiến đương thời.*

(*Văn 9*. Tập một. 1992)

2. Tìm câu chốt trong đoạn văn sau đây, nói rõ vị trí của nó và tác dụng của nó trong đoạn văn :

[...]

(1) *Sau trận ốm, lão yếu người đi ghê lắm.* (2) *Những công việc nặng không làm được nữa.* (3) *Làng mất vè sợi, nghề vải đành phải bỏ.* (4) *Đàn bà rỗi rãi nhiều.* (5) *Còn tí việc nhẹ nào họ tranh nhau làm mất cả.* (6) *Lão Hạc không có việc.* (7) *Rồi lại bão.* (8) *Hoa màu bị phá sạch sành sanh.* (9) *Từ ngày bão đến nay, vườn lão chưa có một tí gì bán.* (10) *Gạo thì cứ kém mãi đi.* (11) *Một lão với một con chó, mỗi ngày ba hào gạo, mà gia sự vẫn còn đói deo đói dắt...*

[...]

(Nam Cao)

3. Đoạn văn trích ở bài tập 2 chứa bao nhiêu đề tài cụ thể ? Ranh giới và nội dung của chúng (không tính câu chốt) ?

4. Viết một đoạn văn có câu làm câu chốt. Nêu rõ vị trí và tác dụng của nó trong đoạn văn đó.

thuongmaitr

Tiết 21

LUYỆN TẬP VỀ CÂU CHỐT TRONG ĐOẠN VĂN

1. Tìm câu chốt của đoạn văn sau đây, nói rõ vai trò của nó đối với các câu khác trong đoạn văn :

[...]

(1) *Tôi* [Lê Hữu Trác] *bèn sửa sang áo mũ chỉnh tề, lên cáng vào phủ.* (2) *Tên đầy tớ chạy đằng trước hét đường.* (3) *Cáng chạy như ngựa lồng, tôi bị xóc một mẻ, khổ không nói hết.* (4) *Chúng tôi đi cửa sau vào phủ.* (5) *Người truyền lệnh dẫn tôi qua mấy lần cửa nữa, theo đường bên trái mà đi.* (6) *Tôi ngẩng đầu lên đâu đâu cũng là cây cối um tùm, chim kêu ríu rít, danh hoa đua thắm, gió đưa thoang thoảng mùi hương.* (7) *Những dãy hành lang quanh co nối nhau liên tiếp.* (8) *Người giữ cửa truyền báo rộn ràng, người có việc quan qua lại như mắc cửi.* (9) *Vệ sĩ canh giữ cửa cung, ai muốn vào phải có thẻ.*

[...]

(Dẫn theo *Văn 9*. Tập một . 1992)

2. Tìm câu chốt trong đoạn văn sau đây :

[...]

(1) *Khốn nạn...* (2) *Ông giáo ơi ! ...* (3) *Nó* [tức con chó] *có biết gì đâu !* (4) *Nó thấy tôi* [tức lão Hạc] *gọi thì chạy ngay về, vẫy đuôi mừng.* (5) *Tôi cho nó ăn cơm.* (6) *Nó đang ăn thì thằng Mục nấp trong nhà ngay đằng sau nó, tóm lấy hai cẳng sau nó dốc ngược nó lên.* (7) *Cứ thế là thằng Mục với thằng Xiên, hai thằng chúng nó chỉ loay hoay một lúc đã trói chặt cả bốn chân nó lại.* (8) *Bấy giờ cu cậu mới biết là cu cậu chết !...* (9) *Này !* (10) *Ông giáo ạ !* (11) *Cái giống nó cũng khôn !* (12) *Nó cứ làm in như nó trách tôi ; nó kêu ư ử, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng :* "(13) *A !* (14) *Lão già tệ lắm !* (15) *Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à ?*". (16) *Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó, nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó !*

[...]

(Nam Cao)

3. Trong đoạn văn trích ở bài tập 2, câu (1) và câu (16) có quan hệ gì với nhau không ? Xét về phương diện mục đích nói thì chúng có quan hệ thế nào đối với nhau ?

uongxua.vn

4. Trong mấy đoạn văn liên tiếp sau đây có đoạn văn nào chứa câu chốt không :

[...]

(1) *Bắc Bình Vương lấy làm phải, bèn cho đắp đàn ở trên núi Bân tế cáo trời đất cùng các thần sông, thần núi, chế ra áo cổn mũ miện, lên ngôi hoàng đế, đổi năm thứ 11 niên hiệu Thái Đức của vua Tây Sơn Nguyễn Nhạc làm năm thứ đầu của niên hiệu Quang Trung.* (2) *Lễ xong, hạ lệnh xuất quân, hôm ấy nhằm vào ngày 25 tháng chạp năm Mậu Thân (1788).*

(1) *Vua Quang Trung tự mình đốc suất đại binh, cả thủy lẫn bộ cùng ra đi.* (2) *Ngày 29 đến Nghệ An...*

(1) *Sai đại tướng là Hám Hổ Hầu kén lính ở Nghệ An, cứ ba suất đinh thì lấy một người, chưa mấy lúc, đã được hơn một vạn quân tinh nhuệ.* (2) *Rồi nhà vua cho mở cuộc duyệt binh lớn ở doanh trấn, đem số thân quân ở Thuận Hóa, Quảng Nam chia làm bốn doanh tiền, hậu, tả, hữu, còn số lính mới tuyển ở Nghệ An làm trung quân.*

[...]

(Dẫn theo *Văn 9*. Tập một . 1992)

5. Viết một đoạn văn (có thể nằm trong một bài nhỏ) có câu chốt đứng đầu đoạn văn.

6. Viết một đoạn văn có câu chốt đứng ở cuối đoạn văn.

Tiết 22

TÁCH ĐOẠN VĂN

I – TÌM HIỂU BÀI

Đọc 2 đoạn văn nối tiếp sau đây và suy nghĩ theo hướng các câu hỏi cho bên dưới :

[I] *Cư dân Văn Lang rất ưa ca hát, nhảy múa. Họ hát múa lứa đôi trong những đêm trăng hoặc ngày hội. Họ còn hát trong lúc sản xuất, chèo thuyền, săn bắn. Những nhạc cụ hay được dùng là : trống đồng, khèn, sáo, bộ gõ, cồng...*

[II] *Khiếu thẩm mĩ của họ khá phát triển. Người dân thích trang trí, làm đẹp. Đồ trang sức tinh vi, phong phú. Đồ gốm nhiều kiểu dáng, nhiều hoa văn sáng tạo đạt đến mức nghệ thuật. Trống đồng Đông Sơn là đỉnh cao của trình độ thẩm mĩ, nghệ thuật tạo hình Lạc Việt.*

(*Lịch sử 6.* Dẫn theo *Tiếng Việt 9* . 1992)

a) Hai đoạn văn trên đây chung nhau ở điểm nào ? (xét mặt đời sống của cư dân Văn Lang).

b) Mỗi đoạn văn nói riêng về một phương diện nào trong cái chung ấy ?

II – BÀI HỌC

1. Tách đoạn văn

Tách đoạn văn là xếp một câu hay một số câu vào một đoạn văn (theo định nghĩa về *đoạn văn* đã học), bằng cách đó tách nó ra khỏi phần văn bản trước nó và sau nó, *nhằm những mục đích*

diễn đạt nhất định (như tạo sự rõ rành, tính cân đối, thu hút chú ý v.v...).

Ví dụ 1 :

[I] *Có buổi sớm nắng mờ, biển bốc hơi nước, không nom thấy núi xa, chỉ một màu trắng đục. Không có thuyền, không có sóng, không có mây, không có sắc biếc của da trời.*

[II] *Một buổi chiều lạnh, nắng tắt sớm. Những núi xa lam nhạt pha màu trắng sữa. Không có gió, mà sóng vẫn đổ đều đặn, rì rầm. Nước biển dâng đầy, quánh đặc một màu bạc trắng, lấm tấm như bột phấn trên da quả nhót.*

(Vũ Tú Nam)

Hai đoạn văn trên có điểm chung là nói về cảnh biển, trong đó đoạn văn [I] nói về "buổi sớm nắng mờ", đoạn văn [II] nói về "buổi chiều lạnh". Thời điểm khác nhau, cảnh sắc biển khác nhau, sự diễn tả trong 2 đoạn văn không quá chênh lệch nhau về độ dài ; đó là những yếu tố nội dung và hình thức giúp cho phần văn bản trích trên có tính chất rõ ràng, cân đối như 2 bức tranh khác nhau cùng khổ, đặt kề nhau, có vẻ như là đối chiếu nhau.

uongxua.vn

Ví dụ 2 :

Sau đây là một bộ phận của phần nói về kết cấu (phần III) trong bài *Sơ lược một số khái niệm lí luận về tác phẩm văn học*

(*Văn 9*. Tập hai. 1991)

[...]

III KẾT CẤU

[I] *Kết cấu là cách tổ chức tác phẩm làm cho các bộ phận, yếu tố, chi tiết hợp lại thành một thể thống nhất, hợp lí, mạch lạc góp phần thể hiện rõ chủ đề và nội dung.*

[II] *Trong cách kết cấu một tác phẩm có hai vấn đề chính cần giải quyết một cách sáng tạo.*

[III] (1) *Vấn đề phân lượng : cái gì cần nói nhiều, cái gì chỉ nói ít, cái gì cần đi sâu, cái gì chỉ lướt qua.*

3. Xác định quan hệ không phụ thuộc và quan hệ phụ thuộc giữa 4 đoạn văn nêu ở bài tập 2, vẽ sơ đồ quan hệ giữa chúng.

4. Trong bài tập làm văn, một bạn học sinh đã tách đoạn bài viết của mình như sau :

Tối chủ nhật vừa qua, một đoàn văn công đã về xã em biểu diễn văn nghệ.

Đêm ấy, trời rất đẹp. Hàng hà sa số những vì sao lấp lánh trên trời cao. Gió nam thổi nhẹ. Phông màn rực rỡ trong ánh điện sáng trưng. Đúng bảy rưỡi, đêm biểu diễn bắt đầu.

Hai cánh màn nhung hé mở, một chị văn công hiện ra. Chị cười rất tươi, cúi chào khán giả. Với giọng nói trong trẻo, chị giới thiệu chương trình... Mở đầu là bài đồng ca hùng tráng làm náo nức lòng người. Bài hát quen thuộc mà sao hôm nay em nghe thấy xúc động quá...

Có bạn cho rằng cách chia đoạn như vậy chưa thật hợp lí và đã đề nghị chia đoạn lại như sau :

thuongmaitr

Tối chủ nhật vừa qua, một đoàn văn công đã về xã em biểu diễn văn nghệ.

Đêm ấy, trời rất đẹp. Hàng hà sa số những vì sao lấp lánh trên trời cao. Gió nam thổi nhẹ. Phông màn rực rỡ trong ánh điện sáng trưng.

Đúng bảy rưỡi, đêm biểu diễn bắt đầu. Hai cánh màn nhung hé mở, một chị văn công hiện ra. Chị cười rất tươi, cúi chào khán giả. Với giọng nói trong trẻo, chị giới thiệu chương trình...

Mở đầu là bài đồng ca hùng tráng làm náo nức lòng người. Bài hát quen thuộc mà sao hôm nay em nghe thấy xúc động quá.

a) Trong 2 cách tách đoạn trên, cách nào hợp lí hơn ? Vì sao ?

b) Có thể tách đoạn theo cách nào nữa không ?

Tiết 23

TÁCH ĐOẠN VĂN *(tiếp)*

I – TÌM HIỂU BÀI

Đọc bài giới thiệu vắn tắt sau đây về Nguyễn Đình Chiểu, xem xét nhiệm vụ chính của mỗi đoạn văn trong văn bản có bố cục 3 phần :

[I] *Nguyễn Đình Chiểu (1822 – 1888) : sinh ở làng Tân Khánh, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định (thuộc thành phố Hồ Chí Minh ngày nay), cha là một viên quan nhỏ.*

[II] *Cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu có nhiều đau khổ : cha bị cách chức, tuổi bé thơ đã phải lận đận – Về quê nội ở Huế, học nhờ một người bạn cũ của cha. Năm 1843, thi đỗ tú tài, năm 1847 chuẩn bị dự một kì thi cao hơn thì được tin mẹ mất, ông bỏ thi về Nam để tang mẹ, bị ốm nặng trên đường về, mù cả hai mắt. Gia đình nhà giàu trước hứa gả con gái cho ông liền bội ước. Bao nhiêu mơ ước của tuổi trẻ tan vỡ, ông về quê dạy học và làm thuốc, sống cảnh nghèo nàn, thanh bạch. Giặc Pháp xâm lược Nam Bộ, ông đứng về phía nhân dân kháng chiến, cùng các lãnh tụ nghĩa quân bàn bạc cách đánh giặc, sáng tác thơ văn làm vũ khí cứu nước. Giặc Pháp tìm cách mua chuộc, ông đều khước từ, trọn đời sống trung thành với Tổ quốc và nhân dân.*

[III] *Trong các nhà văn Việt Nam xưa và nay, ông là nhà văn đau khổ nhất, mù lòa, học vấn dở dang, nghèo khổ, mất nước, nhưng ông đã sống một cuộc đời đạo đức cao cả, đầy nghị lực, khí phách và sáng tạo, để lại cho đời một sự nghiệp văn chương có giá trị lớn với nhiều truyện thơ, bài thơ, văn tế nổi tiếng.*

(*Văn 9.* Tập một. 1992)

II – BÀI HỌC

2. Hai căn cứ chung để tách đoạn văn

Viết tách văn bản thành đoạn văn có phần tùy thuộc ở loại hình văn bản (văn bản nghệ thuật, văn bản chính luận, văn bản

ruongxua.vn

báo chí, văn bản hành chính v. v...). Sau đây là hai căn cứ chung nhất, cần chú ý trong việc tách đoạn văn :

a) Vai trò, nhiệm vụ của đoạn văn trong cấu tạo chung của văn bản

– đoạn văn làm phần mở bài,

– đoạn văn (hay nhiều đoạn văn) làm phần thân bài,

– đoạn văn làm phần kết bài.

(Ngoài ra, cũng có thể gặp đoạn văn chuyển tiếp làm nhiệm vụ nối kết phần văn bản trước nó với phần văn bản sau nó.)

Phân tích ví dụ bài giới thiệu Nguyễn Đình Chiểu ở mục *Tìm hiểu bài* trên đây :

– *Đoạn văn [I]* có tư cách **phần mở bài**, nó nêu những điểm chung khi cần giới thiệu về một con người như tên, tuổi, nơi sinh, bố, mẹ v.v... (nội dung chung ở đây là thân thế của tác giả).

– *Đoạn văn [II]* có tư cách **phần thân bài**, nó nói sâu hơn về cuộc đời của con người cụ thể đã được giới thiệu sơ bộ ở đoạn văn [I] (nội dung chung ở đây là sự nghiệp của tác giả).

– *Đoạn văn [III]* có tư cách **phần kết bài**, nó nhận xét khái quát về con người đang được đề cập (nội dung chung là đánh giá khái quát).

Trong những văn bản lớn, mỗi phần trên, nhất là phần thân bài, thường gồm nhiều đoạn văn cụ thể giữ những vai trò nhất định. Đoạn văn (hay những đoạn văn) ở thân bài thường lớn hơn đoạn văn mở bài và đoạn văn kết bài.

b) Những biến đổi trong quan hệ nội dung giữa các đoạn văn

Như đã biết, phần thân bài thường gồm có nhiều đoạn văn. Những đoạn văn này thường được tách ra trên cơ sở những biến đổi trong quan hệ ở nội dung giữa chúng.

Sau đây là một số nội dung quan hệ thường gặp :

– Quan hệ giữa *các vật, việc, hiện tượng khác nhau* : mỗi vật... đó được tách thành một đoạn văn. .

– Quan hệ giữa *các điểm, hướng không gian của một vật, việc, hiện tượng :* mỗi điểm, hướng không gian của nó được tách thành một đoạn văn.

– Quan hệ giữa *các thời điểm, thời hạn của một vật, việc, hiện tượng* : mỗi thời điểm, thời hạn của nó được tách thành một đoạn văn.

– Quan hệ giữa *các mặt, các đặc điểm, các tác dụng* v.v... *khác nhau của một vật, việc, hiện tượng :* mỗi mặt, mỗi đặc điểm, mỗi tác dụng của nó được tách thành một đoạn văn.

Ví dụ :

Quan hệ giữa các vật, việc, hiện tượng

Nắng *như cầm lửa mà đổ xuống trên rừng núi Chư Lây. Dưới suối, nước đi trốn gần hết, dân làng phải dỡ từng hòn đá ra mới tìm được nước. Rẫy muốn cháy. Cây lúa cứ thấp lè tè, hột cứng ít, hột lép nhiều.*

Thêm **cái đói muối.** *Hũ muối nhà nào cũng ăn tới hột cuối cùng rồi. Hết muối phải đổ nước ngâm cái hũ một đêm rồi dốc ra lấy nước mặn mặn đó ăn với cơm. Bây giờ cái hũ cũng hết mặn.*

uongxua.vn

(Nguyên Ngọc)

Quan hệ giữa các điểm không gian

Từ tây sang đông, những dải núi trẻ chạy tiếp nhau trông tựa một vành đai. Những dải núi trẻ này tiếp tục những dải núi trẻ của châu Âu, chạy ngang qua châu Á tới bán đảo Trung – Ấn rồi tiến ra biển thành quần đảo In-đô-nê-xi-a.

Quá lên phía bắc châu Á có nhiều cao nguyên cổ. Những cao nguyên này bị bào mòn từ lâu đời, nhưng về sau hiện tượng tạo sơn lại làm xuất hiện những dải núi trẻ.

(Dẫn theo *Tiếng Việt* 9 . 1992)

Quan hệ giữa các thời điểm

Có buổi sớm nắng mờ, *biển bốc hơi nước, không nom thấy núi xa, chỉ một màu trắng đục. Không có thuyền, không có sóng, không có mây, không có sắc biếc của da trời.*

Một buổi chiều lạnh, *nắng tắt sớm. Những núi xa lam nhạt pha màu trắng sữa. Không có gió, mà sóng vẫn đổ đều dặn rì rầm. Nước biển dâng đầy, quánh đặc một màu bạc trắng, lấm tấm như bột phấn trên da quả nhót.*

(Vũ Tú Nam)

Việc tách đoạn văn trong văn bản có nhiều căn cứ khác nhau, có khi rất tinh tế. Sau đây là 2 căn cứ chung nhất cần tính đến :

– Vai trò, nhiệm vụ của đoạn văn trong cấu tạo chung của văn bản có bố cục 3 phần : đoạn văn mở bài, đoạn văn thân bài, đoạn văn kết bài.

– Những biến đổi trong quan hệ nội dung giữa các đoạn văn (thường là thuộc phần thân bài) : giữa các vật, việc, hiện tượng ; giữa các điểm, hướng không gian ; giữa các thời điểm, thời hạn ; giữa các mặt, các đặc điểm, tác dụng... khác nhau của một vật, việc, hiện tượng v.v...

thuongmaitu

III - BÀI TẬP

1. Hãy nêu nội dung quan hệ làm cơ sở cho việc tách đoạn văn trong các phần trích sau đây :

a) Hải âu là bạn bè của người đi biển. Chúng báo trước cho họ những cơn bão. Lúc trời sắp nổi bão, chúng càng bay nhiều, vờn sát ngọn sóng hơn và về tổ muộn hơn, chúng cần kiếm mồi sẵn cho lũ con ăn trong nhiều ngày, chờ khi biển lặng.

Hải âu còn là dấu hiệu của điềm lành. Ai đã từng lênh đênh trên biển cả dài ngày, đã bị cái bồng bềnh của sóng gió làm say... mà thấy những cánh hải âu, lòng lại không cháy bùng hi vọng. Bọn chúng báo hiệu sự bình an, báo trước bến cảng hồ hởi, báo trước sự sum họp gia đình sau những ngày cách biệt đằng đẵng.

(Vũ Hùng)

b) Một năm đã qua.

Thế rồi một hôm, Hoài Văn đang luyện tập với sáu trăm gã hào kiệt, thì có tin đồn thái tử nhà Nguyên là Trấn Nam Vương Thoát Hoan, thống lĩnh năm mươi vạn binh mã, đã phạm vào cửa ải. Quan quân đã giao chiến với giặc.

Sáu trăm người hoa chân múa tay, xin Hoài Văn gấp gấp lên đường.

[...]

(Nguyễn Huy Tưởng. *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*)

c) Mấy hôm sau, Mèo Con đã thuộc tất cả các ngóc ngách từ trên nhà xuống bếp, từ trong sân đến ngoài vườn, đến chỗ nào cũng có những cuộc gặp gỡ, những câu chuyện làm cho Mèo Con ngẫm nghĩ. Cả ngày, chú chạy chơi cho đến lúc nghe Bống gọi : "Miu miu về ăn cơm".

Bữa trưa ấy, Mèo Con lại nằm lim dim mắt sưởi ấm trên thềm nhà. Mẹ Bống đang xay cối thóc ù ù, rào rào. Mấy chú gà con chiếp chiếp xúm xít đến nhặt những hạt thóc vãi.

Bỗng trong chuồng gà nghe quác quác một tiếng thật to. Quác quác, gà mẹ từ trong chuồng kêu thất thanh, xõa cánh nhảy tót ra ngoài, kêu te tái. Mèo Con vút một cái đã băng mình đến.

(Nguyễn Đình Thi. *Cái Tết của Mèo Con*)

2. Lấy sự việc khác nhau làm cơ sở, hãy tách phần văn bản cho sau đây ra thành 3 đoạn văn và nêu ý chính của mỗi đoạn văn :

Hòn Gai vào những buổi sáng sớm thật là nhộn nhịp. Khi tiếng còi tầm vừa cất lên, những chiếc xe bò tót cao to chở thợ lò lên tầng, vào lò, tiếng còi bíp bíp inh ỏi... Dọc theo bờ vịnh Hạ Long, trên bến Đoan, bến Tàu hay cảng Mới, những đoàn thuyền đánh cá rẽ màn sương bạc nối đuôi nhau cập bến, những cánh buồm ướt át như cánh chim trong mưa... Chợ Hòn Gai buổi sáng la liệt tôm cá. Những con cá song khỏe, vớt lên hàng giờ vẫn giãy đành đạch, vẩy xám hoa đen lốm đốm.

(Bản gốc của Thi Sảnh đã tách đoạn)

3. Thuật (viết) vắn tắt một tiết học nào đó, trong bài viết có đoạn văn mở bài, đoạn văn (hoặc vài ba đoạn văn) thân bài và đoạn văn kết bài.

uongxua.vn

4. Lấy một bài kiểm tra (Tập làm văn hoặc Lịch sử, Địa lí...) em viết gần đây và xem xét lại cách tách các đoạn văn trong đó. Nhận xét những chỗ tốt và chưa tốt trong việc tách đoạn văn ở bài đó.

Tiết 24

LUYỆN TẬP
VỀ TÁCH ĐOẠN VĂN

1. Trong *Văn 9*. Tập hai (1991), do yêu cầu ngắn gọn, tác giả Đỗ Phủ (Trung Quốc) đã được giới thiệu bằng đoạn văn sau đây (nằm trong bài 33 : *Kẻ lại ở Thạch Hào*). Hãy viết lại theo nội dung đã cho và tách thành những đoạn văn thích hợp (có thể thêm chủ ngữ câu ở chỗ cần thiết).

Đỗ Phủ (712 – 770) hiệu Thiếu Lăng, người tỉnh Hà Nam (Trung Quốc) là một trong những nhà thơ lớn đời Đường. Làm thơ từ lúc 7 tuổi, năm 14 tuổi đã trở thành nhà thơ trẻ được các bậc đàn anh mến phục. Năm 20 tuổi, bắt đầu cuộc sống ngao du khắp đó đây, ba lần đi với khoảng thời gian gần mười năm. Năm 34** tuổi, lên kinh đô thi mong thực hiện lí tưởng giúp vua làm cho thuần phong mĩ tục nhưng bị đánh hỏng. Năm 35 tuổi, được bổ làm chức quan nhỏ giữ vũ khí và chìa khóa cửa, một anh quản lí kho. Năm ấy (755), nổ ra cuộc bạo loạn của An Lộc Sơn đưa quân nước Hồ vào tàn phá Trung Quốc, ông bị quân An Lộc Sơn bắt giải về Tràng An, sống nửa năm trong vùng tạm chiếm, ông không chịu hợp tác với giặc, trốn khỏi Tràng An. Khi Tràng An được giải phóng, ông được bổ giữ chức cũ***, nhưng bọn gian thần công kích, ông bị đầy đi nơi khác. Năm 759, ông*

---

* Đỗ Phủ tự *Tử Mĩ*, tự xưng *Thiếu Lăng Dã Lão, Đỗ Lăng Bố Y*.

** Thực ra Đỗ Phủ đến Lạc Dương dự thi năm 24 tuổi.

*** Thực ra Đỗ Phủ từng giữ các chức vụ cao, như : *tả thập di* (chuyên việc can gián vua và tiến cử nhân tài), *viên ngoại lang* (chức vụ quan trọng trong hàng quan lại ở trung ương).

xin thôi làm quan, đưa gia đình trôi dạt khắp nơi, sống nghèo khổ. Nhờ bạn bè giúp dựng được mái nhà tranh, ông đào củ, cuốc đất để sống, tuổi già bệnh tật, nhiều lần lao đao chạy loạn, chết trên một chiếc thuyền rách trong một trận lụt, để lại cho đời một núi thơ hiện thực, phản ánh trung thành cả một thời đại đầy mâu thuẫn, biến động và đau khổ. Thơ ông chứa chan lòng yêu nước, thương dân, chống bất công bạo ngược, rất coi trọng tính nghệ thuật thơ ca.

2. Trong số những đoạn văn liên tục trích dẫn sau đây, có thể nhập đoạn văn nào vào với đoạn văn nào không ? Vì sao ?

Con voi được ở lại với chúng tôi. Nó được đặt tên là A Khâm. Ngay lúc già vừa ra khỏi, cái máu mục đồng của tôi đã trỗi dậy. Tôi đã muốn cưỡi nó. Nhưng trạm trưởng của tôi đã nghiêm nét mặt lại và nói :

– Không được, nó chưa quen, còn bé. Chúng ta phải chơi với nó đã, nghĩa là làm sao cho nó có cảm tình từ ban đầu, đừng để nó ghét mà bỏ đi...

Trạm trưởng của chúng tôi người dét như một con cá mắm, nói câu nào chắc như đinh đóng cột. Ông được phong là "Bố già" và khi "Bố già" đã phán thì các "Con trời" chúng tôi chỉ có một cách duy nhất là phục tùng mà thôi.

A Khâm lớn rất nhanh. Lớn như thổi. Chúng tôi cũng không nhớ nó ăn hết bao nhiêu nải chuối, gồi lá, ngốn bao nhiêu cỏ và lau non ở đầu bãi. Voi mà ! Có lúc ớn lên về dẫn chuối, dẫn lá nuôi voi, nhưng có A Khâm cũng vui, vì con voi này tinh khôn, nghịch ngợm và được việc lắm.

(Ngô Văn Phú)

3. Hãy tóm tắt ý các đoạn văn cho ở bài tập 2 thành một đoạn văn chứa 5, 6 câu, không dùng lời trực tiếp.

4. Viết một văn bản ngắn về một buổi làm việc của em (giúp bố mẹ, học bài, đi thăm bạn v.v...), phần thân bài có ít nhất là 2 đoạn văn.

uongxua.vn

Tiết 25

TRÌNH BÀY NỘI DUNG TRONG MỘT ĐOẠN VĂN

I – TÌM HIỂU BÀI

Trong đoạn văn sau đây, câu nào mang ý nghĩa khái quát bao trùm toàn đoạn văn, xét vị trí của nó so với những câu khác trong đoạn :

"Nhật kí trong tù" canh cánh một tấm lòng nhớ nước. Chân bước đi trên đất Bắc mà lòng vẫn hướng về Nam, nhớ đồng bào trong hoàn cảnh lầm than, có lẽ nhớ cả tiếng khóc của bao nhiêu em bé Việt Nam qua tiếng khóc của một em bé Trung Quốc, nhớ đồng chí đưa tiễn đến ven sông, nhớ lá cờ nghĩa đang tung bay phấp phới. Nhớ lúc tỉnh và nhớ cả trong lúc mơ.

(Hoài Thanh)

II – BÀI HỌC

thuongmaitr

Có nhiều cách sắp xếp nội dung trong một đoạn văn, sau đây là 4 cách giản đơn nhất và thường được dùng nhất.

1. Trình bày nội dung theo cách diễn dịch

Diễn dịch là cách thức trình bày ý đi từ ý chung, khái quát, đến các ý chi tiết hơn, cụ thể hơn. Theo đó, câu (hoặc những câu) mang ý chung, khái quát được đặt ở đầu đoạn văn và thường có tính chất câu chốt, các câu mang ý chi tiết, cụ thể được đặt sau nó.

Ví dụ :

(1) **Thơ thiên nhiên trong tập "Ngục trung nhật kí" thật sự có những bài rất hay**. (2) *Có những phác họa sơ sài mà chân thật và đậm đà, càng nhìn càng thú vị, như một bức tranh thủy mặc cổ điển.* (3) *Có những cảnh lộng lẫy, sinh động như những tấm thảm thêu nền gấm chỉ vàng.* (4) *Cũng có bài làm cho người đọc nghĩ tới những bức sơn mài thâm trầm, rộn rịp...*

(Đặng Thai Mai)

Có thể lược đồ hóa cách trình bày diễn dịch của đoạn văn trên như sau :

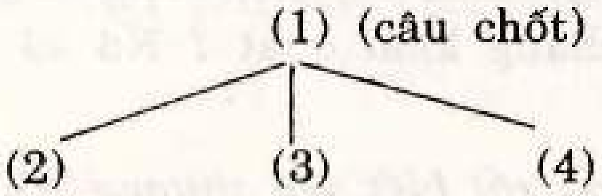

2. Trình bày nội dung theo cách quy nạp

Quy nạp là cách trình bày nội dung đi từ các ý chi tiết, cụ thể rút ra ý chung, khái quát. Theo đó, các câu mang ý chi tiết, cụ thể đứng trước, câu (hoặc những câu) mang ý chính chung, khái quát đứng cuối đoạn văn và câu này cũng thường có tính chất câu chốt.

Ví dụ :

(1) (a) *Hiện nay trình độ của đại đa số đồng bào ta bây giờ không cho phép đọc dài,* (b) *điều kiện giấy mực của ta không cho phép viết dài và in dài,* (c) *thì giờ của ta, người lính đánh giặc, người dân đi làm, không cho phép xem lâu.* (2) *Vì vậy,* **nên viết ngắn chừng nào tốt chừng ấy.**

uongxua.vn

(Hồ Chí Minh)

Có thể lược đồ hóa cách trình bày quy nạp của đoạn văn trên như sau :

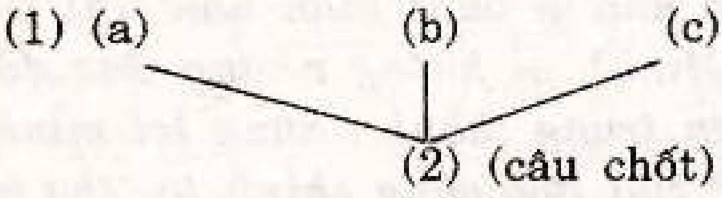

Có nhiều cách sắp xếp các ý trong một đoạn văn. Giản đơn nhất và thường gặp nhất là 4 cách sau đây :

1. *Diễn dịch* là cách trình bày đi từ ý chung, khái quát đến các ý chi tiết, cụ thể làm sáng tỏ ý chung, khái quát đó. Theo đó, câu mang ý chung đứng trước các câu còn lại, và nó có tư cách câu chốt của đoạn văn đó.

2. *Quy nạp* là cách trình bày đi từ các ý chi tiết, cụ thể rút ra ý chung, khái quát. Theo đó, câu mang ý chung đứng sau câu kia và nó có tư cách câu chốt của đoạn văn đó.

(còn nữa)

III – BÀI TẬP

1. Đoạn văn sau đây trình bày nội dung theo cách nào ? Câu nào trong đó chỉ ý chung khái quát ? Nó có tính chất là câu chốt không ?

(1) *Trần Đăng Khoa rất biết yêu thương.* (2) *Em thương bác đẩy xe bò "mồ hôi ướt lưng, căng sợi dây thừng", chở vôi cát về xây trường học, và mời bác về nhà mình...* (3) *Em thương thầy giáo một hôm trời mưa đường trơn bị ngã, cho nên dân làng bèn đắp lại đường.*

(Xuân Diệu)

2. Vẽ lược đồ cách trình bày nội dung ở ví dụ trong bài tập 1 (theo mẫu lược đồ trong mục *Bài học*).

3. Cách trình bày nội dung trong đoạn văn sau đây là cách diễn dịch hay quy nạp :

(1) *Cùng một tư tưởng rèn luyện như trên, bài thơ này* [tức bài thơ "Nghe tiếng giã gạo" – chú thích của người soạn sách "Tiếng Việt 9"] *lại tạo ra một hình tượng đau đớn của việc giã gạo và sự trong trắng của hạt gạo khi đã giã xong rồi.* (2) *Bài thơ không che giấu sự đau khổ của quá trình rèn luyện và chỉ ra sự thành công qua những bước gian nan.* (3) *Đó là những câu thơ rất "Hồ Chí Minh", vì không những Bác đã tự khuyên mình, mà đã thực hiện trung thành những lời mình tự khuyên đó.* (4) *"Thơ suy nghĩ" của Bác cũng chính là "thơ hành động".*

(Hoàng Trung Thông)

4. Trong 4 câu thuộc đoạn văn nêu ở bài tập 3, câu nào mang ý nghĩa chung, khái quát nhất ? Nó có tính chất là câu chốt của đoạn văn này không ?

5. Hãy tìm trong câu (3) của đoạn văn nêu ở bài tập 3 những ý ứng với "thơ suy nghĩ" và ý ứng với "thơ hành động" nói trong câu (4). Như vậy có thể đảo câu (4) lên đầu đoạn văn không ? Nó là kết luận hay xuất phát điểm của mạch ý toàn đoạn văn ?

thuongmaitr

Tiết 26

TRÌNH BÀY NỘI DUNG TRONG MỘT ĐOẠN VĂN

(tiếp)

I – TÌM HIỂU BÀI

1. Trong đoạn văn sau đây, chỗ in đậm ở câu (1) có quan hệ ý nghĩa trực tiếp với chỗ in đậm lần đầu ở câu (2) không ?

Chỗ in đậm lần thứ hai ở câu (2) có quan hệ ý nghĩa trực tiếp với chỗ in đậm ở câu (3) không ?

(1) *Với hoàn cảnh riêng của mình, tôi không mặn mà lắm trong việc đón* **năm mới.** (2) **Sáng ba mươi**[1] *tôi dậy sớm* **đi chợ, nấu nướng** [2]. (3) *Cả mấy ngày Tết tôi chỉ* **làm cơm** *có ngày này, trước là để cúng tổ tiên, ông bà, bố mẹ, sau là để ăn lai rai cả tuần lễ, khỏi phải lịch kịch.*

(Thùy Linh)

truongxua.vn

2. Trong đoạn văn sau đây, có câu nào mang ý chung, khái quát của toàn đoạn văn không ? Có chi tiết nào ở câu trước được lặp lại ở câu tiếp theo không ?

(1) *Nói xong già ứa nước mắt.* (2) *Chúng tôi biếu già thêm một chai rượu, năm cân gạo nếp, mấy bao thuốc lá và đặc biệt, khoảng một trăm viên thuốc kháng sinh cho các trẻ em.* (3) *Bản này trước đây giúp đỡ chúng tôi rất nhiệt tình, từ buổi trạm trưởng mới một thân một mình xây dựng cơ ngơi.* (4) *Già làng cảm ơn, lưu luyến mãi mới chia tay.*

(Ngô Văn Phú)

II – BÀI HỌC

3. Trình bày nội dung theo cách móc xích

Cách trình bày móc xích là cách trình bày ý nọ tiếp ý kia, để bổ sung, giải thích cho nhau theo lối ý sau móc nối vào ý trước do có bộ phận trùng lặp về nội dung. Tất cả các ý cùng hướng vào sự việc chung nói trong đoạn văn. Trong đoạn văn thuộc kiểu trình bày này, có thể có câu chốt mà cũng có thể không.

Ví dụ (xem đoạn văn trích thuộc mục 1 mục *Tìm hiểu bài*) :

Năm mới, ở cuối câu (1) được lặp ý bằng *sáng ba mươi* ở đầu câu (2). *Đi chợ, nấu nướng* ở cuối câu 2 được lặp ý bằng *làm cơm* ở phần đầu câu (3). Câu (1) có tư cách câu chốt.

Có thể lược đồ hóa cách trình bày móc xích nội dung đoạn văn trên như sau :

(1) (câu chốt)
|________ (2)
          |________ (3)

4. Trình bày nội dung theo cách song hành

Trình bày nội dung song hành là cách trình bày các ý trong đoạn văn ngang nhau và không có hiện tượng ý này bao quát ý kia hoặc ý này móc vào ý kia. Trình tự trước sau của các ý do người tạo lời lựa chọn, căn cứ vào ý định diễn đạt của mình và phù hợp với hoàn cảnh của sự việc được trình bày. Loại đoạn văn này, vì thế, thường không chứa câu chốt.

thuongmaitr

Ví dụ :

(1) *Mọi tiếng động trong nông trường đã im bặt từ lâu.* (2) *Những quả đồi trọc nằm gối đầu vào nhau ngủ im lìm.* (3) *Chỉ có gió và bóng tối vẫn thì thào đi lại.* (4) *Hơi lạnh trên khắp mọi nẻo căm căm.*

Ý ở các câu (1, 2, 3, 4) trong đoạn văn này cùng đi với nhau song song, không có ý chính, ý phụ ; các ý không móc xích vào nhau. Có thể lược đồ hóa cách trình bày nội dung song hành của đoạn văn trên như sau :

(1)________ (2)________ (3)________ (4)

Chú thích : Các cách trình bày *diễn dịch, quy nạp, móc xích, song hành* có thể được sử dụng kết hợp với nhau trong một đoạn văn để làm cho mạch văn sáng tỏ, uyển chuyển, linh hoạt.

3. *Móc xích* là cách sắp xếp ý nọ tiếp ý kia theo lối ý sau móc nối vào ý trước (qua những từ cụ thể) để bổ sung, giải thích... cho ý trước.

4. *Song hành* là cách sắp xếp các ý ngang nhau, không có hiện tượng ý này bao quát ý kia hoặc ý này móc vào ý kia.

Bốn cách trình bày diễn dịch, quy nạp, móc xích, song hành có thể được dùng kết hợp nhau trong một đoạn văn.

III – BÀI TẬP

1. Đoạn văn sau đây trình bày ý theo cách nào, vẽ lược đồ minh họa cách trình bày đó :

(1) *Mưa đã ngớt.* (2) *Trời rạng dần.* (3) *Mấy con chim chào mào từ hốc cây nào đó bay ra hót râm ran.* (4) *Mưa tạnh.* (5) *Phía đông một mảng trời trong vắt.* (6) *Mặt trời ló ra, chói lọi trên những vòm lá bưởi lấp lánh.*

(Tô Hoài)

2. Cơ sở hợp lí của cách trình bày ý ở đoạn văn trong bài tập 1 là cái gì ? (Tại sao không đổi được trật tự các câu trong đó ?)

truongxua.vn

3. Cách trình bày ý trong đoạn văn cho sau đây là cách nào ? Phân tích mối liên hệ giữa các câu trong đó để chứng minh cách trình bày ý đó.

(1) *Người ta tìm cách tránh tác hại của sét bằng cột thu lôi.* (2) *Đó là một thanh sắt dài và nhọn đầu.* (3) *Thu lôi được đặt trên nhà cao, trên ống khói nhà máy và được nối với đất.* (4) *Khi có sét, cột thu lôi sẽ truyền điện xuống đất nên không gây tác hại gì cho các ngôi nhà, các ống khói.*

(Dẫn theo *Tiếng Việt 9*. 1992)

Chú ý : Chia câu (4) ra làm 2 vế lớn để dễ xét quan hệ của nó với câu (3) về phương diện này.

4. Vẽ lược đồ minh họa cách trình bày ý ở đoạn văn cho trong bài tập 3.

5. Viết một đoạn văn gồm 3, 4 câu có cách trình bày ý theo cách song hành. Cho biết cơ sở hợp lí của cách trình bày đó.

Tiết 27

LUYỆN TẬP VỀ TRÌNH BÀY NỘI DUNG TRONG MỘT ĐOẠN VĂN

1. Lần lượt ghép các câu in đậm trong 3 đoạn văn liên tiếp sau đây thành 1 đoạn văn. Các ý trong đoạn văn được tạo mới đó có cách trình bày nào ?

Trong cơn dông, các đám mây đều có tích điện. *Khi hai đám mây mang điện lại gần nhau, điện phóng từ đám mây này sang đám mây kia sinh ra một tia lửa lằng nhằng sáng chói...*

Khi tia lửa điện phóng từ trên mây xuống đất, ta gọi là sét. *Sét có sức mạnh ghê gớm : làm đổ nhà, đổ cửa, quật ngã cây cối.*

Người ta tìm cách tránh tác hại của sét bằng cột thu lôi. *Đó là một thanh sắt dài và nhọn đầu. Thu lôi được đặt trên nhà cao, trên ống khói nhà máy và được nối với đất. Khi có sét, cột thu lôi sẽ truyền điện xuống đất nên không gây tác hại gì cho các ngôi nhà, các ống khói.*

(Dẫn theo *Tiếng Việt 9* . 1992)

2. Cho một số ý sau đây, hãy viết thành câu và sắp xếp chúng trong một đoạn văn. Cho biết cách trình bày đoạn văn đó (có thể thêm bớt ý).

- chiều mùa đông,
- bầu trời u ám,
- người đi làm (việc gì đó) về nhà,
- gió rét,
- không khí ấm cúng của gia đình.

3. Hãy viết một đoạn văn lấy câu sau đây làm đề tài và trình bày nội dung trong đó theo cách diễn dịch hoặc quy nạp :

Lịch sử đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

(Hồ Chí Minh)

4. Vẽ lược đồ liên hệ các ý trong đoạn văn có được ở bài tập 3.

thuongmaitr

Tiết 28

LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN

I – TÌM HIỂU BÀI

Đọc 3 đoạn văn liên tiếp sau đây và cho biết những từ in đậm ở đoạn sau chỉ ra mối quan hệ như thế nào với ý trong đoạn văn trước. (*Từ đó* là từ bao giờ ? *Hồi ấy* là hồi nào ?)

[...]

Một hôm, có gã hàng rượu tên là Lí Thông đi qua ngồi nghỉ mát ở gốc đa, thấy Sanh là người có sức vóc khác thường, đoán là được việc Thông bèn lân la gạ chuyện rồi ngỏ ý muốn kết nghĩa làm anh em. Vốn lòng ngay dạ thẳng, Sanh vui vẻ nhận lời và về ở với Lí Thông.

Từ đó, *được Thạch Sanh ra sức đỡ đần, mẹ con Lí Thông làm ăn, buôn bán ngày càng giàu có. Thấm thoắt đã bảy năm qua.*

Hồi ấy, *ở trong vùng có con xà tinh vốn là loài rắn đã thành tinh chuyên phá phách, nhũng nhiễu nhân dân và bắt người ăn thịt. Quan quân triều đình nhiều lần kéo đến vây bắt nhưng không trừ nổi. Nhà vua đành bắt dân chúng lập miếu thờ và mỗi năm đem cúng cho nó một mạng người. Năm ấy, không may đến lượt Lí Thông phải nộp mạng. Nghe tin dữ, mẹ con hắn vô cùng hoảng hốt lo sợ, nhưng sau bàn mưu tính kế nghĩ ra được một kế hiểm độc. Hôm đó, chờ lúc Thạch Sanh đi kiếm củi về, hắn mượn cớ giỗ cha, bày ra một mâm rượu thịt ê hề, rồi cả hai mẹ con mời mọc chàng ân cần.*

[...]

(Dẫn theo *Văn 9*. Tập một. 1992)

II – BÀI HỌC

Liên kết đoạn văn trong văn bản là làm cho ý giữa đoạn văn với đoạn văn liền mạch với nhau một cách hợp lí.

Có thể sử dụng tất cả các phương tiện liên kết câu (đã học ở lớp 8) để liên kết đoạn văn ; ngoài ra còn có thể dùng một số phương tiện khác.

1. Một số phương tiện khác dùng để liên kết đoạn văn (ngoài các phương tiện liên kết câu)

Trong việc liên kết đoạn văn còn thường dùng các phương tiện sau đây :

a) Dùng từ ngữ để liên kết đoạn văn

– Dùng từ ngữ chỉ trình tự, phương diện, sự bổ sung v.v... Các từ ngữ thường dùng là :

trước hết, đầu tiên, cuối cùng, sau nữa, một mặt, mặt khác, từ một phương diện khác, một là, hai là, thêm vào đó v.v...

Ví dụ :

[...]

Bắt đầu *là tìm hiểu. Tìm hiểu là phải đặt bài văn vào hoàn cảnh lịch sử của nó. Thế là cần đến khoa học lịch sử, lịch sử dân tộc, có khi cả lịch sử thế giới.*

Sau khâu tìm hiểu *là khâu cảm thụ. Hiểu đúng bài văn đã tốt. Hiểu đúng cũng bắt đầu thấy nó hay nhưng chưa đủ.* [...]

thuongmait

(Lê Trí Viễn)

– Dùng từ ngữ có ý nghĩa tổng kết, khái quát sự việc, vấn đề. Các từ ngữ thường dùng là :

tóm lại, tổng kết lại, nhìn chung, nhìn lại, nói tổng quát...

Ví dụ :

[...]

Bấy giờ khi Bác viết gì cũng đưa cho một số đồng chí xem lại, chỗ nào khó hiểu thì các đồng chí bảo cho mình sửa chữa.

Nói tóm lại, *viết cũng như mọi việc khác, phải có chí, chớ giấu dốt, nhờ tự phê bình và phê bình mà tiến bộ.*

(Hồ Chí Minh)

– Dùng từ ngữ chỉ ý đối lập, tương phản. Các từ ngữ thường dùng là :

trái lại, tuy vậy, ngược lại, thế mà, nhưng...

Ví dụ :

Trách nhiệm của cán bộ chính quyền và đoàn thể là phải xem trọng những phê bình và những lời đề nghị của quần chúng.

Nhưng *vẫn có nhiều cán bộ không làm đúng như vậy.*

(Hồ Chí Minh)

– Dùng từ ngữ thay thế. Các từ ngữ thay thế chung nhất là các đại từ như :

đó, này, ấy, vậy... (có thể kèm các từ khác)

Ví dụ :

Giảng văn rõ ràng là khó.

Nói **như vậy** *để nêu ra một sự thật. Không phải nhằm hù dọa, càng không phải để làm ngã lòng.*

[...]

(Lê Trí Viễn)

b) Dùng câu để liên kết đoạn văn

Câu có tác dụng liên kết đoạn văn với đoạn văn được quy ước gọi là *câu nối*. Câu nối thường đứng đầu đoạn văn để nối ý đoạn văn chứa nó với phần văn bản trước nó.

tuongxua.vn

[...]

U lại nói tiếp :

– Chăn cho giỏi, rồi hôm nào phiên chợ u mua giấy về bố đóng sách cho mà đi học bên anh Thân.

Ái dà, lại còn chuyện đi học nữa cơ đấy ! *Học thích hơn hay đi chăn nghé thích hơn nhỉ ? Thôi, cái gì làm một cái thôi. Thế thằng Các nó vừa chăn trâu vừa đi học đấy thì sao.*

[...]

(Bùi Hiển)

2. Hướng liên kết đoạn văn

Các từ ngữ có tác dụng liên kết đoạn văn có thể cho thấy đoạn văn chứa nó liên kết với phần văn bản trước nó, hoặc sau nó, hoặc cả hai. Đó là *hướng liên kết của đoạn văn.*

a) Hướng về phần trước của văn bản (hướng lùi, hồi chỉ)

Ví dụ :

Giảng văn rõ ràng là khó.

Nói **như vậy** *để nêu ra một sự thật. Không phải nhằm hù dọa, càng không phải để làm ngã lòng.*

(Lê Trí Viễn)

b) Hướng về phần sau của văn bản (hướng tới, khứ chỉ)

Ví dụ :

Trách nhiệm của cán bộ chính quyền và đoàn thể là phải xem trọng những phê bình và những lời đề nghị của quần chúng.

Nhưng *vẫn có nhiều cán bộ không làm đúng như vậy.*

(Hồ Chí Minh)

c) Hướng về cả hai phía (hồi – khứ chỉ)

Ví dụ :

Buổi sáng hôm nay, mùa đông đột nhiên đến không báo cho biết trước. Vừa mới ngày hôm qua trời hãy còn nắng ấm và hanh, cái nắng về cuối tháng mười làm nứt nẻ đồng ruộng, và làm giòn khô những chiếc lá rơi. Sơn và chị chơi cỏ gà ở ngoài cánh đồng còn thấy nóng bức, chảy mồ hôi.

Thế mà *qua một đêm mưa rào, trời bỗng đổi ra gió bấc rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt.*

[...]

(Thạch Lam)

Trong *thế mà*, từ *thế* chỉ cái đã nói ở đoạn văn trên, tức có hướng liên kết lùi, còn từ *mà* chỉ cái sẽ nói trong đoạn văn này, tức có hướng liên kết tới. *Thế mà* có dạng đầy đủ là *(tuy) thế (nhưng) mà.*

Ví dụ 2 : (Xem ví dụ ở mục 1b : *Dùng câu để liên kết đoạn văn)*

Câu : *Ái dà, lại còn chuyện đi học nữa cơ đấy !* có nội dung vừa hướng về phía lời bà mẹ nói ở đoạn văn trước, lại có tư cách là câu chốt của những điều suy nghĩ diễn ra trong đầu óc cu Tí nói tiếp theo ở đoạn văn này. Vì vậy, câu này có tác dụng liên kết cả hướng lùi lẫn hướng tới (hồi – khứ chỉ).

Chú thích : Những điều nói về hướng liên kết của đoạn văn cũng dùng được trong việc xem xét hướng liên kết giữa câu với câu.

Để liên kết đoạn văn với đoạn văn trong văn bản, có thể sử dụng tất cả các phương tiện liên kết liên câu đã biết (xem *Tiếng Việt 8*. 1995). Sau đây là một số phương tiện khác nữa thường dùng trong liên kết đoạn văn :

a) Dùng từ ngữ chỉ :

– trình tự, phương diện, sự bổ sung,

– ý tổng kết, khái quát sự việc,

– ý đối lập, tương phản,

– sự thay thế (các đại từ và các từ ngữ có tác dụng thay thế khác).

b) Dùng câu

Trong sự liên kết đoạn văn, qua các phương tiện liên kết có thể xác định được hướng liên kết : hướng lùi (hồi chỉ) hướng tới (khứ chỉ), hai hướng (hồi – khứ chỉ).

III – BÀI TẬP

1. Gạch dưới từ ngữ có tác dụng liên kết đoạn văn trong những phần trích sau đây, và cho biết chúng có nội dung gì :

a) [...] *Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng thế Sơn Tinh vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần nước đành phải rút quân.*

Từ đó, oán nặng, thù sâu, hàng năm Thủy Tinh làm mưa gió, bão lụt dâng nước đánh Sơn Tinh.

(Truyện *Sơn Tinh – Thủy Tinh*)

[...]

b) *Trong thời kì quá độ, bên những thành tích tốt đẹp là chính, vẫn còn sót những cái xấu xa của xã hội cũ như : tham ô, lãng phí, lười biếng, quan liêu, đánh con, đập vợ... Đối với những thói xấu đó, văn nghệ cũng cần phải phê bình rất nghiêm khắc, nhằm làm cho xã hội ta ngày càng lành mạnh, tốt đẹp hơn.*

Nói tóm lại : phải có khen, cũng phải có chê. Nhưng khen hay chê đều phải đúng mức. Khen quá lời thì người được khen cũng hổ ngươi. Mà chê quá đáng thì người bị chê cũng khó tiếp thụ.

(Hồ Chí Minh)

c) *Tháp Ep-phen không những được coi là biểu tượng của Pa-ri, mà còn là biểu tượng của nước Pháp. Nó được dùng để trang trí những trang đầu của sách hướng dẫn du lịch trên nước Pháp, được làm biểu tượng trong phim ảnh; được in trong các văn kiện chính thức, những tem thư và bưu ảnh...*

Tuy nhiên, điều đáng kể là việc xây dựng tháp đã là một bài học có giá trị về óc sáng tạo và tổ chức trong công tác xây dựng...

(Truyện *Bàn tay và khối óc*)

2. Xác định hướng liên kết của các phương tiện liên kết đoạn văn trong các phần trích trên.

3. Câu in đậm trong phần trích sau đây có tác dụng liên kết đoạn văn như thế nào ?

thuongmaitr

[...]

Nó móc túi lấy tờ giấy đưa tôi xem. Đó là công văn quyết định của Nguyên nghỉ công tác từ tháng chín để ôn thi vào trường Cao đẳng Mĩ thuật. Nguyên đã có bằng cấp III bổ túc văn hóa. Gần cuối bữa ăn, Nguyên bảo tôi :

– Chị ơi, em... em... – Nó bỏ lửng không nói tiếp. Tôi bỏ bát bún đang ăn dở nhìn nó khó hiểu. Thảo nào trong lúc nói chuyện, tôi có cảm giác như nó định nói chuyện gì đó nhưng còn ngần ngại.

– Chị tính xem em nên đi học hay đi bộ đội ? – Nó nhìn tôi không chớp mắt.

Thật khó trả lời. *Lâu nay tôi vẫn là người chị khuyên bảo lời hay lẽ phải. Bây giờ phải nói với nó ra sao ? Đi bộ đội hay đi học ?*

[...]

(Thùy Linh)

4. Viết vài ba đoạn văn trong đó có dùng phương tiện liên kết là từ ngữ chỉ ý tổng kết, khái quát sự việc, vấn đề.

5. Viết vài ba đoạn văn theo đề tài tùy chọn, sử dụng các phương tiện liên kết đoạn văn đã biết (kể cả các phương tiện dùng trong liên kết câu, nay dùng vào liên kết đoạn văn). Cho biết chúng thuộc loại phương tiện liên kết nào ?

Tiết 29

LUYỆN TẬP VỀ LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN

1. Tìm các phương tiện liên kết đoạn văn trong phần trích sau đây :

(I) CHỦ ĐỀ

– Nhà văn lấy tài liệu trong cuộc sống để xây dựng tác phẩm. Tài liệu mà cuộc sống cung cấp cho nhà văn gọi là đề tài. Đề tài gồm người, việc, cảnh trong cuộc sống. Đề tài có thể rộng lớn [...] có thể nhỏ hẹp [...] Nhưng quan trọng là chủ đề chứ không phải đề tài, từ một đề tài nhỏ vẫn có thể rút ra một chủ đề lớn [...]

– Vậy chủ đề là gì ? Chủ đề là vấn đề mà nhà văn nhận thức được từ đề tài trong cuộc sống, nêu lên thành vấn đề chủ yếu và tìm cách giải quyết trong tác phẩm theo cách nhìn nhận riêng của mình. Ví dụ : [...]

– Chủ đề là xương sống, linh hồn của tác phẩm. Nó thống nhất mọi yếu tố, mọi sáng tạo trong tác phẩm thành một mối theo một hướng nhất định ; ngược lại mọi yếu tố, mọi sáng tạo đều phải nhằm mục đích phục vụ chủ đề, làm rõ chủ đề.

– Một chủ đề hay phải là một chủ đề có cái mới, sâu và đúng, phát hiện được một vấn đề mới của cuộc sống và đề ra được cách giải quyết hợp lí, rõ ràng.

(*Văn 9.* Tập hai. 1992)

2. Mấy câu sau đây có tác dụng liên kết đoạn văn theo hướng nào ? Gạch dưới những từ ngữ chỉ hướng liên kết đó :

[...]

Trở lên, tôi đã đứng về phía người đọc, người nghe mà nhìn nhận tác dụng của phê bình. Cũng có thể đứng về phía người sáng tác mà nhìn vấn đề [...]

(Hoài Thanh)

3. Gạch dưới những từ ngữ có tác dụng liên kết đoạn văn trong phần trích sau đây. Cho biết từ ngữ nào có tác dụng liên kết đoạn văn nào với đoạn văn nào ?

[...]

(III) KẾT CẤU

[I] *Kết cấu là cách tổ chức tác phẩm làm cho các bộ phận, yếu tố, chi tiết hợp lại thành một thể thống nhất, hợp lí, mạch lạc, góp phần thể hiện rõ chủ đề và nội dung.*

[II] *Trong cách kết cấu một tác phẩm có hai vấn đề chính cần giải quyết một cách sáng tạo.*

[III] 1. *Vấn đề phân lượng : cái gì cần nói nhiều, cái gì chỉ nói ít, cái gì cần đi sâu, cái gì chỉ lướt qua.*

[IV] 2. *Vấn đề trình tự : cái gì cần nói trước, cái gì cần nói sau, sắp xếp phân bố nội dung thế nào cho hợp lí, mạch lạc, hấp dẫn.*

[V] *Một số trình tự kết cấu tác phẩm văn học thường gặp là những trình tự sau, được dùng riêng rẽ hoặc phối hợp :*

[VI] – *Trình tự thời gian (...)*

[VII] – *Trình tự song song (...)*

[VIII] – *Trình tự hồi ức (...)*

[IX] – *Trình tự tâm lí (...)*

4. Phần trích *Kết cấu* ở bài tập 3 có cách tổ chức có thể lược đồ hóa như sau, hãy điền vào chỗ trống (ba chấm) những từ ngữ lấy ý trong từng đoạn văn thế nào cho thấy được các đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau :

thuongmaitr

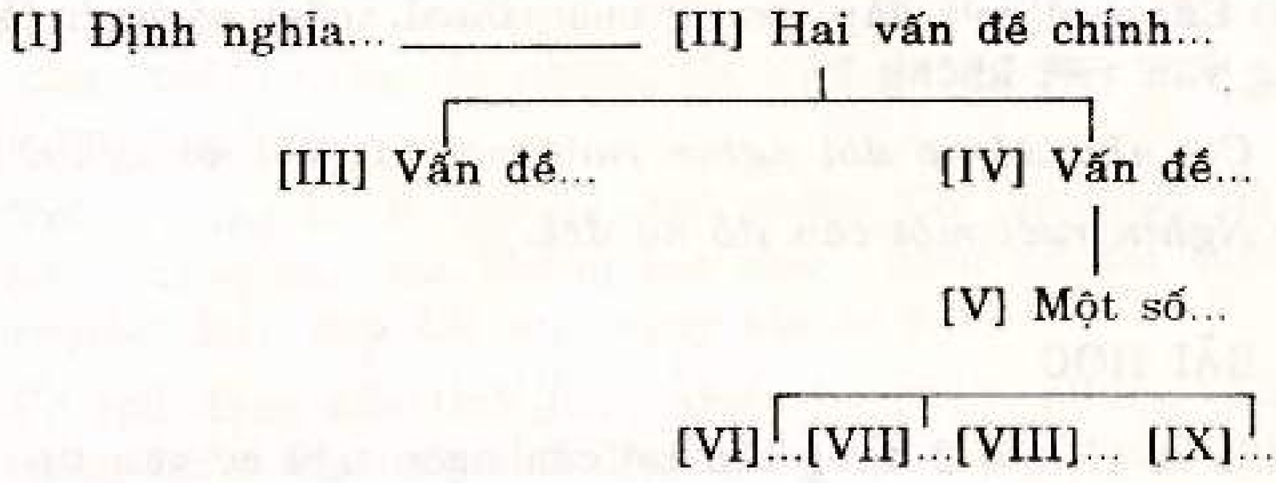

5. Theo mẫu lược đồ tổ chức phần trích *Kết cấu* ở bài tập 3, hãy lập lược đồ tổ chức phần trích *Chủ đề* dẫn ở bài tập 1.

Tiết 30

VĂN BẢN VIẾT VÀ VĂN BẢN NÓI

I – TÌM HIỂU BÀI

tuongxua.vn

1. Đọc phần đối thoại sau đây, gạch dưới những chỗ nào thường chỉ dùng trong lời nói hằng ngày, không dùng trong văn viết :

L – *Chị tưởng mọi hôm cà chua rẻ lắm cơ mà ?*

T – *Ừ rẻ. Hôm nay nó thế. Mọi hôm thì rẻ thật. Hôm nay không còn một cái gì. Chị cứ tưởng tượng chạy ra chợ không mua được một cái gì. Ngoài rau thì là nhiều, không có một cái gì hết. Đậu không có, thịt thủ không có. Kinh khủng chưa.*

L – *Hay là có khi hôm nay rét nó không bán nhỉ ?*

T – *Chẳng biết được. Coi như đồ nó đòi nghìn rưỡi một cân trả nó nghìn hai.*

L – *Nghìn rưỡi một cân ?*

T – *Nghìn rưỡi một cân đồ nó đòi. Mua nghìn hai đây này.*

L – *Trời ơi !*

T – *Mua ba lạng đồ cân răng cân lợi vào mà mua.*

L – *Hôm nay cái gì cũng đắt nhỉ.*

[...]

(Tài liệu của Nguyễn Thị Việt Thanh)

2. Các câu sau đây (trong cuộc thoại trên) có bình thường trong văn viết không ?

– *Coi như đổ nó đòi nghìn rưỡi một cân trả nó nghìn hai...*

– *Nghìn rưởi một cân đổ nó đòi.*

II – BÀI HỌC

Nói và viết là 2 dạng tồn tại của ngôn ngữ có văn tự.

Văn viết dùng trong các văn bản viết tay hoặc in ấn như : thư từ, báo cáo công việc, các văn bản hành chính, pháp luật, các tài liệu khoa học, các bài chính luận v.v...

Văn nói trước hết là ngôn ngữ dùng nói miệng trong đời sống hằng ngày ở gia đình, xí nghiệp, chợ búa, bến xe v.v... sau nữa là lời lẽ miệng trong việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức, lời giảng bài v.v...

Giữa văn viết và văn nói có những điểm khác biệt cần chú ý để tránh : viết như nói miệng, nói như đọc sách.

thuongmaitr

1. Mấy điểm cần chú ý của văn viết

a) Viết phải đúng chính tả, đúng quy cách viết con chữ, đúng quy cách viết xuống dòng, dùng tốt dấu câu.

b) Tránh dùng những từ ngữ dung tục, tránh dùng những từ ngữ của riêng văn nói như : *(tẩm) một cái, khối ra đấy, cục* (= nhiều), *khủng khiếp* (= mức độ cao), *hết sảy* (= mức độ cao) v.v... Tránh dùng những từ ngữ địa phương quá hẹp.

c) Có thể dùng câu tỉnh lược chủ ngữ và bổ ngữ nếu vẫn dễ hiểu ; tránh dùng câu tỉnh lược cả chủ ngữ lẫn vị ngữ mà không có mục đích diễn tả đủ rõ, dễ nhận biết.

d) Văn viết thường có điều kiện để kiểm tra, gọt giũa cách dùng từ, dùng câu, bố cục văn bản... Nên tận dụng những điều kiện này.

2. Mấy điểm cần chú ý của văn nói

a) Sử dụng tốt ngữ điệu (chỗ lên giọng, xuống giọng, kéo dài, chỗ ngắt, ngừng...) và cử chỉ, nét mặt, điệu bộ (dùng đúng kiểu,

đúng chỗ ; không thừa hoặc quá kiểu cách, kệch cỡm...). Cố gắng tránh càng nhiều càng tốt những lỗi trầm trọng của cách phát âm địa phương hẹp.

b) Tránh dùng lời lẽ tục tĩu, thô thiển. Có thể dùng những cách nói thường gặp mà không tục như : *nghỉ xả hơi một cái đã, hay phải biết, đẹp hết sảy, ngay tắp lự v.v...*

c) Có thể dùng câu tỉnh lược nhiều bộ phận, nhưng cần đủ hiểu trong hoàn cảnh cụ thể đó. Nhiều khi cũng dùng từ ngữ lặp thừa.

d) Văn nói thường là những phản ứng tức thời, không có điều kiện kiểm tra sửa chữa, cho nên cần thận trọng để diễn đạt tốt ý nghĩ, tình cảm của mình mà giữ được phép lịch sự và không làm mất lòng, phật ý người khác.

Chú thích : Văn chương nghệ thuật có thể dùng trong văn viết cả những cách riêng của văn nói, nhưng phải đúng chỗ và có ý định diễn đạt nhất định.

truongxua.vn

Nói và viết là 2 dạng tồn tại của ngôn ngữ (có văn tự). Văn bản viết và văn bản nói khác biệt rõ nhất ở lời in trên sách báo và lời nói hằng ngày trong sinh hoạt xã hội.

Viết phải đúng chính tả, tránh dùng từ ngữ dung tục, tránh những lối diễn đạt của văn nói như : (*tẩm) một cái, khối ra đấy, kinh khủng, hết sảy...*, tránh dùng từ địa phương quá hẹp. Cần kiểm tra lại bài viết trước khi dùng.

Nói cần sử dụng tốt ngữ điệu, điệu bộ, dùng đúng những lối diễn đạt vốn riêng của văn nói (*một cái, kinh khủng, hết sảy...*), dùng hợp lí câu tỉnh lược, tránh dùng lời tục tĩu. Vì lời nói không có điều kiện kiểm tra trước, nên suy nghĩ kĩ trước khi nói.

III – BÀI TẬP

1. Đọc những cuộc thoại sau đây, chỉ ra những chỗ không dùng trong văn viết :

a) N – *Bày cái Dung gì nhỉ. Cái Dung ấy nó mặc, cứ hay mặc bộ đen ấy nhỉ.*

P – *Ừ đúng rồi, nó có cái bộ ấy !*

N – *Hôm nay nó lại mặc cái bộ đen ấy. Khiếp nhìn cái bộ đen ấy !*

P – *Cái bộ đen ấy mới nhỉ ? Nhìn trong tối tối lại hay hay chứ nhờ !*

b) L – *Người có chồng có con rồi đấy ! Đi học, chị thấy ngại thế.*

P – *Ở lớp em cũng có một, một cô cũng già, già rồi cũng...*

L – *Cái cô mà hôm ấy chị... gầy gầy đấy gì...*

P – *Ừ đấy, tóc quăn quăn đấy.*

L – *Lớp chị thì có mấy ông già, cũng già. Còn một cái chị đấy thì thì cũng có chồng rồi đấy, vẫn đi học.*

P – *Bọn nó khá thế, cảm giác như kiểu chúng nó chăm chú học ghê lắm. Mình cứ học kiểu lẻng phẻng để biết thôi đúng không ? Qua loa, nên là á chán học.*

L – *Thôi.*

(Tài liệu của Nguyễn Thị Việt Thanh)

2. Tìm những từ ngữ và cách diễn đạt thuộc văn nói trong những phần trích sau đây :

– *Con Lu này được cái lễ phép lắm. Tôi dạy mãi mới được đấy. Này, đĩa đồ ăn của nó đây nhé, cơm trộn với thịt, ngon lành thế này, nhưng tôi chưa cho ăn thì đố có dám ăn. Ngay khuất mắt mình cũng vậy.*

(Nguyễn Công Hoan)

– *Bà chị thay đổi thái độ rồi. Đất Điện Biên là dính người phải biết. Huân ơi, làm một tiết mục văn nghệ chào bà chị mày.*

(Nguyễn Khải)

– *Có nhận ra không nào ? Quên ư, bạn nối khố thuở bé đây mà.*

(Nguyễn Địch Dũng)

thuongmaitr

– À thằng này giỏi. Tao nuôi mày của chất cao hơn người thử hỏi mày đã làm được gì báo đáp tao chưa mà tấp tểnh, học đòi, phá của đấy hử ?

(Nguyễn Kiên)

3. Đọc kĩ phần trích văn bản viết sau đây, nhận xét về cách dùng từ, ngữ, cách đặt câu (dài, ngắn), cách tổ chức các ý (tính chất hợp lí giữa các ý, quan hệ qua lại giữa các ý), cách dùng dấu câu :

Tóm lại văn học viết của dân tộc đã phát triển liên tục trong mười thế kỉ quốc gia độc lập, cùng với sự phát triển của dân tộc. Văn học viết bao gồm văn học chữ Hán và văn học chữ Nôm, nó cùng với văn học dân gian truyền miệng hợp thành một nền văn học dân tộc hoàn chỉnh, hỗ trợ và bổ sung cho nhau. Nền văn học ấy không chỉ phản ánh đất nước và con người Việt Nam mà còn chính là ý thức của người Việt Nam về đất nước, Tổ quốc, dân tộc và bản thân mình góp phần tạo ra một điệu tâm hồn chung cho người Việt Nam từ bắc chí nam. Nền văn học ấy lớn lên từ cuộc đấu tranh của dân tộc, đồng thời lại là một sức mạnh tinh thần tham gia vào cuộc đấu tranh lâu dài của dân tộc.

(*Văn 9.* Tập một . 1992)

uongxua.vn

Tiết 31

THỰC HÀNH CHUYỂN VĂN BẢN VIẾT THÀNH VĂN BẢN NÓI

1. Hãy kể lại cho các em bé nghe truyện cười trình bày dưới dạng viết sau đây, không dùng hình thức đối thoại :

MẤT RỒI

Một người sắp đi chơi xa dặn con :

– Ở nhà có ai hỏi, thì bảo bố đi chơi vắng nhé !

Sợ con mải chơi quên mất, lại cẩn thận lấy bút viết vào giấy rồi bảo :

– Có ai hỏi thì con cứ đưa cái giấy này.

Con cầm giấy bỏ vào túi áo. Cả ngày chẳng thấy ai hỏi. Tối đến, sẵn có ngọn đèn, nó lấy giấy ra xem, chẳng may vô ý để giấy cháy mất.

Hôm sau có người đến chơi, hỏi :

– Thầy cháu có nhà không ?

Nó ngẩn ngơ hồi lâu, sực nhớ ra, sờ vào túi không thấy giấy, liền nói :

– Mất rồi !

Khách giật mình hỏi :

– Mất bao giờ ?

– Tối hôm qua.

– Sao mà mất ?

– Cháy.

(Trương Chính – Phong Châu.
Tiếng cười dân gian Việt Nam)

thuongmaitr

2. Trong sách *Vấn đề quyền trẻ em* (của *Tổ chức hỗ trợ – giáo dục trẻ em thiệt thòi* do Nhà xuất bản Sự thật ấn hành 1992) có phần nội dung như sau. Hãy thuật miệng lại với những người bạn hoặc người bà con không có dịp đọc nội dung đó (gợi ý : nên làm dàn bài trước khi thuật miệng) :

[...]

Tình hình sức khỏe của trẻ em nói riêng và của nhân dân nói chung chưa được tốt ở nhiều mặt là do nhiều nguyên nhân.

Cần kể đến các nguyên nhân sau đây :

+ Trước hết, phải kể đến hiện trạng đời sống vật chất thấp kém trong nhân dân. Thu nhập hằng ngày của nhiều gia đình không đủ bảo đảm mức ăn tối thiểu nên trẻ em trong những gia đình đó thiếu được nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo.

+ Trong sinh hoạt hằng ngày, cả ở thành thị lẫn nông thôn, tình trạng mất vệ sinh tương đối phổ biến [...]

+ Tỉ lệ tăng dân số ở Việt Nam còn khá cao. Chỉ tiêu đề ra là 1,7% nhưng trên thực tế, tỉ lệ này còn cao hơn nhiều. Dân số tăng, sản xuất kém phát triển là nguyên nhân làm cho đời sống khó khăn, ảnh hưởng tới việc nuôi dạy trẻ em.

Theo dõi sự gia tăng dân số từ thập kỉ 80 trở lại đây ta thấy hầu như tỉ lệ tăng đều trên 2%.

1980 : 2,53%	1985 : 2,18%
1981 : 2,53%	1986 : 2,26%
1982 : 2,53%	1987 : 2,25%
1983 : 2,52%	1988 : 2,24%
1984 : 1,97%	1989 : 2,23%

+ Điều kiện làm việc của người lao động không được đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định. Điều này ảnh hưởng đến việc sinh đẻ và nuôi dạy con cái. Nhiều trẻ em là nạn nhân của hiện tượng cha mẹ làm việc trong những điều kiện không đảm bảo vệ sinh, môi trường bị ô nhiễm.

uongxua.vn

+ Hệ sinh thái bị phá hủy nhanh chóng, gây nên những tổn thất nặng nề về kinh tế, về sản xuất, về đời sống. Do nạn phá rừng mà ở nhiều nơi năm nào cũng bị lũ lụt, ảnh hưởng lớn đến đời sống.

Tham khảo bảng tỉ lệ đất được rừng che phủ ngày càng giảm đi ta thấy tình hình hệ sinh thái bị phá hủy là đáng báo động.

	Năm 1943	*Năm 1975*	*Năm 1983*
Cả nước	*40,7%*	*28,6%*	*23,8%*
Bắc Bộ	*47,5%*	*19,0%*	*16,1%*
Trung Bộ	*39,4%*	*40,8%*	*34,4%*
Nam Bộ	*31,5%*	*17,1%*	*11,1%*

Chú thích : Khi trình bày miệng, cần chuyển ngôi nhân xưng thứ nhất và ngôi nhân xưng thứ hai sang ngôi nhân xưng thứ ba và cần chú ý tính mạch lạc của toàn văn bản.

Tiết 32

THỰC HÀNH LƯỢC THUẬT (VIẾT) CUỘC ĐỐI THOẠI

1. Đọc phần trích sau đây trong truyện ngắn *Lão Hạc* và nhận xét về cách lược thuật (viết) lời thoại trong đối thoại.

[...]

Và lão kể. Lão kể nhỏ nhẻ và dài dòng thật. Nhưng đại khái có thể rút vào hai việc. Việc thứ nhất : lão thì già, con đi vắng, vả lại nó cũng còn dại lắm, nếu không có người trông nom cho thì khó mà giữ được vườn đất để làm ăn ở làng này ; tôi là người nhiều chữ nghĩa, nhiều lí luận, người ta kiêng nể, vậy lão muốn nhờ tôi cho lão gửi ba sào vườn của thằng con lão ; lão viết văn tự nhượng cho tôi để không ai còn tơ tưởng dòm ngó đến ; khi nào con lão về thì nó sẽ nhận vườn làm, nhưng văn tự cứ để tên tôi cũng được, để thế để tôi trông coi cho nó.... Việc thứ hai : lão già yếu lắm rồi, không biết sống chết lúc nào ; con không có nhà, lỡ chết không biết ai đứng ra lo cho được ; để phiền cho hàng xóm thì chết không nhắm mắt ; lão còn được hăm nhăm đồng bạc với năm đồng vừa bán chó là ba mươi đồng bạc, muốn gửi tôi, để lỡ có chết thì tôi đem ra, nói với hàng xóm giúp, gọi là của lão có tí chút, còn bao nhiêu đành nhờ hàng xóm cả.

[...]

(Nam Cao)

2. Trong cuộc thoại sau đây có bao nhiêu đề tài (việc được nói đến) :

P – *Lớp Thúy học đến bài bao nhiêu rồi ?*

Q – *Bây giờ đến bài 11.*

T – *Vâng.*

P – *Thế ạ !*

T – *Bên ấy lớp học đến bài mấy rồi ?*

P – *Hôm trước thì tớ dạy đến bài 8. Hôm qua Hoa nó dạy đến bài 9 rồi.*

T – *À thế à.*

thuongmaitr

Q – *Mà tuần sau nó đổi buổi, chúng nó học ngày à thứ chẵn, cho nó học ngày chẵn. Không nó làm ảnh hưởng.*

T – *Đỡ ồn.*

Q – *Trẻ con làm gì được, rào rào.*

P – *Nhưng mà phải thế nó mới có không khí cơ. Chứ mình mà cứ lăng đi một cái là y như rằng chúng nó lại việc riêng ngay. Cứ là phải như thế.*

Q – *Phải liên tục hoạt động, nếu không nó lại a...*

P – *Liên tục. Ờ, ờ !*

A – *Cứ quay lên quay xuống.*

P – *Không có cách này thì lại cách khác. Không có tranh ảnh giờ ra thì lại phải đi đọc hoặc là bắt nọ bắt kia, chứ không thì lăng nó ra là chúng nó mất trật tự.*

T – *Buồn cười, học cùng với cả bọn này bọn này lúc giờ ra chơi khiếp nó ồn ào, nó cứ sang bên này nó trêu cái ông à cái anh gì lớp trưởng bán bỏng rang bơ.*

truongxua.vn

(Tài liệu của Nguyễn Thị Việt Thanh)

3. Lược thuật (viết) cuộc thoại dẫn ở bài tập 2.

Tiết 33

ÔN TẬP HỌC KÌ II

I – NỘI DUNG

1. Đoạn văn được quy ước hiểu như thế nào ? Các đoạn văn thường quan hệ với nhau theo 2 kiểu nào ?

2. Có những kiểu quan hệ nào giữa đoạn văn với đề tài trong đoạn văn ?

3. Câu chốt trong đoạn văn (nếu có) có tác dụng gì đối với việc xây dựng đoạn văn ?

4. Việc tách đoạn văn có những căn cứ gì ? Cho những hiện tượng cụ thể minh họa.

5. Nhắc lại 4 cách trình bày ý trong một đoạn văn. Nêu ví dụ minh họa.

6. Có thể dùng những phương tiện liên kết nào để liên kết đoạn văn với đoạn văn ? Kể ra những phương tiện liên kết đoạn văn dễ nhận biết và thường gặp (ngoài các phương tiện dùng trong liên kết liên câu).

7. Văn bản viết và văn bản nói có những điểm nào khác biệt nhau cần chú ý ?

II – BÀI TẬP

1. Đọc kĩ 2 đoạn văn nối tiếp sau đây và tìm câu chốt trong mỗi đoạn, qua đó cho biết ý chung, khái quát của mỗi đoạn nói về cái gì ?

[...]

(IV) NỘI DUNG

(1) *Văn học phản ánh cuộc sống bằng hình tượng, ghi lại bao cảnh đời, sự việc, con người và những vấn đề của con người, cung cấp cho ta một kho hiểu biết rất lớn về cuộc sống và con người.* (2) *Nhưng văn học không phản ánh máy móc, thụ động như một tấm gương mà thông qua tư tưởng, tình cảm, cách nhìn cách đánh giá của từng nhà văn.* (3) *Nó không chỉ miêu tả cuộc sống mà còn biểu hiện tư tưởng, nó phản ánh cuộc sống với một thái độ nhất định.* (4) *Vì thế, nội dung tác phẩm văn học có hai mặt gắn bó khăng khít, ảnh hưởng lẫn nhau là nội dung hiện thực trực tiếp miêu tả cuộc sống và nội dung tư tưởng biểu hiện cách nhìn, cách nghĩ, lí tưởng và tư tưởng của nhà văn trước những vấn đề của cuộc sống.*

(5) *Vì thế xem xét nội dung của một tác phẩm văn học phải chú ý hai mặt : nội dung phản ánh có chân thật không và nội dung tư tưởng có nhân đạo không.* (6) *Nội dung chân thật nghĩa là không che giấu sự thật, đi vào cái cơ bản, phát hiện được*

thuongmaitr

những vấn đề mới, bức thiết của đời sống, dự báo được tương lai. (7) Nội dung nhân đạo là quan tâm đến số phận của con người, đấu tranh cho quyền sống của con người, làm cho con người giữ được tính người, nâng cao làm giàu tâm hồn con người, chống cái ác, cái xấu, cái thấp hèn, lạc hậu.

(*Văn 9.* Tập hai . 1991)

2. Mỗi đoạn văn trên trình bày ý theo cách nào (quy nạp, diễn dịch, song hành, móc xích) ?

3. Từ ngữ nào trực tiếp cho thấy sự liên kết giữa đoạn văn thứ hai với đoạn văn thứ nhất ?

4. Tại sao phần trích trên lại được tác giả tách ra thành 2 đoạn văn ?

5. Trình bày miệng lại nội dung 2 đoạn văn trên (với bạn) trong buổi học ôn chung.

uongxua.vn

MỤC LỤC

		Trang
Tiết 1 :	Nghĩa miêu tả trong câu	3
Tiết 2 :	Tình thái trong câu	6
Tiết 3 :	Luyện tập về nghĩa của câu	9
Tiết 4 :	Mục đích nói	10
Tiết 5 :	Luyện tập về mục đích nói và câu phân loại theo mục đích nói	15
Tiết 6 :	Văn bản và đặc điểm của văn bản	16
Tiết 7 :	Phong cách ngôn ngữ văn bản	20
Tiết 8 :	Văn bản khoa học	24
Tiết 9 :	Luyện tập về văn bản khoa học	28
Tiết 10 :	Văn bản hành chính	29
Tiết 11 :	Văn bản chính luận	35
Tiết 12 :	Luyện tập về văn bản chính luận	39
Tiết 13 :	Văn bản nghệ thuật	40
Tiết 14 :	Các bước xây dựng văn bản	44
Tiết 15 :	Bố cục văn bản	48
Tiết 16 :	Luyện tập về bố cục văn bản	52
Tiết 17 :	Ôn tập học kì I	54
Tiết 18 :	Đoạn văn	55
Tiết 19 :	Đề tài trong đoạn văn	59
Tiết 20 :	Câu chốt trong đoạn văn	63
Tiết 21 :	Luyện tập về câu chốt trong đoạn văn	66

thuongmaitr

Tiết 22 : Tách đoạn văn 68
Tiết 23 : Tách đoạn văn (tiếp) 73
Tiết 24 : Luyện tập về tách đoạn văn 78
Tiết 25 : Trình bày nội dung trong một đoạn văn 80
Tiết 26 : Trình bày nội dung trong một đoạn văn (tiếp) 83
Tiết 27 : Luyện tập về trình bày nội dung trong một đoạn văn. 86
Tiết 28 : Liên kết đoạn văn 87
Tiết 29 : Luyện tập về liên kết đoạn văn 93
Tiết 30 : Văn bản viết và văn bản nói 95
Tiết 31 : Thực hành chuyển văn bản viết thành văn bản nói 99
Tiết 32 : Thực hành lược thuật (viết) cuộc đối thoại 102
Tiết 33 : Ôn tập học kì II 103

uongxua.vn

45 NĂM
1957-2002
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 9

1.	Tiếng Việt 9	*Tái bản*
2.	Văn học 9/1	*Tái bản*
3.	Văn học 9/2	*Tái bản*
4.	Tập làm văn 9	*Tái bản*
5.	Dàn bài tập làm văn 9	*Tái bản*
6.	Lịch sử 9/1	*Tái bản*
7.	Lịch sử 9/2	*Tái bản*
8.	Địa lí 9	*Tái bản*
9.	Tài liệu Giáo dục công dân 9	*Tái bản*
10.	Đại số 9	*Tái bản*
11.	Hình học 9	*Tái bản*
12.	Sinh học 9/1	*Tái bản*
13.	Sinh học 9/2	*Tái bản*
14.	Vật lí 9	*Tái bản*
15.	Hóa học 9	*Tái bản*
16.	Kĩ thuật 9 (Điện - CKNN)	*Tái bản*
17.	Tiếng Pháp 9	*Tái bản*
18.	English 9	*Tái bản*
19.	Bài tập Vật lí 9	*Tái bản*
20.	Bài tập Đại số 9	*Tái bản*
21.	Bài tập Hình học 9	*Tái bản*
22.	Bài tập Tiếng Việt 9	*Tái bản*
23.	Bài tập Hóa học 9	*Tái bản*
24.	Bài tập English 9	*Tái bản*

thuongmaitruongxua.vn

8 934980 102572

TIẾNG VIỆT 9

Mã số: 2H926T2
In 180.000 bản (ST), khổ 14,3 x 20,3 cm. In tại Công ty In và Văn hóa phẩm. Số in: 938. Số XB: 1302/271-01
In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2002.

Giá: 2.900đ